

Vào chốn ấy rồi, họ bị ngục tốt nắm lấy bọn chúng sanh địa ngục kia dựng chân chống lên trên, đầu chúc xuống, ném vào trong chõ, bị lửa dữ địa ngục thiêu đốt dữ dội. Khi nước dâng lên liền bị đun nấu, nước hạ xuống cũng bị đun nấu, hoặc ở giữa cũng bị đun nấu hoặc qua lại, che phủ, thấy cùng không thấy đều bị đun nấu. Thí như các loại đậu bị nấu trong chõ, bị lửa thiêu đốt, nước sôi trào lên cũng bị đun nấu,... *cho đến* hoặc thấy, không thấy đều bị đun nấu.

Chư Tỳ-kheo, cũng như thế, các loài chúng sanh ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần, bị ngục tốt nắm hai chân dựng ngược lên, đầu chúc xuống, ném vào trong chõ. Bọn họ ở trong đó bị lửa địa ngục thiêu đốt, hoặc khi nước sôi trào lên, hoặc qua lại, đều bị đun nấu... *cho đến* hoặc thấy, không thấy đều bị đun nấu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần kia, bị ngục tốt dùng móng tay sắt như còng cua chụp vào thân đưa từ chõ này đến chõ khác; khi đưa bọn họ từ chõ này sang chõ kia thì thịt, da, máu, mủ đều tan hết, chỉ còn bộ xương. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng chưa chết được, cho đến khi nghiệp bất thiện đã tạo ra khi còn làm người chưa hết, thì tất cả đều nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng rồi từ tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy được ra, ra rồi rong ruổi... *cho đến* khi muốn tìm cầu chõ cứu hộ liền chạy vào trong tiểu ngục Ngại điệp rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, ngục tốt chụp nắm các chúng sanh bị tội ấy, vật nằm ngửa trên cối sắt, đốt đỏ rực lên. Khi tội nhân nằm ngửa như thế, ngục tốt dùng một hòn đá đè lên trên; đè lên rồi, hình thể biến dạng, kế đó xay nhỏ ra, xay đi xay lại cho đến khi nát nhuyễn; đã nát nhuyễn rồi lại xay cho nhuyễn hơn nữa; phần nát nhuyễn sau cùng để riêng một chõ, rồi tiếp tục xay nữa, xay đi xay lại cho đến khi hết sức nhuyễn, làm cho thân thể nát nhừ, máu huyết lan chảy, chỉ còn xương cốt nhỏ. Khi ấy bọn họ chịu khổ vô cùng, nhưng chưa chết được, cho đến khi nghiệp bất thiện đã tạo ra khi còn làm người chưa hết, thì phải lần lượt chịu đầy đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Ngại điệp rộng năm trăm

do-tuần đó được ra; ra rồi rong ruỗi, muốn tìm kiếm nhà cửa, muốn tìm chỗ nương tựa, che chở, liền chạy vào trong tiểu địa ngục Hộc lượng rộng năm trăm do-tuần. Vào nơi ấy rồi, ngục tốt tóm lấy các chúng sanh địa ngục ấy lấy hộc sắt nóng đang cháy đỏ mãnh liệt, đưa cho họ đong lửa. Khi bọn họ đong lửa thì tay bị cháy chân bị cháy, tai bị cháy, mũi bị cháy, các bộ phận lớn bị cháy, các bộ phận nhỏ bị cháy. Các bộ phận thân thể bị cháy rồi, bọn họ ở đó chịu khổ vô cùng nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện chưa hết thì chẳng diệt, chẳng chết, chẳng lìa, chẳng mất; cho đến những việc đã gây ra trong đời quá khứ, hoặc những việc tạo ra khi làm người, cứ lần lượt chịu đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian sâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Hộc lượng rộng năm trăm do-tuần kia được thoát ra; ra rồi rong ruỗi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu sự cứu hộ, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quy y, liền chạy vào trong tiểu địa ngục Kê rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, nơi ấy sản sinh đầy gà, cho đến ngập gối, lửa cháy hừng hực vô cùng mãnh liệt. Các chúng sanh kia đi đứng trong đó, bị thiêu đốt theo từng bước, chạy trốn khắp nơi, ngoại nhin bốn hướng không chỗ nương tựa. Lửa dữ thiêu đốt: đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi, đốt tai mũi xong, đốt các bộ phận lớn nhỏ cùng một lúc, đều đỏ rực lên. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, cho đến chịu đau đớn càng lúc càng nặng nhưng vẫn chưa chết, vì chưa hết nghiệp ác bất thiện mà khi làm thân người đã tạo tác, nay đây theo thứ lớp chịu đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Kê ấy được ra, ra rồi cứ mãi rong ruỗi chạy tìm... *cho đến* muốn cầu chỗ cứu hộ, liền chạy vào tiểu địa ngục Khôi hà (Sông tro) cũng rộng năm trăm do-tuần. Chư Tỳ-kheo, tội nhân vào rồi, dòng sông tro ấy chảy rất nhanh, sóng dâng cao, tiếng sóng vỗ vang động, nước tro sục sôi, đầy ngập tới bờ. Phần dưới đáy sông tro ấy có loại gai sắt mũi nhọn như mài, hai bên bờ sông lại có rừng dao cạo. Trong rừng dao ở hai bên bờ sông ấy lại có các con chó màu đen dơ bẩn đáng sợ. Ở hai bên bờ, lại có ngục tốt; hai bên bờ lại mọc cây Xa-ma-la; cây ấy có gai nhô dài

sắc bén, mũi nhọn như mài. Bấy giờ bọn họ, chúng sanh trong địa ngục, xuống sông đó, muốn lội qua bên kia bờ. Trong khi đang lội, họ bị sóng lớn nhặt chìm, trong khi chìm xuống nửa chừng, bị gai sắt đâm chích thân hình; bị đâm liền dừng lại, bọn họ chịu khổ vô cùng, chịu khổ quá nặng. Khi nổi lên, họ lội đến bờ bên kia của dòng sông tro. Đến bờ rồi, liền vào rừng dao cạo kia; rừng đó rất rộng. Trải qua thời gian dài, họ lội trên dao bén. Bọn họ lội cùng khắp ở trong đó, vào rồi, lại vào nữa, chịu khổ vô cùng, hoặc bị cắt tay, hoặc có lúc bị cắt chân, cắt tai, cắt mũi; cắt tai mũi rồi, lại cắt các bộ phận khác. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng nặng nhưng chưa chết được, vì nghiệp ác bất thiện chưa hết và những điều đã tạo ra trong quá khứ xa xưa, hoặc trong khi làm người, ở trong đó, đều chịu hết. Lại nữa, ở hai bên bờ của dòng sông tro kia có các ngục tốt thấy các chúng sanh thọ tội kia đến liền hỏi: “Nay các ngươi muốn được vật gì?” Các chúng sanh ấy liền đồng thanh đáp: “Chúng tôi rất đói”. Khi ấy ngục tốt tóm lấy các chúng sanh địa ngục ấy vật ngã trên đất đang cháy hừng hực, nóng bức vô cùng... *cho đến* vật nằm ngửa, dùng kìm sắt cạy miệng họ ra, cầm hòn sắt nóng bỏ vào. Ngay khi ấy họ bị đốt cháy, môi miệng chúng sanh địa ngục ấy bị cháy lõi... *cho đến* từ yết hầu trở xuống đến ruột non, đi thẳng không có trở ngại. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện của họ, và những điều gây ra ngày trước khi làm người chưa hết thì đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ của dòng sông tro sôi sục ấy có các con chó thân màu nâu sậm, dơ dáy, dễ sợ cắn thân chúng sanh địa ngục kia; xé từng miếng thịt trên các bộ phận cơ thể mà ăn, chúng gầm gừ hoặc nhẹ răng sủa vang. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, chịu khổ không kể xiết nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện và điều gây ra ngày xưa khi còn làm người chưa hết thì phải chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục đó, khi bị nước tro rất nóng của sông tro vọt lên làm khốn khổ, họ lại bị gai sắt nhọn bén làm khốn đốn. Họ sợ hãi rừng dao cạo, bọn ngục tốt và cùng nhau trốn tránh lũ chó màu nâu dơ bẩn vì tất cả đều bức bách nên các chúng sanh địa ngục kia liền trèo lên cây Xa-ma-la. Khi leo lên

cây thì cành nhánh của cây ấy toàn là gai nhọn rất sắt bén, đều chĩa đầu xuống, đầu nhọn như mài. Khi bọn chúng sanh địa ngục kia leo lên cây Xa-ma-la rồi, liền có các con quạ tên là “Mỏ sắt” bay tới mổ trên đầu bọn chúng sanh địa ngục kia; mổ bể đầu rồi hút não mà ăn. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng, chịu khổ không kể xiết, không thể chịu đựng, liền rơi vào sông tro sôi. Họ ở trong đó lại bị sóng lớn vùi dập chìm tới tận đáy; đến đáy rồi, lại bị mũi nhọn đâm chích; thân thể bị đâm chích rồi không thể đi đâu được, liền ở tại đó chịu khổ, nỗi khổ cùng cực chẳng thể chịu nổi, nên lại vùng dậy chạy đi, lội qua sông tro, qua rồi trở lại, đến ở bờ bên này. Bọn họ lại vào rừng dao cạo; vào rồi vào nữa, khi vào bọn họ bị cắt tay, cắt chân... *cho đến* cắt tiệt các bộ phận cơ thể. Ở trong đó, chịu đủ các loại cực khổ nhưng vẫn chưa chết cho đến những điều ác đã tạo thuở xa xưa khi còn làm người hoặc làm phi nhân chưa hết thì lần lượt chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở bờ bên này của dòng sông tro sôi ấy, có các ngục tốt, bọn họ từ xa thấy các chúng sanh thọ tội địa ngục đến, liền hỏi: “Bọn người từ xa đến có việc gì? Muốn được vật gì?” Các chúng sanh ấy đồng thanh đáp: “Chúng tôi khát nước”. Khi ấy ngục tốt tóm lấy chúng sanh kia vật nằm ngữa trên nền sắt đỏ rực. Khi các chúng sanh ấy đã nằm rồi, ngọn lửa bốc cháy, ngục tốt liền dùng kẽm sắt cạy miệng bọn họ, đổ nước đồng sôi vào trong miệng. Các chúng sanh địa ngục kia uống nước đồng sôi rồi, nước ấy làm phồng môi miệng... *cho đến* ruột non, rồi chảy thẳng ra ngoài. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng nhưng thọ mạng chưa tan, chưa diệt, chưa hết. Nhưng nghiệp bất thiện và những điều đã gây ra khi còn làm người đều chịu hết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy nhận chịu tội báo ở trong đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi có làn gió lớn thổi đến. Làn gió này tên là Hòa hiệp thổi bọn chúng sanh địa ngục ấy tới bên bờ... cứ tuần tự như thế, từ trong địa ngục Khôi hà được ra, họ lại rong ruổi... *cho đến* tìm cầu nơi cứu hộ, dẫn đến tiểu địa ngục Chước bản rộng năm trăm do-tuần. Vào địa ngục ấy, họ bị bọn ngục tốt tóm lấy vật nằm ngữa trên nền sắt nóng đỏ rực, rồi dùng rìu sắt nóng đỏ chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, xẻo tai xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, xẻo từng bộ phận, xẻo hết các bộ phận của bọn chúng

sanh địa ngục kia. Họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện và những điều đã tạo ra khi còn làm người chưa hết thì cứ tuần tự chịu đủ hết tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục kia ở trong đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Chước bản được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu chỗ nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại rơi vào tiểu địa ngục Đao diệp (lá dao) rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ấy rồi, vì không có các quả báo của nghiệp lành nên bỗng nhiên từ không trung gió nổi lên, rừng lá dao bằng sắt rơi xuống. Rừng lá dao ấy chém tay chém chân, chém cả tay chân, xẻo tai xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, xẻo từng bộ phận, xẻo hết các bộ phận của bọn chúng sanh địa ngục kia. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *cho đến* những điều ác gây ra khi còn làm người, chịu đủ hết tất cả ở trong đó.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục rừng lá dao kia vì không có quả báo của nghiệp lành nên có quạ mỏ sắt bỗng nhiên sanh ra bay đến đậu trên hai vai của bọn chúng sanh địa ngục kia. Sau khi đứng yên, nó liền dùng mỏ sắt mổ vào hai mắt của tội nhân ấy rồi bay đi. Khi đó tội nhân chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết,... *cho đến* khi những việc ác gây ra khi còn làm người chưa hết, thì cứ lần lượt như vậy, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục ấy bọn chúng sanh đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong địa ngục rừng lá dao được thoát ra; rồi rong ruổi muôn tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu nơi cứu hộ, lại vào trong tiểu địa ngục Hồ lang (Chó sói) rộng năm trăm do-tuần. Vào trong đó rồi, do quả báo của nghiệp bất thiện nên ở trong ngục ấy, sanh ra loại chó sói rất nóng hung dữ, nhe răng dẽ sơ, ngoạm thịt nơi thân của các chúng sanh địa ngục ấy, chân đạp, miệng xé nát nhừ để ăn, và phát ra tiếng kêu gầm gừ rất lớn. Họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *lược nói* *cho đến* những việc ác đã gây ra khi còn làm người, phi nhân cứ tuần tự như thế đều chịu đủ tất cả ở trong đó.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải

qua thời gian vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Hồ lang ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu sự che chở, tìm cầu sự cứu hộ, tìm cầu chỗ quay về, lại lọt vào tiểu địa ngục Hàn băng rộng năm trăm do-tuần. vào trong ấy rồi, vì quả báo của nghiệp bất thiện nên bỗng nhiên có làn gió lạnh nổi lên, một cái lạnh vô cùng tàn khốc chạm vào thân của chúng sanh địa ngục kia. Da dẻ họ bị phá nát; phá nát da rồi kế đến phá nát thịt; phá nát thịt rồi tiếp phá nát gân; phá nát gân rồi tiếp phá nát xương; phá nát xương rồi kế phá tan tủy; khi phá tan tủy rồi bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, đến nổi không thể chịu đựng được, ngay ở trong đó, mang chung.

Đó là địa ngục đầu tiên rất lớn tên là địa ngục Hoạt và mười sáu tiểu địa ngục khác.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Hắc thằng thứ hai cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần vây quanh, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến cho đến địa ngục thứ mươi sáu sau cùng là Hàn băng đều trực thuộc nhau.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó do nhân duyên gì mà địa ngục lớn này tên là Hắc thằng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy khi sanh ra, khi có mặt, khi xuất hiện, khi tồn tại vì quả báo của nghiệp bất thiện nên ở trên không trung, bỗng nhiên xuất hiện dây đèn lớn thô, đỏ hừng hực, toàn là lửa nóng dường như từ dưới đất vọt lên. Ở khoảng giữa có một đám mây đèn lớn, lan ra cùng khắp. Cũng như thế, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng do quả báo của các nghiệp bất thiện, nên ở trên không trung, xuất hiện dây đèn lớn đỏ rực rơi trên thân của bọn chúng sanh địa ngục kia; rơi trên thân rồi, liền đốt cháy da của các chúng sanh địa ngục; đốt da rồi đốt thịt; đốt thịt rồi đốt gân; đốt gân rồi đốt xương; đốt xương rồi thấu đến tủy; tủy vọt ra bốc cháy; tủy bốc cháy rồi lại phát ra ngọn lửa lớn. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng. Họ vì nghiệp tội nên vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện chưa hết, hoặc những việc đã gây ra thuở trước khi còn làm người hoặc phi nhân, chưa diệt, chưa chuyển, chưa trừ, chưa xong thì chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, có chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc

thằng kia khi sanh ra, khi có mặt, khi tồn tại, khi biến đổi vì quả báo của các nghiệp bất thiện nên khi ấy ngục tốt tóm lấy bọn chúng sanh địa ngục vật ngã trên nền sắt nóng hực, một cái nóng vô cùng mãnh liệt; vật nằm ngửa rồi, dùng dây sắt nóng quấn lại; đã quấn rồi, dùng rìu sắt cháy đỏ rực chặt ngang thân các chúng sanh địa ngục, phân làm hai phần, hoặc làm ba phần, bốn phần, năm phần, cho đến mười phần, hai mươi phần, hoặc năm mươi phần, hoặc một trăm phần. Giống như thợ mộc hoặc đệ tử của thợ mộc lành nghề ở thế gian, lấy các cây gỗ đặt trên đất rồi dùng dây mực kẻ qua; khi kẻ qua rồi, dùng rìu bén chặt làm hai phần, hoặc ba, bốn, năm phần hoặc mười phần, hai mươi phần, hoặc một trăm phần, cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng cũng lại như thế. Ngục tốt tóm lấy chúng sanh ấy vật ngã nằm ngửa trên nền sắt nóng hực, dùng dây sắt đen kẻ qua làm dấu, rồi dùng rìu chặt thân ra thành các đoạn ngắn cũng lại như thế. Bọn họ ở trong đó chịu đau đớn, khổ cực vô cùng, nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà các nghiệp ác bất thiện chưa hết, và những việc ác đã tạo ra thuở xưa khi còn làm thân người, thì chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh có trong đại địa ngục Hắc thằng khi có mặt, khi đổi khác cho đến khi tồn tại đều bị ngục tốt tóm lấy, vật ngã trên nền sắt nóng đỏ. Khi vật tội nhân nằm ngửa trên nền rồi, ngục tốt dùng dây sắt đen làm dấu trên thân, rồi dùng cưa sắt cháy đỏ cưa đứt thân của chúng sanh địa ngục kia; đứt rồi đứt nữa, cho đến đứt hết; kế đến xẻo, xẻo rồi xẻo nữa, cho đến xẻo hết, hoặc cắt, hoặc băm; đã cắt băm rồi, lại cắt băm nữa, hoặc cắt băm hết. Thí như người thợ cưa hoặc đệ tử của người thợ cưa lành nghề ở thế gian lấy các khúc gỗ đặt trên đất, dùng dây mực kẻ thành đường, rồi dùng cưa sắt bén cưa đứt ra, đứt rồi đứt nữa, cho đến đứt hết; kế đến lại đẽo; đẽo đi đẽo lại, cho đến đẽo hết; rồi lại bào gọt, đã bào gọt rồi, lại bào gọt nữa, cho đến bào gọt hết. Cũng như thế, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia, khi sanh ra, khi có mặt, cho đến khi tồn tại, bị bọn ngục tốt tóm lấy, vật nằm trên nền sắt nóng hực. Khi đã vật tội nhân nằm ngửa rồi, ngục tốt dùng dây sắt đen quấn qua làm dấu rồi dùng cưa

sắt đang cháy đỏ cưa thân họ; rồi lại mổ ra cho đến mổ hết; xẻo rồi xẻo nữa cho đến xẻo hết; cắt rồi cắt nữa cho đến cắt hết; băm rồi lại băm cho đến băm hết. Bọn họ ở trong đó, chịu đủ nỗi khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết,... *cho đến* những việc ác đã làm khi còn làm người, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng khi sanh ra, khi có mặt cho đến khi tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy, dùng chày sắt nóng đang cháy đỏ khiến bọn họ đánh nhau. Khi họ đánh nhau thì cháy tay, cháy chân, cháy cả tay chân; cháy tai cháy mũi, cháy cả tai mũi; cháy từng bộ phận, cháy hết các bộ phận. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *nói lượt như trên cho đến* những việc ác đã tạo khi còn làm thân người đều chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia... khi còn tồn tại, từ trên không trung có một dây đèn to lớn xuất hiện, đang bốc cháy mãnh liệt rơi thẳng trên thân của chúng sanh địa ngục kia. Khi dây đèn rơi tới quần vào thân của các chúng sanh địa ngục; quần đi quần lại cho đến quần chắc; siết đi siết lại cho đến siết chắc; đã quần, siết rồi lại bị một làn gió thổi bung ra. Khi gió thổi bung ra, da trên thân của bọn chúng sanh địa ngục kia bị loét ra; da loét rồi kế đến loét thịt; thịt đã loét rồi kế đến rút gân... *cho đến* nát xương; xương nát rồi thổi tủy bay đi. Bấy giờ bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *lược nói như trên cho đến* nghiệp ác bất thiện chưa hết thì cứ lần lượt như thế, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ đại địa ngục Hắc thằng được ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu sự che chở, tìm cầu nhà cửa, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ngục rồi... *nói lượt như trên cho đến* địa ngục thứ mười sáu là Hàn băng; vào ngục rồi... *cho đến* mạng chung, chịu đủ các loại khổ.

Lại nữa, Chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Chúng hiếp cũng có mười sáu tiểu địa ngục hệ thuộc vây quanh. Mỗi ngục ngang dọc năm mươi do-tuần, từ tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà gọi đại địa ngục ấy là Chúng hiệp?

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục ấy khi sanh ra, khi có mặt, khi xuất hiện, khi đổi khác, cho đến khi tồn tại, vì bọn họ mà có hai ngọn núi xuất hiện tên là Bạch dương và Khẩu thực, lửa cháy dữ dội. Bấy giờ các chúng sanh địa ngục kia vào trong núi ấy. Khi họ vào rồi, hai ngọn núi ma sát nhau, va chạm nhau, cọ vào nhau. Hai ngọn núi ấy ép lại rồi, ma sát rồi, va chạm, cọ vào nhau xong; đứng lại chỗ cũ. Thí như hai tia chớp hiệp nhau, ma xát nhau, va chạm nhau, cọ vào nhau; khi đã hiệp nhau, ma xát nhau, va chạm nhau rồi đều về vị trí cũ. Nay chư Tỳ-kheo, cũng giống như thế, hai ngọn núi kia ép nhau, ma xát nhau, cọ vào nhau, va chạm nhau, dính mắt rồi, đều rơi ra trở về chỗ cũ, cũng như thế. Nhưng ở trong đó, các chúng sanh hiện hữu trong địa ngục khi bị núi ép lại, cọ xát, va chạm, toàn thân máu mủ chảy ra, chỉ còn lại xương cốt. Khi ấy bọn họ chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *cho đến tuần tự như trên*, nên biết như thế.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh hiện có trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy khi sanh, khi tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy vật ngã trên nền đất nóng, cho nằm ngửa trên một tảng đá sắt lớn đang bốc cháy dữ dội, rồi lấy một tảng đá khác đè lên trên, như cái cối ở thế gian. Như vậy xong liền lấy chày giā; giā đi giā lại, giā mãi cho đến nát nhỏ; đã nát nhỏ rồi, lại giā cho nhuyễn. Khi giā xong lại nghiền, nghiền đi nghiền lại, nghiền mãi thành bột; đã thành bột rồi, lại làm cho thành bột mịn. Khi làm thành bột mịn như thế chỉ thấy máu mủ chảy ra, không thấy còn xương cốt nhỏ. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *nói lượt như trên*, theo đó mà biết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp kia, có bọn chúng sanh địa ngục sanh ra, hiện hữu, cho đến tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy chúng sanh ấy vật nằm trong một cái máng lớn bằng sắt nóng, máng ấy đang cháy đỏ dữ dội. Ném tội nhân nằm trong máng rồi, giống như thế gian ép mía ép mè, ngục tốt ép chặt lại; ép đi ép lại, ép mãi như vậy. Khi bọn họ bị ép, một bên chỉ thấy máu mủ chảy ra, một bên chỉ có xương cốt, căn bả còn ở trong; chịu khổ cùng

cực... *nói lược như trên*... khi chưa mạng chung thì ở trong đó chịu đủ mọi sự khổng khố.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy, có bọn chúng sanh địa ngục, sanh ra hiện hữu, cho đến tồn tại, ngục tốt tóm lấy, ném vào trong một cái cối sắt đang đỏ hừng hực, dùng chày sắt để giã, giã đi giã lại, cho đến giã mãi; quết đi quết lại, cho đến quết mãi. Đã giã quết rồi, lại nghiền nhỏ, nghiền nhỏ mãi. Bọn họ khi bị giã quết nghiền thành bột như thế chỉ còn có máu mủ chảy ra một bên, một bên còn lại xương cốt nát vụn. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên, cho đến* ở trong đó khi thọ mạng chưa dứt thì còn chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy, có các chúng sanh địa ngục sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại. Khi ấy, ở trên không trung, có con voi sắt lớn tự nhiên xuất hiện, rực cháy dữ dội giống như thuần một khối lửa đỏ rực, voi ấy dùng hai chân giẫm lên đầu lâu của bọn chúng sanh địa ngục kia, rồi giẫm xuống tới chân; giẫm tới giẫm lui, cho đến giẫm mãi. Khi ấy voi đó giẫm làm cho chúng sanh địa ngục kia máu mủ ở thân chảy về một bên; một bên chỉ còn lại xương cốt. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên* thọ mạng chưa dứt, lần lượt chịu đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong đại địa ngục Chúng hiệp được thoát ra; ra rồi rong rỗi chạy đi... *cho đến* cầu chô cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Nhập vào rồi... *cho đến* địa ngục Hàn băng, chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán kia cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần; từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là ngục Khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, bị ngục tốt xua đuổi, đưa họ vào trong các thành sắt, thành ấy đang bốc cháy dữ dội, màu lửa đỏ rực. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, bị nǎo hại bức bách, cùng nhau

chịu đựng, luôn luôn kêu lớn, nên gọi là ngục Đại khiếu hoán. Ở trong ngục ấy, dùng sắt làm phòng ốc, nhà cửa, xe cộ; dùng sắt làm lầu quán, vườn ao, tất cả đều nóng hực, cháy bồng chói chang, rỗng suốt. Ngục tốt xua đuổi bọn chúng sanh thọ tội, ném họ vào trong đó, khổ não bức bách, không thể chịu được, liền kêu rống lên, cho nên gọi là địa ngục Khiếu hoán. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng... *nói lược như trên*, nhưng vẫn chưa chết, vì nghiệp ác bất thiện chưa hết nên lần lượt chịu đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ đại địa ngục Khiếu hoán ấy được thoát ra; ra rồi từ rong ruỗi,... *nói lược như trên*,... *cho đến* cầu chô cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Vào rồi,... *nói lược như trên*,... *cho đến* tuần tự vào ngục cuối cùng là Hàn băng. Ở đó chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc, đều rộng năm trăm do-tuần, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Đại khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Đại khiếu hoán ấy có chúng sanh sanh ra, tồn tại. Khi ấy ngục tốt tóm lấy các chúng sanh đó ném vào trong nhà sắt đang hực cháy rất nóng... *cho đến* ngọn lửa rực sáng mãnh liệt. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, đau đớn khó nhẫn, khổ não chất chồng bèn kêu lớn lên. Vì nhân duyên đó nên gọi địa ngục ấy là Đại khiếu hoán. Ở trong địa ngục ấy, có nhà sắt, phòng sắt, xe sắt, gác sắt, lầu sắt; trong đó lửa than vọt trào lên đầy ắp. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực,... *nói lược như trên*... khi thọ mạng chưa chấm dứt thì tuần tự như vậy, chịu đầy đủ hết.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy được thoát ra; ra rồi rong ruỗi... *nói lược*, *cho đến* tìm cầu chô cứu hộ lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa. Vào rồi,... *cho đến* địa ngục thứ mươi sáu cuối cùng là Hàn băng. Ở đấy, chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Nhiệt não cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc, từng địa ngục một cũng như trước, ngang dọc năm trăm do-tuần, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Nhiệt não ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, bọn ngục tốt tóm lấy chúng sanh địa ngục ấy ném vào trong vạc sắt, đầu chúc thẳng xuống, chân ngược lên, rồi đốt lửa bùng lên, chỉ toàn là ngọn lửa nóng hực. Bọn họ ở trong đó bị đốt nướng, cho nên gọi là địa ngục Nhiệt não. Ở trong ngục ấy, có các chõ sắt, vò sắt, hū sắt, lu sắt, chậu sắt, lò sắt, đảnh sắt đều đỏ rực, toàn một màu lửa dữ dội. Bọn họ ở trong đó, hoặc bị thiêu, hoặc bị nấu, nên gọi là Nhiệt não... *cho đến chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết vì nghiệp ác bất thiện của họ chưa hết, lần lượt như vậy, chịu tất cả.*

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các chúng sanh kia trải qua thời gian lâu xa vô lượng; rồi từ đại địa ngục Đại nhiệt não được thoát ra; ra rồi rong ruổi chạy đi muốn tìm cầu chõ cứu hộ, chõ quay về, lại hướng đến tiểu địa ngục Hắc vân sa... *nói lược cho đến địa ngục Hàn băng.* Ở đó, chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại nhiệt não, cũng có mười sáu tiểu địa ngục, mỗi ngục ngang dọc năm trăm do-tuần: từ tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng. Ở trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Đại nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại nhiệt não, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến tồn tại đều bị ngục tốt tóm lấy, nấm đầu ném xuống, cầm chân giơ lên, đặt vào trong chõ sắt đốt lửa rất mạnh, đến nỗi chỉ toàn là lửa lan tràn. Bọn họ ở trong đó chịu nóng bức, quá nóng bức rồi, lại nóng bức hơn nữa. Vì vậy gọi là địa ngục Đại nhiệt não nóng bức. Bọn họ ở trong vò, trong hū, trong vạc, trong đảnh, trong chảo sắt nóng kia, nóng bức vô cùng, khổ não vô tận. Bị ném vào rồi, bọn họ ở trong đó bị lửa địa ngục hoặc thiêu, hoặc nấu, hoặc nướng, hoặc chặt, chịu các khổ não, khổ não rồi khổ não nữa. Vì vậy

gọi là địa ngục Cực kỳ khổ nã. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên* cứ tuần tự ở trong đó chịu khổ như vậy cho đến mạng chung.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ địa ngục vô cùng khổ nã nóng bức ấy được thoát ra rồi, rong ruổi chạy đi... *nói lược cho đến* tìm cầu chỗ cứu hộ, chỗ nương về, lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa, rồi sau cùng là địa ngục Hàn băng, chịu các khổ nã nhưng mạng sống chưa dứt, tuần tự như trước.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc vây bọc chung quanh, các ngục đều rộng năm trăm do-tuần. Địa ngục đầu tiên là Hắc vân sa, địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục A-tỳ-chỉ?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ, các chúng sanh sanh ra, có mặt, xuất hiện, tồn tại. Các chúng sanh ấy vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên ngục tốt tự nhiên sanh ra, rồi mỗi ngục tốt dùng tay tóm lấy thân các chúng sanh địa ngục vật ngã trên nền sắt nóng đỏ rực, ngọn lửa bốc thẳng lên thật mãnh liệt. Vật tội nhân nằm xuống đất rồi, ngục tốt liền cầm đao bén cắt từ mắt cá chân rút gân ra, cho đến trên đầu đều bị kéo theo, thấu đến tim tủy, thống khổ khó bàn. Rút như vậy xong, lệnh cho tội nhân leo lên xe sắt đang bốc cháy dữ dội mà đi, dẫn qua vô lượng vô số do-tuần trên đường sắt, những con đường ở những nơi đi qua đều toàn đường sắt nóng nguy hiểm; đi qua rồi đi lại, tùy theo tâm ý họ không lúc nào dừng; muốn đến chỗ nào thì theo ý mà đi, tùy chỗ mà đến. Khi bị dẫn đi, khi muốn dẫn đi, khi ý muốn đi tức thì máu thịt trên thân họ tiêu mất không còn thứ gì. Vì nhân duyên ấy nên chịu khổ vô cùng, chịu khổ kịch liệt nhưng vẫn còn sống vì nghiệp ác bất thiện chưa hết nên chưa diệt, chưa tan, chưa biến, chưa đổi, hoặc những việc ác đã tạo xưa kia còn làm người, phi nhân, đều chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia, các chúng sanh sanh ra có mặt, biến đổi, tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên ở phía Đông có một khói lửa lớn bỗng nhiên xuất

hiện, cháy đỏ hừng hực vô cùng mãnh liệt, toàn là một màu đỏ. Lần lượt như vậy, phía Nam, phía Tây, phía Bắc... các phương đều có một khói lửa lớn xuất hiện cháy đỏ hừng hực, toàn một màu đỏ. Bọn họ ở trong đó, vì bị bao vây bởi bốn khói lửa lớn ở bốn phía, dần dần áp gần và hiệp lại với nhau, nên khiến cho họ chịu khổ vô cùng... *cho đến chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn còn sống... nói lược như trên.* Họ ở trong đó, chịu đủ tất cả khổ.



KHỎI THẾ NHÂN BỐN

QUYỀN IV

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên từ tường phía Đông, ngọn lửa xuất hiện rồi phóng thẳng về tường phía Tây, đến rồi dừng lại; ngọn lửa từ tường phía Tây xuất hiện rồi phóng thẳng tới tường phía Đông, đến rồi dừng lại; ngọn lửa từ tường phía Nam xuất hiện rồi phóng thẳng đến tường phía Bắc; ngọn lửa từ tường phía Bắc xuất hiện rồi phóng thẳng đến tường phía Nam, rồi từ dưới hướng lên, từ trên xẹt xuống, dọc ngang giao tiếp, trên dưới đan xen, ngọn lửa đỏ rực bay vọt chạm nhau. Bọn ngục tốt ở trong đó dùng sáu loại khói lửa cực mạnh ấy ném vào các chúng sanh ở trong đó... *cho đến chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... nói lược, cho đến nghiệp bất thiện kia chưa xong, chưa hết thì vẫn còn ở trong đó chịu đủ.*

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi thấy cửa phía Đông của ngục bỗng nhiên tự mở. Khi ấy các chúng sanh địa ngục ấy vì nghe tiếng mở cửa nên chạy đến đó, định ninh là sẽ được thoát, nghĩ rằng: “Nay chúng ta đến nơi ấy sẽ được đại an lạc”. Khi các chúng sanh ấy chạy, chạy mãi, chạy mãi, chạy nhanh như thế, thân hình họ lại càng bốc cháy dữ dội. Thí như thế gian có vị lực sĩ cầm đuốc lớn chạy ngược gió, thì ngọn đuốc kia lại càng cháy mạnh

hơn lên. Cũng như vậy, khi bọn họ chạy, chạy mãi, chạy mãi như thế, các bộ phận nơi thân lại càng bùng cháy. Khi giở chân lên máu thịt lìa tan, khi hạ chân xuống thịt sanh trở lại. Lại nữa, bọn họ chạy như thế khi gần đến cửa thì cửa tự nhiên đóng lại. Böyle giờ chúng sanh ở trong ngục ấy, ngã úp mặt ở trên nền sắt nóng hừng hực mê man bất tỉnh. Khi bọn họ ngã úp mặt xuống liền bị đốt da; đốt da rồi tiếp đến đốt thịt; đốt thịt rồi đốt gân; đốt gân rồi đốt xương; đốt xương rồi đốt tủy; tủy vọt ra rồi, tức thời khói tuôn ra, khói tuôn ra rồi, cứ tuôn ra mãi, tuôn ra mãi. Bọn họ ở trong đó... *cho đến lần lượt chịu khổ* cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *nói lược như trên*... nghiệp ác bất thiện của họ chưa hết, cho đến những ác việc đã gây ra từ thuở xưa đến nay khi còn làm thân người, phi nhân, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại vì quả báo của các nghiệp bất thiện nên trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó. Khi ấy, cửa Nam, cửa Tây, cho đến cửa bắc của ngục kia lại mở ra như trước. Böyle giờ các chúng sanh địa ngục nghe tiếng mở cửa, liền nhăm đến cửa mà chạy, chạy mãi, chạy mãi, cho đến chạy hết mức, nghĩ thế này: “Ngay đây, ở chỗ này, chúng ta chắc chắn sẽ được thoát khỏi. Böyle giờ nhất định chúng ta sẽ thoát khỏi”. Trong khi bọn họ chạy nhanh như thế, thân họ càng bốc cháy mãnh liệt. Thí như lực sĩ cầm bó đuốc cổ khô trong tay chạy ngược gió, lại càng cháy mạnh. Cũng như vậy, các chúng sanh kia chạy mãi, chạy mãi... *cho đến* chạy rất nhanh. Khi chạy như thế các bộ phận trong cơ thể họ càng bốc cháy; khi giở chân lên máu thịt đều tan, khi hạ chân xuống máu thịt lại sanh. Khi đã đến cửa, cửa đó đóng lại. Bọn họ ở trong đó, chỉ chuyên chạy thôi nhưng không được ra, tâm ý mê loạn ngã nằm úp trên nền sắt nóng đang bốc cháy mãnh liệt. Bọn họ trong đó ngã xuống rồi liền bị đốt da; đã đốt da rồi lại đốt xương, cho đến thấu tủy. Bỗng nhiên khói tuôn ra; khói ấy nóng bỏng, lại phát ra ánh sáng đỏ, khói quyện vào nhau càng thêm nóng bức. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực,... *nói lược như trên cho đến* tho mạng chưa chấm dứt vì nghiệp ác bất thiện chưa diệt, chưa lìa, chưa biến, chưa tan... *cho đến* những ác việc đã gây từ thuở xưa khi làm người, phi nhân, tất cả đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia có chúng sanh... *cho đến*... tồn tại; vì các quả báo của các nghiệp bất thiện nên khi bị lửa địa ngục ấy thiêu thì cảnh mà mắt thấy đều chẳng phải là cảnh ưa thích của ý; còn cảnh mà ý ưa thích thì không hiện tiền. Đó chẳng phải cảnh mà ý ưa, chẳng phải cảnh tốt đẹp; là cảnh chẳng ưa, cảnh bất thiện thường bức nã. Tiếng mà tai nghe, hương mà mũi ngửi, vị mà lưỡi nếm, xúc chạm mà thân biết, pháp mà ý đã nghĩ đến đều là điều mà ý không ưa thích. Nếu chẳng phải là điều ý ưa thích thì chẳng phải là điều đáng ưa nhưng cứ hiện ra trước. Hễ có cảnh giới đều là bất thiện. Bọn họ ở trong đó, do nhân duyên ấy nên luôn chịu khổ não thô rít cùng cực; vì cảnh xấu xí nên xúc chạm cũng vậy... *cho đến* thọ mạng chưa hết vì nghiệp ác bất thiện chưa hết chưa diệt. Nếu vào thuở xưa khi làm người, phi nhân tạo tác tất cả các nghiệp ác thì đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại do nhân duyên gì mà đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia gọi là đại địa ngục A-tỳ-chỉ?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, vào tất cả thời, không có khoảnh khắc nào được tạm nghỉ hưởng sự an ổn, cho dù khoảng thời gian khẩy móng tay. Vì vậy gọi đại địa ngục kia là A-tỳ-chỉ, và cứ tuần tự như thế, chịu đủ khổ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở đại địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, cho đến từ đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi, chạy đi chạy lại cho đến chạy mãi để tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu chỗ nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần; vào rồi... *nói lược cho đến*... cuối cùng đến địa ngục mười sáu là Hàn băng chịu đủ các khổ, rồi ở đó mạng chung.

Đến đây, Thế Tôn thuyết kế:

*Nếu người tạo nghiệp thân, khẩu ý
Tạo rồi hướng vào trong đường ác
Như vậy sanh vào địa ngục Hoạt
Trong ấy sợ hãi lông dựng đứng
Trải qua vô số ngàn ức năm*

*Chết rồi khoảnh khắc sóng trở lại
Oán thù hết thảy đều báo ứng
Bởi vì chúng sanh giết hại nhau.
Nếu đổi cha mẹ khởi ác tâm
Với Phật, Bồ-tát, chúng Thanh văn
Tất cả đều sẽ đọa Hắc thằng
Nơi ấy chịu khổ vô cùng tận
Đay người chánh hạnh thành tà vạy
Thấy người bạn lành quyết phá hại
Bạn ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Hai lưỡi, ác khẩu, thường nói dối
Và tạo ba loại nghiệp ác nặng
Chẳng tu ba mâm giống thiện căn
Bạn ngu này đọa địa ngục Hiệp
Ở lâu trong đó chịu khổ nãm.
Hoặc hại dê, ngựa và trâu bò
Gà, heo và các loài động vật
Cùng giết các loài trùng kiến khác
Bạn họ đọa vào địa ngục Hiệp.
Tại thế gian nhiều nỗi kinh hoàng
Do bức bách nãm hại chúng sanh
Kẻ ấy bị đọa ngục cõi xay...
Khổ nãm bị chày cõi ép giā.
Do tham dục, nhuế si sai sứ
Chuyển đổi chánh lý thành sai khác
Cho phải là trái, ngược pháp luật
Họ bị dao kiếm xoay vần chém.
Hoặc dựa thế mạnh cướp của người
Có sức không sức đều lấy hết
Đã gây những việc bức thiết ấy
Bạn họ bị voi sắt dày đập.
Hoặc ưa giết hại các chúng sanh
Thân tay vẩy máu tâm độc ác
Thường gây nghiệp bất tịnh như thế
Bạn họ sanh vào ngục Khiếu hoán.*

Vì nhiều cách xúc não chúng sanh
 Ở ngực Khiếu hoán bị thiêu nấu
 Trong đó lại có Đại khiếu hoán
 Đây do tâm siểm khúc gian manh
 Bị kiến chấp mịt mù che khuất
 Lưới ái kín dày nhận chìm đắm
 Thường gây nghiệp hạ liệt như thế
 Họ bị đọa vào Đại khiếu hoán.
 Hoặc vào đến Đại khiếu hoán này
 Chốn kinh khủng thành sắt cháy bỗng
 Trong đó nhà sắt và phòng sắt
 Người vào trong đó đều bị đốt.
 Hoặc làm các việc trong thế gian
 Phản nhiều não loạn các chúng sanh
 Bọn họ sanh vào ngực Nhiệt não
 Chịu sự nóng bức vô thời hạn.
 Sa-môn, Bà-la-môn thế gian
 Cha mẹ, tôn trưởng bậc kỳ cựu
 Thường xúc não họ khiến chẳng vui
 Thì đều đọa vào ngực Nhiệt não.
 Sanh thiên, tịnh nghiệp chẳng chịu tu
 Chia lìa người thân thích yêu thương
 Người ưa làm những việc như thế
 Họ đều đọa vào ngực Nhiệt não.
 Ác với Sa-môn, Bà-la-môn
 Các bậc hiền nhân và cha mẹ
 Hoặc làm hại bậc tôn kính khác
 Đọa vào Nhiệt não thường bị nấu
 Luôn luôn tạo tác nhiều ác nghiệp
 Chẳng từng phát khởi chút thiện tâm
 Người như vậy đọa A-tỳ-chỉ
 Sẽ chịu vô lượng các khổ não.
 Hoặc nói chánh pháp là phi pháp
 Nói các phi pháp là chánh pháp
 Đã không tăng thêm các điều thiện

*Bọn họ đều dọa vào A-tỳ.
 Hai ngục Hoạt và Hắc thằng này
 Cùng ba: Hiệp, Hội, Khiếu là năm
 Nhiệt nāo, Đại nhiệt nāo là bảy
 Cùng với A-tỳ-chỉ là tám.
 Trong tám đại địa ngục như thế
 Đốt thiêu ác liệt khổ khôn lường
 Những kẻ gây nên các ác nghiệp
 Trong đó có mười sáu ngục nhỏ.*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ ấy xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

—Này các Thầy Tỳ-kheo, nay các vị nên biết, ở giữa hai thế giới ấy, riêng có mười địa ngục tọa lạc. Mười địa ngục ấy là gì? Đó là địa ngục Át-phù-đà, địa ngục Nê-la-phù-đà, địa ngục A-hô, địa ngục Hô-hô-bà, địa ngục A-trá-trá, địa ngục Tao-kiền-đề-ca, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Bôn-trà-lợi, địa ngục Cứu-mâu-đà.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới đó có mười loại địa ngục như thế.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà địa ngục Át-phù-đà ấy gọi là Át-phù-đà?

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục Át-phù-đà ấy có hình thể giống như bọt nước, vì vậy gọi là Át-phù-đà.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà địa ngục Nê-la-phù-đà ấy gọi là Nê-la-phù-đà?

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Nê-la-phù-đà kia có hình thể giống như miếng thịt, vì vậy gọi là Nê-la-phù-đà.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà địa ngục A-hô ấy gọi là A-hô?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-hô kia, các chúng sanh khi chịu khổ nāo bức bách dữ dội kêu lên: “Ôi cha, ôi cha!” đau khổ, vì vậy gọi là A-hô.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Hô-hô-bà gọi là Hô-hô-bà?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Hô-hô-bà kia, các chúng sanh khi bị bức bách khổ nāo cùng cực bèn kêu lên “Hô-hô-bà”, vì vậy gọi là Hô-hô-bà.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục A-tra-trá ấy gọi là A-tra-trá?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục A-tra-trá ấy, các chúng sanh khi chịu khổ bách bèn kêu lên “A-tra-trá” mà chẳng thể thè lưỡi ra khỏi miệng, vì vậy gọi là A-tra-trá.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục Tao-kiền-đề-ca được gọi là Tao-kiền-đề-ca?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Tao-kiền-đề-ca ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Tao-kiền-đề-ca, vì vậy gọi là Tao-kiền-đề-ca.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Uu-bát-la được gọi là Uu-bát-la?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Uu-bát-la ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Uu-bát-la, vì vậy gọi là Uu-bát-la.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Cứu-mâu-đà ấy được gọi là Cứu-mâu-đà?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Cứu-mâu-đà, lửa có màu sắc giống như hoa Cứu-mâu-đà, vì vậy gọi là Cứu-mâu-đà.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục Bôn-trà-lê-ca được gọi là Bôn-trà-lê-ca?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Bôn-trà-lê-ca ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Bôn-trà-lê-ca, vì vậy gọi là Bôn-trà-lê-ca.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Ba-đầu-ma được gọi là Ba-đầu-ma?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ba-đầu-ma ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Ba-đầu-ma, vì vậy gọi là Ba-đầu-ma.

Chư Tỳ-kheo, thí như cái hộc của nước Kiều-tát-la, đong hai mươi hộc mè đầy vun, không gạt bằng; trong khi đó, có một người cứ một trăm năm lấy một hột, cứ lần lượt như vậy, sau một trăm năm lại lấy ra một hột. Này chư Tỳ-kheo, lấy xong hai mươi hộc đầy mè nước Kiều-tát-la, thì thời gian như thế, Ta nói là thời gian sống trong ngục Át-phù-đà vẫn chưa hết. Dùng con số này tính chung thì hai mươi lần tuổi thọ ở Át-phù-đà bằng một lần ở Nê-la-phù-đà; hai mươi lần ở Nê-la-phù-đà bằng một lần ở A-hô; hai mươi lần ở A-hô bằng một lần ở Hô-hô-bà; hai mươi lần ở Hô-hô-bà bằng một lần ở A-tra-trá; hai mươi lần ở A-tra-trá bằng một lần ở Tao-kiền-đề-ca; hai mươi lần

ở Tao-kiền-đè-ca bằng một lần ở Ưu-bát-la; hai mươi lần ở Ưu-bát-la bằng một lần ở Cứu-mâu-đà; hai mươi lần ở Cứu-mâu-đà bằng một lần ở Bôn-trà-lê-ca; hai mươi lần ở Bôn-trà-lê-ca bằng một lần ở Ba-đầu-ma; hai mươi lần ở Ba-đầu-ma bằng một trung kiếp.

Chư Tỳ-kheo, chốn địa ngục Ba-đầu-ma, nếu các chúng sanh ở cách đó một trăm do-tuần thì bị ngọn lửa thiêu đốt; nếu các chúng sanh ở cách đó năm mươi do-tuần đều bị đui mù; các chúng sanh ở cách đó hai mươi lăm do-tuần thì máu thịt trên thân tự nhiên khô kiệt lở loét.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê kia ở bên Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên khởi tâm hủy báng, tâm ô trước nêu sau khi chết liền sanh vào địa ngục Ba-đầu-ma. Sau khi sanh vào chốn ấy, từ miệng vị ấy phát ra ngọn lửa, lưỡi thè ra dài mười khuỷu tay. Ở trên lưỡi, tự nhiên có năm trăm lưỡi cà y, luôn cà y trên đó.

Chư Tỳ-kheo, Ta ở các nơi khác, chưa từng thấy có loại màu sắc nào mà tự bị tổn hại như thế. Đó là đối với người phạm hạnh mà tâm sạch uế trước, tự làm tổn hại, vì tâm ghen ghét, tâm ích kỷ, tâm không từ bi, tâm không trong sạch.

Chư Tỳ-kheo, vì vậy, các thầy cần phải đối với các vị phạm hạnh nêu khởi nghiệp thân, khẩu, ý thương yêu. Như chõ Ta thấy, người ngày đêm khởi nghiệp thân, khẩu, ý thương yêu thì được an lạc. Vì vậy, Tỳ-kheo các thầy nên như điều ta đã thấy, đã nói, ngày đêm thường khởi tâm từ. Các thầy nên học tập như thế.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Khi người thế gian sanh ra đời
Đầu lưỡi tự nhiên hiện búa rìu
Đó là trong miệng nói điều ác
Trở lại tự hại, cắt thân mình.

Người nêu tán thán, chẳng khen ngợi
Kẻ đáng chê bai, lại ngợi khen
Như thế gọi là miệng cãi tranh
Vì tranh cãi nêu không vui vẻ
Nếu người vui nhiều được tài lợi
Thì thế gian này ít cãi tranh*

*Bên người thanh tịnh, khởi tâm trước
 Như vậy gọi là miệng đấu tranh
 Ba mươi sáu trăm ngàn như thế
 Số địa ngục Nê-la-phù-dà
 Và năm địa ngục Át-phù-dà
 Đọa vào ngục Ba-đầu-ma kia
 Vì chê thánh nhân nên như thế
 Do nghiệp khẩu ý tạo ác vậy.*

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa nơi ấy lại có các thứ gió gọi là Nhiệt nǎo.

Chư Tỳ-kheo, các thứ gió đó nếu thổi đến bốn thế giới này thì bọn chúng sanh hiện có ở bốn châu thế giới này sanh ra, tồn tại, tất cả đều tan, đều diệt, đều hoại, đều không. Giống như lau sậy khi bị cắt mà không có nước, khô héo không còn. Cũng như vậy, này chư Tỳ-kheo, ở giữa thế giới ấy có các thứ gió, tên là Nhiệt nǎo, nếu khi chúng thổi đến bốn cõi này thì chúng sanh có mặt ở bốn cõi này đồng thời khô cháy không còn. Vì bị hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên ở trong ngăn lại, cho nên gió kia không thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, núi Luân viên và Đại luân viên có thể làm việc vô cùng lợi ích như vậy, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh trong bốn châu, bốn thế giới này.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới kia có các ngọn gió thổi đến địa ngục thiêu đốt thịt, mỡ, tủy của chúng sanh, đồ xú uế bốc cháy xông lên các mùi bất tịnh.

Chư Tỳ-kheo, ngọn gió đó nếu khi thổi đến thế giới của bốn châu này thì bấy giờ, chúng sanh hiện hữu... *cho đến* tồn tại trong thế giới bốn châu này đều bị đui, không trông thấy, vì hơi xú uế ở nơi ấy mãnh liệt. Nhưng nhờ hai núi Luân viên và Đại luân viên ngăn cản, do đó nên gió không thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, hai núi Luân viên và Đại luân viên trong ấy có thể vì các chúng sanh ở thế giới bốn châu này mà làm việc vô cùng lợi ích như thế, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thế giới kia lại có gió lớn gọi là Tăng-già-đa. Ngọn gió kia nếu thổi đến thế giới này thì bốn đại châu

và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cùng các núi lớn khác, và núi chúa Tu-di-lưu đều bị nhấc bổng lên cao cách đất một câu-lô-xá, nhấc lên rồi có thể phá tan nát; cho đến có thể nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá. Khi đã nhấc lên khỏi mặt đất rồi, có thể phá tan nát; cho đến nhấc lên khỏi đất cao một do-tuần rồi phá tan nát như trước. Như thế, có thể nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần phá tan nát; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất một trăm do-tuần rồi phá tan nát, nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần rồi phá tan thành bột, cũng như trước; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất một ngàn do-tuần rồi phá tan thành bụi; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần rồi phá tan nát.

Chư Tỳ-kheo, thí như một lực sĩ cường tráng dùng tay nắm một cục bột giơ cao lên không trung bóp tan nát rồi vải tung ra.

Chư Tỳ-kheo, cũng như vậy, ngọn gió Tăng-già-đa trong thế giới ấy thổi cực mạnh nếu đến thế giới bốn châu này thì bấy giờ bốn đại châu ở thế giới này và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cùng các núi lớn và núi chúa Tu-di-lưu đều bị nhấc lên khỏi mặt đất cao một câu-lô-xá rồi phá tan nát... *nói lược như trên, cho đến nhấc lên khỏi mặt đất bảy ngàn do-tuần rồi phá tan thành bụi.*

Chư Tỳ-kheo, nhưng nhờ được hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên ngăn che nên gió kia không đến nơi đây.

Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên có oai đức, thế lực như thế, có thể làm việc lợi ích lớn, làm chỗ nương nhờ cho các chúng sanh trong thế giới bốn đại châu này.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở ngoài khoảng giữa của thế giới ấy, phía Nam châu Diêm-phù có cung điện, trụ xứ của vua Diêm-ma, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, dưới có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông bên ngoài, bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ, bao bọc chung quanh, do bảy báu tạo thành; đó là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trú-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Ở bốn phương đều có các cửa; các cửa ấy đều có lầu gác canh phòng, điện, đài, vườn, ao hoa đều do bảy báu tạo thành. Trong các hoa và vườn cảnh có các loại cây, cây đều có các loại lá và các loại hoa cùng các loại quả trĩu cành; các loại hương thơm xông ngát, các loài chim ca hát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, riêng có một thời gian, vua Diêm-ma ấy,

vì quả báo của nghiệp ác bất thiện cho nên trong ba thời ban đêm và ba thời ban ngày, tự nhiên có nước đồng đỏ xuất hiện ở trước mặt. Ngay khi ấy, cung điện của vua liền biến thành sắt. Trước tiên, thú vui năm dục đã hiện ra trước đây nay đều biến mất. Cũng như ở ngoài cung, ngay trong cung cũng xuất hiện như thế. Khi ấy vua Diêm-ma thấy việc này rồi, sợ hãi bất an, lông tóc dựng đứng, liền chạy ra ngoài; khi ra ngoài cung, bên ngoài cũng xuất hiện như thế. Bấy giờ vua Diêm-ma, lòng sanh sợ sệt run rẩy bất an, tóc lông trên thân đều đồng thời dựng đứng, liền chạy vào trong. Ngay lúc ấy, ngực tốt nấm lấy vua Diêm-ma vật nằm trên nền sắt nóng đang hừng hực đỏ; vật nằm ngửa rồi, liền dùng kìm sắt cạy miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Khi ấy vua Diêm-ma miệng bị cháy bỏng; miệng bị cháy bỏng rồi kế đến lưỡi; lưỡi đã cháy rồi liền cháy yết hầu; yết hầu cháy rồi liền cháy ruột già và ruột non..., kế đến thiêu cháy hết và tuột xuống dưới ra ngoài. Ngay thời điểm ấy vua Diêm-ma nghĩ như thế này: “Có chúng sanh vì thuở xưa, thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nên bọn họ đều chịu đủ các loại khổ não về thân xác như thế, nên tâm chẳng vui. Giống như bọn chúng sanh địa ngục, ta nay cũng vậy. Và hơn nữa, nếu Diêm-ma vương ta đồng như bọn chúng sanh tạo nghiệp thì than ôi, ta nguyện từ đây xả bỏ thân này, đoạ vào ngục Hòa hiệp, rồi cùng gặp nhau họ sanh ở nhân gian. Bấy giờ, ở trong giáo pháp Như Lai, ta sẽ được tin hiểu, và ngay nơi chốn ấy, ta sẽ được tin hiểu. Khi đã tin hiểu đầy đủ rồi, ta cạo bỏ đầu tóc, mặc áo ca-sa, bỏ nhà xuất gia, được tín giải chân chánh. Khi ta xuất gia rồi, sống hòa hiệp chưa bao lâu, nếu có thiện nam tử vì lý do gì mà được tin hiểu chân chánh, bỏ nhà xuất gia, thì vị ấy đối với phạm hạnh vô thượng, bất cứ ở đâu, sống trong chánh pháp, tự chứng được thần thông. Làm những việc đầy đủ rồi, ta sẽ ra đi. Ta nay, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

Chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma ấy, khi phát niệm cầu tu tập, với những thiện niệm như thế, thì ngay lúc ấy trong cung điện của vua Diêm-ma ở lại xuất hiện đủ các loại bảy báu, và thú vui năm dục cõi trời hiện ra trước, thấy đều đầy đủ. Khi ấy vua Diêm-ma lại nghĩ thế này: “Tất cả chúng sanh có mặt vì thân làm việc lành, miệng nói lời

lành, và ý nghĩ đều lành. Nguyên cho bọn họ đều thọ hưởng sự an lạc như thế, giống như chúng Dạ-xoa ở trên không. Như nay ta và các vua Diêm-ma khác, có cùng một nghiệp như chúng sanh”.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có ba loại thiên sứ. Những gì là ba? Đó là già suy, bệnh và chết.

Chư Tỳ-kheo, có hạng người vì tự phóng túng, nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ đều ác. Người ấy, thân khẩu ý làm ác rồi, do nhân duyên ấy, thân hoại mạng chung, hưởng đến đường ác, sanh vào địa ngục. Ngục tốt lập tức điệu chúng sanh kia đến bên vua Diêm-ma tâu: “Tâu Thiên vương, gã này khi xưa ở cõi người phóng túng tự do, theo điệu bất thiện, thân khẩu ý tự do làm điều ác. Vì do thân khẩu ý làm điều ác nên nay sanh đến đây. Vì vậy xin Thiên vương khéo dạy bảo, khéo quở trách”. Khi ấy, vua Diêm-ma hỏi gã kia: “Này gã kia, khi xưa ở nhân gian, Thiên sứ thứ nhất khéo dạy bảo, khéo quở trách; người không thấy vị Thiên sứ ấy xuất hiện ở đời sao?” Người ấy trả lời: “Tâu Thiên vương, con thật không thấy”. Vua Diêm-ma lại hỏi: “Này gã kia, xưa kia khi làm thân người ở thế gian, hoặc làm thân nam, hoặc làm thân nữ, người không thấy tướng già nua hiện ra sao? Khi già nua, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tàn nhang đầy người giống như mè đen, lưng còng lụm khum, bước đi khập khiểng, chân chẳng theo thân, luôn luôn nghiêng ngã, da cổ dùn nhăn, như trâu cúi đầu, môi miệng khô nứt; lưỡi nhám hẫu khan; thân thể còng gãy, khí lực mong manh, hơi thở khò khè giống như kéo cửa; muốn bước tới trước nương gãy mà đi. Tuổi trẻ đã qua, máu thịt khô kiệt, ốm yếu, cái chết gần kề, cử động yếu đuối; thời trai trẻ đã qua... cho đến thân tâm luôn run rẩy. Tất cả bộ phận trong cơ thể đều rá rời, phải không?” Người ấy đáp: “Tâu Thiên vương, con thật có thấy điều đó”. Vua Diêm-ma lại bảo: “Người là kẻ ngu si, không có trí tuệ. Khi xưa người đã thấy tướng mạo như thế, nhưng tại sao không tự suy nghĩ là thân ta đây cũng có điều như thế, sự việc như thế? Nay ta cũng chưa khỏi việc như thế; nay ta cũng có đủ việc già nua như thế. Đã chưa khỏi được thì ta nên tạo nghiệp thiện tốt đẹp cho thân khẩu ý, khiến ta sẽ có quả báo lợi ích an lạc lâu dài?” Gã kia đáp: “Tâu Thiên vương, con thật sự không nghĩ như thế. Vì sao? Vì tâm con phóng đáng làm việc buông lung”. Vua Diêm-ma lại bảo: “Gã ngu si

kia, nếu như vậy thì ngươi tự biếng nhác, làm việc phóng dật cho nên chẳng tu nghiệp lành về thân khẩu ý. Vì nhân duyên ấy ngươi sẽ bị khổ não lâu dài, không có an lạc. Vì vậy, ngươi phải chịu đủ tội vì việc phóng dật ấy, sẽ bị quả báo của nghiệp ác như thế, giống như những điều mà gã phóng dật kia phải chịu. Lại nữa, này gã kia, quả báo khổ đau về hành nghiệp ác này của ngươi, chẳng phải mẹ ngươi làm, chẳng phải cha ngươi làm, chẳng phải anh, em của ngươi làm, chẳng phải chị, em của ngươi làm, chẳng phải nhà vua làm, chẳng phải chư Thiên làm, cũng chẳng phải khi xưa tiền nhân làm, mà chính nơi thân ngươi tự gây ác nghiệp ấy, nay tự tập hợp lại, và ngươi lại tự mình lãnh thọ quả báo đó”.

Bấy giờ vua Diêm-ma-la kia đem đầy đủ Thiên sứ thứ nhất như vậy để khéo léo dạy bảo, quở trách kẻ kia rồi, lại lần lượt đem Thiên sứ thứ hai khéo léo dạy bảo, quở trách: “Gã kia, ngươi há chẳng thấy Thiên sứ thứ hai, xuất hiện ở thế gian sao?” Kẻ kia đáp: “Tâu Thiên vương, con thật chẳng thấy”. Vua lại bảo: “Này gã kia, ngươi há chẳng thấy khi xưa làm thân người ở thế gian, bốn đại hòa hợp, bỗng dung chống trái, hoặc thân phụ nữ, hoặc thân đàn ông, bệnh khổ khốn cùng, hoặc nằm trên giường nhỏ, hoặc trên giường lớn, tự động phóng uế, nhơ nhớp thân hình, lăn lộn trên phân uế, chẳng tự chủ được, nằm dậy đi ngồi đều nhờ người dùi đỡ, hoặc người lau rửa, hoặc người ẩm ra, hoặc người cho uống, hoặc người cho ăn sao?” Gã kia đáp: “Tâu Thiên vương, quả thật con có thấy”. Vua lại bảo: “Gã kia, ngươi đã thấy như thế, nếu là người khôn lanh, sao ngươi không nghĩ rằng ta cũng sẽ có những hiện tượng như thế; ta cũng sẽ có những sự việc như thế; ta chưa thoát khỏi tình trạng bệnh hoạn như thế; ta cũng tự có những việc bệnh hoạn như thế. Đã chưa thoát khỏi thì phải tự biết là ta nay cũng có thể tạo các nghiệp lành như nghiệp lành của thân, của miệng, của ý; vì tương lai lâu dài của ta, ta sẽ làm điều lợi ích lớn, đưa tới chỗ an lạc lớn?” Gã kia đáp: “Tâu Thiên vương, quả thật con không nghĩ như thế, vì tâm lười biếng, làm điều phóng dật”. Vua lại bảo: “Gã kia, ngươi nay đã làm điều phóng dật, biếng nhác giải dai, chẳng làm việc lành, là việc lành về thân, về miệng, về ý, thì làm sao ngươi có thể được quả báo lợi ích an lạc lâu dài được. Vì vậy, ngươi

nên tu hành việc thiện. Nếu hành phóng dật thì sẽ theo phóng dật. Nghiệp ác này của ngươi chẳng phải cha mẹ làm, chẳng phải anh em làm, chẳng phải chị em làm, chẳng phải nhà vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tiên nhân khi xưa làm, chẳng phải các Sa-môn và Bà-la-môn... làm. Những ác nghiệp này là do ngươi đã tự gây ra, ngươi phải tự chịu quả báo này”.

Khi ấy, vua Diêm-ma theo thứ tự đem Thiên sứ thứ hai này khéo léo chỉ dạy, quở trách kẻ kia rồi, lại theo thứ tự đem Thiên sứ thứ ba chỉ dạy, quở trách gã kia: “Gã ngu si kia, khi ngươi làm người ở nhân gian há chẳng thấy Thiên sứ thứ ba xuất hiện sao?” Gã kia đáp: “Tâu Thiên vương, con thật chẳng thấy. Khi ấy vua Diêm-ma lại bảo: “Gã kia, khi ở thế gian ngươi há chẳng thấy hoặc đàn bà, hoặc đàn ông theo thời mạng chung, đặt ở trên giường, đem ra bên ngoài, dùng áo nhiều màu phủ lên trên; lại làm các loại màn che bao bọc chung quanh, quyến thuộc vây quanh cởi bỏ trang sức, đưa tay xõa tóc, hoặc lấy tro bôi trên đầu, ảo não vô cùng, khóc kêu thảm thiết; hoặc có người kêu “than ôi”; có người kêu “cha ôi”; hoặc có người kể công dưỡng dục; cất tiếng kêu lớn, đấm ngực khóc kêu thảm thiết, đủ các lời nức nở bi thương. Người có thấy hết không?” Người kia đáp: “Tâu Thiên vương, con thật thấy hết”. Vua Diêm-ma lại bảo: “Gã kia, khi xưa ngươi đã thấy sự việc như vậy, sao không tự suy nghĩ rằng ta đây cũng có những hiện tượng như vậy; thân ta cũng có những sự việc như vậy; ta chưa thoát khỏi những sự việc như vậy. Ta cũng có chết, cũng có hiện tượng chết chưa thoát ly được. Ta nay cũng có thể làm các việc thiện, như các việc thiện về thân, về miệng, về ý. Ta sẽ làm những việc lợi ích lớn, an lạc lâu dài?” Kẻ kia đáp: “Tâu Thiên vương, quả thật con chẳng làm. Vì sao? Vì con buông lung vậy”. Vua Diêm-ma lại bảo: “Gã kia, nay ngươi đã buông lung, vì ngươi làm việc buông lung thì không làm việc thiện, cũng không dồn chứa các điều thiện khác, nghĩa là thân miệng ý của ngươi làm việc lợi ích lâu dài thì sẽ được an lạc. Vì vậy, nay ngươi có quả báo như vậy là do làm việc phóng dật, vì phóng dật nên ngươi tự chuốc lấy nghiệp ác bất thiện này. Nghiệp ác này của ngươi chẳng phải cha mẹ làm, chẳng phải anh em làm, chẳng phải chị em làm, chẳng phải vua làm, chẳng phải

trời, cũng chẳng phải khi xưa tiền nhân làm; lại chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Hỡi gã kia! Nghiệp ác này của ngươi chính là tự ngươi làm, tự ngươi chứa chất nên quả báo này, ngươi phải tự chịu". Khi ấy vua Diêm-ma dùng Thiên sứ thứ ba ấy chỉ dạy, quở trách đầy đủ, sai bảo gã kia xong xuôi, liền bỏ đi. Bấy giờ ngực tốt, bằng đủ mọi cách nặm tay gã kia chúc đầu xuống, đưa chân ngược lên, ném vào trong ngực.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Chúng sanh tạo ra nghiệp ác rồi
Sau chết đọa vào trong cõi ác
Vua Diêm-ma thấy kẻ ác ấy
Dùng tâm từ bi mà quở trách
Khi xưa ngươi ở tại nhân gian
Há chẳng thấy già bệnh chết sao?
Đó là Thiên sứ đến chỉ bảo
Tại sao phóng dật chẳng biết chi
Nếu thân, khẩu, ý nhiễm các trần
Không hành thí, giới tự điều phục
Như vậy làm sao gọi có trí.
Và rồi chẳng tạo nhân lợi ích
Bấy giờ vua Diêm-la như pháp
Quở trách tội nhân như thế xong
Người kia hồi hộp tâm sợ hãi
Run rẩy lo âu nói thế này:
Vì con xưa kia cùng bạn ác
Nghe thiện, trong lòng chẳng ưa làm
Tham dục sân khuế đã cột che
Chẳng làm lợi ích nên hại thân.
Ngươi đã chẳng tu các nhân thiện
Chỉ tạo đủ loại các nghiệp ác
Ngu si, hôm nay phải gặt quả
Thợ nghiệp kia nên vào địa ngục
Như tất cả các nghiệp ác này
Chẳng phải cha hay mẹ đã tạo*

*Chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn
Chẳng phải nhà vua hay chư Thiên
Đây chính là người tự tạo lấy
Các hạt giống nghiệp ác chẳng tịnh
Tự mình gây ra ác nghiệp này
Nay lẽ đương nhiên chịu quả ác
Nhà vua dùng ba Thiên sứ ấy
Lần lượt quở trách tội nhân rồi
Ngay khi ấy vua Diêm-ma-la
Bỏ tội nhân lại, liền ra đi.
Khi đó ngục tốt ở chỗ kia
Liền nắm lấy gã tội nhân ấy
Đất dẫn vào trong chỗ địa ngục
Vô cùng sợ hãi lông dựng đứng
Bốn bên bốn cửa hướng vào nhau
Bốn phương, bốn hướng đều nghiêm mật
Các nhà, tường vách đều bằng sắt
Dùng sắt bao quanh làm lan can
Sắt nóng rực đỏ làm tường thành
Ngọn lửa cháy bừng, khói lửa un
Xa thấy dễ sợ tâm kinh hãi
Lửa hừng hực đỏ khó thể đến
Giống như trong vòng trăm do-tuần
Lửa lớn rực cháy lan cùng khắp
Trong đó thiêu đốt bọn chúng sanh
Đều do khi xưa gây tội ác
Đã bị Thiên sứ quở trách rồi
Mà tâm phóng dật không tịnh giác
Bọn họ ngày nay luôn hối hận
Đều do khi xưa tâm hạ liệt
Những ai là người có trí tuệ
Nếu thấy Thiên sứ đến chỉ dẫn
Thì nên chuyên cần chờ phóng dật
Chư Thánh Pháp vương khéo léo nói
Đã thấy nghe rồi phải biết sợ*

*Chỗ chấm dứt các hữu sanh tử
Tất cả không đâu bằng Niết-bàn
Các thứ họa hoạn không còn nữa
Đến đó rồi an ổn khoái lạc
Thấy pháp như thế được tịch diệt
Gọi là các oán đều đã qua
Tự nhiên thanh tịnh đặc tịch diệt.*



KHỎI THẾ NHÂN BỐN

QUYẾN V

Phẩm 5: CÁC RỒNG, KIM SÍ ĐIỀU

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, tất cả các loài Rồng có bốn hình thái sanh sản. Những gì là bốn? Một là sanh từ trứng, hai là sanh từ bào thai, ba là sanh từ chỗ ẩm thấp, bốn là sanh do biến hóa. Đó là bốn hình thái sanh sản của loài Rồng.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu cũng có bốn hình thái sanh sản. Đó là sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, và sanh do biến hóa. Đó gọi là Kim sí điểu có bốn hình thái sanh sản.

Chư Tỳ-kheo, dưới đáy biển cả có cung điện của Long vương Ta-già-la, ngang dọc bằng nhau tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, chung quanh trang nghiêm bằng bảy lớp linh báu, lưới đỏ đan xen. Lại có bảy lớp hàng cây Đa-la liên tiếp nhau che ánh nắng, bao bọc chung quanh, màu sắc đẹp đẽ; các báu trang nghiêm, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não bảy báu tạo thành. Ở bốn phương có các cửa; tại các cửa có lầu gác, dài quan sát phòng ngự, lại có các vườn cảnh và suối, ao; ở trên bờ và trong ao đều có các thứ cổ hoa, hàng lối bằng nhau. Lại có các cây đủ các loại hoa lá, đủ các loại quả, đủ các loại hương thơm, đủ các loài chim cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, ở giữa hai núi Tu-di-lưu và Khu-đê-la có cung điện của hai đại Long vương là Nan-đà và Uu-ba-nan-đà tọa lạc. Chốn ấy ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... nói lược như trên, cho đến chim chóc cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc biển lớn ấy là trú xứ của các Long vương và tất cả các loài Kim sí điểu vương, có một đại thọ, tên là Cư-trà-xà-ma-ly. Cội đại thọ ấy, vòng thân của cây bảy do-tuần, ăn sâu xuống lòng đất hai mươi do-tuần, vươn cao một trăm do-tuần, cành lá phủ năm mươi do-tuần. Chốn ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường lũy... *nói lược như trên, cho đến* chim chóc cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông đại thọ Cư-trà-xà-ma-ly có các cung điện của loài Rồng và loài Kim sí điểu sanh từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Phía Nam của cội đại thọ Cư-trà-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ bào thai. Mỗi cung điện cũng ngang dọc sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Phía Tây của cội đại thọ Cư-trà-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ chõ ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc cũng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Phía Bắc của cội đại thọ Cư-trà-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu hóa sanh. Mỗi cung điện ngang dọc cũng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu vương sanh từ trứng ấy khi muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-trà-xà-ma-ly, nhìn xuống biển, rồi dùng đôi cánh quạt nước biển lớn; nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nước biển rẽ ra rồi, chim liền bắt rồng sanh từ trứng ra, tùy ý sử dụng, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu vương sanh từ trứng ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng để ăn, tùy ý sử dụng, nhưng không thể bắt được loài Rồng sanh từ bào thai và loài Rồng sanh từ chõ ẩm thấp, hóa sanh...

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ bào thai nếu muốn bắt rồng sanh từ trứng thì liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-trà-xà-ma-ly kia, nhìn xuống biển lớn, rồi dùng đôi cánh quạt biển lớn; nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nhân đó, chim

bắt rồng sanh từ trứng, tùy ý ăn thịt.

Lại nữa, Kim sí điểu vương sanh từ bào thai nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thụ Cư-trà-xà-ma-ly, rồi nhìn xuống biển lớn, dùng hai cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần, liền bắt rồng sanh từ bào thai, tùy ý ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ bào thai ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng và từ bào thai, tùy ý sử dụng, chứ không thể bắt được loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp và hóa sanh...

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng thì khi ấy bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thụ Cư-trà-xà-ma-ly, dùng đôi cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nước rẽ ra rồi, chim bắt rồng sanh từ trứng, tùy ý dùng ăn thịt.

Lại nữa, Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thụ Cư-trà-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần, rồi bắt rồng sanh từ bào thai mà ăn, sử dụng tùy ý.

Lại nữa, Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Tây của cội đại thụ Cư-trà-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra tam trăm do-tuần, bèn bắt rồng sanh từ chỗ ẩm thấp dùng để ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp chỉ có thể bắt được các loài Rồng sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp... tùy ý sử dụng, tùy ý ăn thịt, nhưng không thể bắt được các rồng hóa sanh.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt được rồng sanh từ trứng thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thụ Cư-trà-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần, bèn bắt rồng sanh từ trứng ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thụ Cư-trà-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần. Khi ấy Kim sí điểu hóa sanh kia liền bắt rồng sanh từ bào thai ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt được rồng sanh từ chỗ ẩm thấp thì khi ấy, liền bay đến đậu trên cành phía Tây của cội đại thụ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, liền bắt rồng sanh từ ẩm thấp ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu vương hóa sanh nếu muốn bắt rồng hóa sanh thì khi ấy, liền bay đến đậu trên cành phía Bắc của cội đại thụ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống dưới biển, rồi dùng đôi cánh quạt biển lớn. Nước biển rẽ ra một ngàn sáu trăm do-tuần, chim liền bắt rồng hóa sanh ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng này đều bị Kim sí điểu kia ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, đặc biệt có các rồng mà Kim sí điểu kia không thể bắt được. Đó là Long vương Bà-già-la, chưa hề bị Kim sí điểu vương kia làm kinh động. Lại có Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà, các Long vương này cũng không bị loài Kim sí điểu bắt. Lại còn có Long vương Đề-đầu-lại-trà, Long vương A-na-bà-đạt-đa... cũng chẳng bị Kim sí điểu vương bắt.

Chư Tỳ-kheo, ngoài ra, lại có các Long vương khác cũng không bị Kim sí điểu bắt. Đó là Ma-đa-xa-ca, Đức-xoa-ca, Yết-lặc-nô-kiêu-đa-ma-ca, Xí-bà-đà-phất-tri-lợi-ca, Thương-cư-ba-đa-ca, và hai Long vương Cam-bà-la, A-thấp-bà-đa-la...

Chư Tỳ-kheo, lại còn có các Long vương cùng ở trong cảnh giới của những Long vương đó cũng không bị các Kim sí điểu ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà chúng sanh ở trong cõi ấy sanh vào loài Rồng?

Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh tu tập nhân rồng, thọ trì giới rồng, phát khởi tâm rồng, phân biệt ý rồng; tạo nghiệp như vậy rồi khi nhân duyên kia được thành thực cho nên sanh vào loài Rồng... Lại có một loại huân tu nhân Kim sí điểu, thọ trì giới Kim sí điểu, phát khởi tâm Kim sí điểu, phân biệt ý Kim sí điểu. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mang chung, liền sanh vào trong loài Kim sí điểu kia. Lại có một loại huân tu nhân các thú, thọ trì giới các thú, phát khởi tâm các thú, tập hạnh nghiệp các thú, phân biệt ý các thú, do vì huân tu các loại nhân giới ác thú như thế, rồi phát khởi hạnh nghiệp, thành tựu tâm ý. Do các nhân duyên ấy, nên khi thân hoại mang chung họ liền sanh vào trong các loài thú. Lại có một loài huân tu

nhân trâu, giớ trâu, nghiệp trâu, tâm trâu, ý trâu... nói lược như trên, cho đến phân biệt... Do nhân duyên ấy sanh vào loài trâu. Lại có một loài huân tu nhân gà, giớ gà, nghiệp gà, tâm gà, ý gà... nói lược như trước, cho đến phân biệt tâm gà, nghiệp gà. Do nhân duyên ấy sẽ sanh vào trong loài gà. Lại có một loài huân tu nhân cú mèo, thọ giớ cú mèo, phát khởi tâm cú mèo, hành nghiệp cú mèo, phân biệt ý cú mèo. Vì họ huân tu nghiệp cú mèo, thọ giớ cú mèo, khởi tâm cú mèo, phân biệt ý cú mèo, nên do nhân duyên ấy, khi xả thân, sẽ sanh vào loài cú mèo.

Chư Tỳ-kheo, lại có một loài huân tu giớ mặt trăng, hoặc huân tu giớ mặt trời, giớ tinh tú, giớ đại nhân, hoặc lại huân tu giớ mặc nhiên, hoặc huân tu giớ đại lực thiêng, hoặc huân tu giớ đại trượng phu, hoặc huân tu giớ vào nước, hoặc huân tu giớ cúng dường mặt trời, hoặc lại huân tu, thờ phụng giớ lửa, hoặc tu khổ hạnh ở những nơi uế trước. Họ huân tu rồi, nghĩ như thế này: “Tôi nguyện tu những giớ này: giớ mặt trăng, giớ mặt trời, các giớ tinh tú, thời gian... và các giớ mặc nhiên, giớ đại lực thiêng, giớ đại trượng phu, giớ nước, giớ lửa, giớ khổ hạnh uế trước. Tu các giớ như thế, tôi sẽ làm trời, hoặc được quả báo cõi trời”. Họ phát tà nguyện như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại có một loài chúng sanh khởi tà nguyện: “Nay tôi nói kẽ kia sẽ sanh vào hai chốn là hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vào súc sanh”.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian đều là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian vừa thường vừa vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên kiến

chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian hoặc có giới hạn, hoặc không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Mạng tức là thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Có mạng có thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Không có mạng, không có thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt vừa có hiện hữu, vừa không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải có hiện hữu,

chẳng phải không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với các hành họ khởi kiến chấp ngã, khởi kiến chấp thế gian; lìa các hành, cũng khởi kiến chấp ngã, khởi kiến chấp thế gian. Vì ý nghĩa đó nên họ khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với các hành họ khởi kiến chấp không có ngã, kiến chấp không có thế gian; lìa các hành cũng có kiến chấp không có ngã, kiến chấp không có thế gian. Vì ý nghĩa ấy, họ tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian vừa thường vừa chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với các hành họ có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian; lìa các hành, cũng có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian. Vì ý nghĩa đó nên họ tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian vừa thường, vừa chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với các hành họ có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian, lìa các hành cũng có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi lên kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: “Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì họ tuyên bố thế này: “Mạng có giới hạn, người có giới hạn, từ khi mới gá vào trong thai mẹ cho đến mạng ấy sau khi chết tẩn táng chôn cất, đó là người trong

loài người; từ khi ra đời thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng không có giới hạn, người không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ, cho đến mạng ấy sau khi chết, tảo táng chôn cất, đó là người trên loài người; từ khi ra đời thọ thân bốn đại bảy lần đọa lạc, bảy lần luân chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không giới hạn. Con người từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến sau khi chết, tảo táng chôn cất, người đó từ khi mới thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Từ khi thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi và sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Mạng kia tức thân kia. Điều này

đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với tự thân họ thấy có ngã và thấy có mạng; đối với thân khác cũng thấy có ngã, cũng thấy có mạng. Vì vậy họ tuyên bố thế này: “Chính mạng tức là thân kia. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với thân, họ thấy có ngã và thấy có mạng, ở thân khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: “Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Có mạng và thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với thân, họ thấy có ngã và có mạng; thân kẻ khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy họ tuyên bố thế này: “Có mạng và thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với thân họ chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng, đối với thân khác cũng chẳng thấy có ngã, cũng chẳng thấy có mạng. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: “Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với thế gian, họ khởi kiến chấp thế này: “Thọ mạng cũng sẽ đến, thọ mạng cũng sẽ đi, hướng đến lưu chuyển”. Vì vậy họ tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt sẽ còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với thế gian, họ tuyên bố thế này: “Nơi này có thọ mạng đến, nơi kia có thọ mạng dứt”. Vì vậy, họ tuyên bố: “Như Lai sau khi tịch diệt không còn

có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, có Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt hoặc có hiện hữu, hoặc không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì với sở kiến của họ, họ tuyên bố thế này: “Nơi này mạng dứt chạy đến nơi khác, hướng đến lưu chuyển”. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt, vừa có hiện hữu, vừa không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, có Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi diệt độ, chẳng phải còn có hiện hữu, chẳng phải không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”, thì đối với thế gian, họ tuyên bố thế này: “Con người ở nơi đây mạng dứt rồi, sẽ di chuyển đến nơi kia, mạng cũng đoạn hoại”. Vì vậy họ tuyên bố thế này: “Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn có hiện hữu, chẳng phải không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng”.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ khi xưa có một quốc vương tên là Cảnh Diện. Bấy giờ, vua Cảnh Diện, có một lần, muốn cùng các người mù bẩm sanh đùa giỡn vui chơi, liền hạ lệnh tập trung nhiều người mù bẩm sanh. Sau khi bọn người mù tập trung, vua bảo: “Các ngươi là người mù bẩm sanh, vậy các ngươi có biết hình dáng của con voi như thế nào chăng?”

Khi ấy, các người mù đồng đáp: “Tâu Thiên vương, chúng thần sanh ra đã mù, thật chưa từng biết hình dáng của voi”.

Vua lại bảo: “Các ngươi từ trước đến nay chưa biết voi. Nay muốn biết hình dáng của voi chăng?”

Khi ấy bọn người mù đồng thanh đáp: “Tâu Thiên vương, chúng thần thật chưa biết. Mong vua ban ân! Chúng thần muốn biết hình dáng của voi”.

Khi ấy vua Cảnh Diện liền hạ lệnh gọi quản tượng đến, bảo: “Khanh hãy mau đến chuồng voi dắt một con voi đến đây, để trước ta, rồi chỉ cho các người mù”.

Bấy giờ quản tượng lanh hội ý của vua rồi, liền dẫn một con voi đến trước điện vua.

Vua nói với những người mù kia: “Đây chính là con voi”.

Khi ấy các người mù, ai cũng dùng tay sờ vào voi ấy.

Người quản tượng nói với các người mù: “Các người sờ voi, cứ đúng sự thật tâu lên vua”.

Khi ấy bọn người mù, có người sờ đúng vòi voi, có người sờ đúng ngà voi, hoặc có người sờ đúng tai voi, đầu, cổ, lưng, hông, đùi, móng chân, đuôi... Họ sờ như vậy xong khi ấy Quốc vương hỏi: ‘Các người đui mù kia! Các ngươi đã biết voi có hình dáng chưa?’

Bọn người mù đồng thanh đáp: “Tâu Thiên vương, chúng thần nay đã biết hình dáng của voi”.

Bấy giờ nhà vua liền hỏi lại: “Này các người mù, các ngươi nói đã biết voi rồi. Nếu đã biết rồi thì voi có hình dáng như thế nào?”

Lúc đó, trong đám người mù ấy, người mà đã dùng tay sờ đúng vòi thì đáp: “Tâu Thiên vương, hình voi giống như sợi dây”. Người sờ đúng ngà thì đáp: “Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái chày”. Người sờ đúng tai voi thì đáp: “Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái nia”. Người sờ đúng cái đầu thì đáp: “Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái đỉnh”. Người sờ đúng cái cổ thì đáp: “Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái sườn nhà”. Người sờ đúng cái lưng thì đáp: “Tâu Thiên vương, voi giống như cái bồ”. Người sờ đúng hông thì đáp: “Tâu Thiên vương, voi giống như cái bò”. Người sờ đúng đùi vẽ thì đáp: “Tâu Thiên vương, voi giống như cái cây”. Người sờ đúng bàn chân thì đáp: “Tâu Thiên vương, voi giống như cái cối”. Người sờ đúng cái đuôi thì đáp: “Tâu Thiên vương, voi giống như cái chổi”.

Các người mù, mỗi người đều tâu như này: “Tâu Thiên vương, hình voi như thế!” Rồi tâu thêm: “Tâu Thiên vương, thần đã biết con voi là như thế”.

Khi ấy nhà vua bảo các người mù: “Các ngươi chẳng biết là voi hay chẳng phải là voi, huống là có thể biết được hình dáng của voi!”

Khi ấy các người mù ai cũng giữ ý kiến mình, cùng nhau tranh cãi, ẩu đả, dùng tay che mặt, cãi vã, hủy nhục nhau.

Bấy giờ vua Cảnh Diện thấy bọn người mù tranh cãi ẩu đả nhau như vậy, cười to vui vẻ. Khi ấy vua liền nói kệ:

*Bọn người mù này không mắt
Chưa từng có thầy dạy bảo cho
Hình dáng của voi như thế nào
Nên cùng nhau tranh chấp lung tung.*

Chư Tỳ-kheo, cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian cũng lại như thế, đã chẳng thể biết như thật Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tập, Thánh đế khổ diệt, Thánh đế khổ diệt đạo. Đã chẳng như thật biết, điều nên biết nêu họ mới cùng nhau tranh cãi lâu dài, mãi mãi lưu chuyển, cùng hủy hoại nhau, cùng nhục mạ nhau, đã sanh ra sự tranh chấp cãi vã không ngừng, ai cũng dùng tay che mặt như bọn mù kia, cùng nhau náo loạn.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

*Nếu chẳng biết Thánh đế khổ kia
Cũng chẳng thể biết Tập, Nhân khổ
Các chốn khổ não trong thế gian
Đã diệt trừ hết không còn gì
Đây là thánh đạo, đã chẳng biết
Huống là biết cách diệt trừ khổ
Tâm họ như vậy chưa giải thoát
Chưa đạt trí tuệ, cảnh giải thoát
Họ chẳng thể quán rõ thánh đế
Chỉ hướng đến sanh, lão, tử
Chưa thoát khỏi vòng trói buộc
Thì đâu có thể đến tịch diệt.*

Chư Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có thể biết như thật Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo. Biết như thế rồi, họ phải tùy thuận tu học thì họ sẽ hòa hiệp lâu dài, cùng nhau hoan hỷ không còn tranh chấp, đồng hướng đến một việc tu học, giống như nước với sữa, cùng hòa hợp, ở chung một chỗ, trú chỗ an lạc, biểu hiện Thánh pháp mà Bậc Thầy đã thuyết.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

*Nếu biết như thế đều có khổ
Và chỗ sanh ra các khổ họa
Đã biết tất cả đều là khổ*

Nên khiến trừ diệt không còn gì
Đã biết đặc Diệt là do Đạo
Thì liền đạt đến chổ diệt khổ
Tức là đây đủ tâm giải thoát
Và đặc trí tuệ, cảnh giải thoát
Có thể đạt đến chổ cuối cùng
Như vậy chẳng còn sanh, lão, tử
Vĩnh viễn thoát khỏi lưới của ma
Xa lìa các Hữu của trần thế.

**
*

Phẩm 6: A-Tu-La 1

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Cách núi chúa Tu-di-lưu hơn một ngàn do-tuần về phía Đông, ở dưới biển lớn có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường bao bọc chung quanh; bảy lớp lan can trang hoàng vòng quanh. Cho đến bảy lớp lưỡi chông bằng vàng bạc, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc khắp cả, nhiều màu đẹp đẽ đều do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Bờ tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Những bờ tường đó đều cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa đặt một cái cửa; cửa đó cao ba mươi do-tuần, rộng hai mươi do-tuần. Các cửa ấy đều có các loại lầu gác, vườn tược, ao hồ. Trong các khu vườn, hồ ao đều có các loại cây; cây có các loại lá; lá có các loại hoa; hoa có các loại quả; quả có các loại hương, mùi hương xông tỏa rất xa; lại có các loài chim, đều cùng ca hát, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, trong vòng thành lớn của A-tu-la kia, có lập riêng một cung điện cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Cung này tên là Thiết-ma-bà-đế, thành ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến xa cừ...* bảy báu tạo thành. Bờ tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Bờ tường của thành ấy cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa đặt cái cửa; các cửa cao ba mươi do-tuần, rộng mươi hai do-tuần. Các cửa ấy cũng có lầu cao canh giữ, có đài gác, có vườn cảnh và hồ nước, các ao hoa...; có các loại cây và các loại lá, các loài hoa và các thứ quả, các thứ hương, có các loài chim cùng nhau ca hát, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiết-ma-bà-đế ấy chỗ ở của vua nằm ngay trung ương, còn thiết trí một hội trường cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Thất đầu. Nơi ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can trang hoàng đẹp đẽ. Lại có bảy lớp lưỡi chuông bằng vàng, bạc; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la vây bọc chung quanh bốn phía, nhiều màu đẹp đẽ, rất khả ái. Tất cả đều do bảy báu

tạo thành là xa cừ, mā nāo... Khắp bốn mặt đều có các cửa. Tại mỗi cửa, có lầu cao canh gác, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo... Còn phía dưới thì dùng tỳ lưu ly xanh trang trí xen kẽ, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chính giữa hội trường Thất đầu của A-tu-la tự nhiên có một trụ báu cao hai mươi do-tuần. Dưới trụ báu ấy có thiết lập một tòa báu cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, rất dễ ưa thích, do bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo..., mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca. Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu chỗ đứng cho các Tiểu a-tu-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo... mềm mại dễ ưa, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của A-tu-la, có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Nơi ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưỡi chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, rất khả ái, cũng bằng bảy báu tạo thành, là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca... *cho đến* xa cừ, mā nāo. Khắp bốn phía đều có các cửa; tại các cửa ấy, có các lầu cao canh gác, có dài gác, vườn cảnh hồ nước, ao hoa...; các loại cây cùng các loại lá và các loài hoa, các thứ quả, các thứ hương; có các loài chim cùng nhau ca hát, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam, phía Tây, Bắc... hội trường Thất đầu của A-tu-la, có các cung điện của các tiểu vương A-tu-la. Chốn ấy ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc tám trăm, bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn, ba, hai trăm do-tuần, chỗ nhỏ nhất ngang dọc cũng tới một trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược* *cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, phía Nam, Tây, Bắc hội trường Thất đầu của A-tu-la, lại có các cung điện của các Tiểu a-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc có chỗ tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, chỗ nhỏ nhất ngang dọc cũng tới mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *nói lược*

cho đến các loài chim cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của A-tu-la có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Ta-la. Khu vườn này ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, do bảy báu tạo thành như mā nāo... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu cao nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành, đó là xa cừ, mā nāo...

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thất đầu của A-tu-la, có khu vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Xà-ma-lê. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, đều do bảy báu tạo thành, như mā nāo... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa đều có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo...

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thất đầu của A-tu-la có khu vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Câu-tỳ-dà-la. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông đều do bảy báu tạo thành, như mā nāo... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa, có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, cũng bằng bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo...

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thất đầu của A-tu-la, có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là vườn Nan-dà-ma. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông đều do bảy báu tạo thành là mā nāo... Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa đều có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo... Các cửa này chỉ khác là không có các đài gác, ngoài ra đều giống nhau.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai khu vườn Ta-la và Xà-ma-lê ấy có một ao lớn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Nan-dà. Ao ấy ngang dọc năm trăm do-tuần. Nước ao mát lạnh, nhẹ đẹp, không đục, lăng trong tinh khiết; có bảy lớp gạch báu dùng trang trí đan xen, có bảy lớp thềm ván, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mā nāo... Khắp bốn mặt đều có đường cấp, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là mā nāo... Lại có các loài hoa sanh ra như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa

sen trắng. Có loại như lửa thì màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa; loại vàng thì màu vàng, hình vàng, ánh sáng vàng; loại xanh thì màu xanh, hình xanh, ánh sáng xanh; loại đỏ thì màu đỏ, hình đỏ, ánh sáng đỏ; loại trắng thì màu trắng, hình trắng, ánh sáng trắng; loại lục thì màu xanh lục, hình xanh lục; ánh sáng xanh lục. Hoa hình tròn như bánh xe, ánh sáng chiếu đến một do-tuần. Hương của hoa lan tỏa cũng một do-tuần. Ở trong ao ấy lại sanh các ngó sen, lớn như bánh xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai khu vườn Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na có một đại thọ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đà-la, tên là Vô-chất-đà-la-ba-tra-la, vòng gốc bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi do-tuần. Cây vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che mát năm mươi do-tuần, vòng đai ngang dọc năm trăm do-tuần. Bên ngoài cũng có bảy lớp bờ tường... *nói lược cho đến* bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não... Khắp bốn phía cũng có dựng cửa bằng bảy báu. Lại các cửa ấy cũng có các lầu cao canh phòng, đài gác... *nói lược cho đến* đủ các loài chim cùng ca hát.



KHỞI THẾ NHÂN BỐN

QUYỀN VI

Phẩm 6: A-TU-LA 2

Chư Tỳ-kheo, hội trường Thất đầu của A-tu-la kia, có hai con đường thông nhau để nhà vua qua lại du hý. Chỗ cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng có hai con đường giống như vậy. Chỗ cung điện của các tiểu vương A-tu-la cũng có hai con đường. Chỗ ở của các Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường. Khu vườn Ta-la cũng có hai con đường. Khu vườn Xà-ma-lê cũng có hai con đường. Khu vườn Câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường. Khu vườn Nan-đà-na cũng có hai con đường. Bên cạnh ao Nan-đà cũng có hai con đường. Ở dưới đại thọ Tô-chất-đa-ba-tra-la cũng có hai con đường. Tất cả đều như trước, cùng qua lại thông nhau với hội trường Thất đầu.

Chư Tỳ-kheo, nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la muốn đến khu vườn Ta-la, khu vườn Xà-ma-lê, Câu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na... để tắm rửa vui chơi, du hành hưởng lạc thì khi ấy, vua liền nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và nghĩ đến các chúng Tiểu a-tu-la.

Khi ấy các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la nghĩ thế này: “Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ đến chúng ta”. Biết vậy rồi, họ liền dùng các loại Anh lạc báu trang điểm thân thể; trang điểm rồi, cưỡi các loại xe, cùng đến ngoài cửa cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến nơi, họ xuống xe đi bộ đến trước cung điện vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và đứng lại.

Lúc bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đã đến trước cung điện, cũng liền

tự dùng các thứ Anh lạc trang điểm thân thể. Trang điểm xong, vua liền lên xe. Khi ấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la vây quanh hai bên, trước sau, theo nhau, cùng kéo đến vườn Ta-la và vườn Xà-ma-lê, vườn Câu-tỳ-đà-la, vườn Nan-đà-na... Đến nơi, họ dừng lại trước vườn Nan-đà.

Chư Tỳ-kheo, vườn Nan-đà có ba ngọn gió tự nhiên thổi đến, tô điểm cho cảnh vườn. Ba ngọn gió đó là gì? Đó là nhọn gió khai, ngọn gió tịnh và ngọn gió xuy. Thế nào gọi là khai? Đó là ngọn gió thổi đến mở các cánh cửa. Thế nào là tịnh? Đó là ngọn gió thổi đến quét khu vườn, làm cho mặt đất sạch sẽ. Thế nào là xuy? Đó là ngọn gió thổi đến lay động các cây trong vườn làm các hoa rơi vãi khắp nơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà-na, gió thổi rơi các loài hoa tuyệt đẹp ngập đến đầu gối; có đủ mùi hương, hương thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp vườn. Ngay khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-ma-la cùng các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la liền vào vườn Nan-đà-na. Vào rồi, tắm rửa, ngắm xem, du hý, tùy ý lưu lại. Các A-tu-la ở lại trong vườn ấy, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng để tắm rửa, du hý tùy ý, rồi ai muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thường có riêng năm vị A-tu-la luôn luôn ở bên cạnh để bảo vệ đề phòng các sự cố chẳng lành. Những ai là năm? Một tên là Tùy hỷ, hai tên là Hữu, ba tên là Túy, bốn tên là Mâu-chơn-lân-đà, năm tên là Tỳ-kha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có năm vị A-tu-la như thế luôn luôn ở bên vua để bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có một vạn do-tuần nước biển. Khối nước ấy tự nhiên có bốn ngọn gió giữ lại. Những gì là bốn? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố. Được bốn ngọn gió này giữ nên luôn đứng vững, không động.

Chư Tỳ-kheo, về phía Nam của núi chúa Tu-di-lưu, cách một ngàn do-tuần, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... giống như các sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Trong đó, tất cả cũng như đã nói ở trước, các ông nên biết... *cho đến* trên cung điện của vua này, cũng có một khối nước, cũng được bốn ngọn gió giữ lại:

một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Tây núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la Xà-bà-la. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... giống như các sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Ở đó, tất cả cũng như đã nói trước, các ông nên biết,... *cho đến* trên cung điện của vua này, có một khối nước cũng được bốn ngọn gió giữ gìn: một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cũng cùng khoảng cách như trên, về phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la. Nơi ấy ngang dọc như trên; có các tường vách cho đến... cửa lầu, đài gác canh phòng, vườn cảnh, các ao, có các thứ cây và các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông, có các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, nơi ấy có thành của vua A-tu-la La-hầu-la, vua trú trong ấy. Thành tên là Ma-bà-đế, ngang dọc, trang nghiêm cũng như trước đã nói, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây Đa-la, bảy lớp lưới chuông, vây bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Tường vách ấy cao thấp, ngang dọc cũng như trước đã nói. Tường vách ấy cũng có các cửa cao thấp, ngang dọc, tất cả đều như trên. Tại các cửa ấy đều có lầu cao, đài gác canh phòng, vườn cảnh, hồ nước và các ao hoa..., cũng có các cây cùng các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông; cũng có các thứ chim chóc, cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, thành Ma-bà-đế, trú xứ của vua, có hội trường của vua A-tu-la La-hầu-la, cũng có tên là Thất đầu. Nơi ấy ngang dọc như trước đã nói, có bảy lớp lan can và các lưới chuông, bảy hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng trang nghiêm bằng bảy báu là xa cừ, mã não... Khắp bốn phía đều có các cửa. Các cửa ấy cũng có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Ở dưới các cửa dùng xa cừ cõi trời để rải; mặt đất mềm mại, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Trong chỗ ấy có một trụ báu, cao thấp, ngang dọc như trước đã nói. Ở dưới trụ ấy có thiết trí một tòa cao cho vua A-tu-la La-hầu-la. Tòa ấy cao thấp, ngang dọc, sự trang trí, tất cả đều như trước, nhiều

màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mā nāo... tạo thành *cho đến* ... mềm mại trơn mịn, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề. Bên trái tòa ấy cũng thiết trí riêng biệt các tòa cao tuyệt đẹp cho mười sáu vị Tiểu vương A-tu-la, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mā nāo... tạo thành.

Bên phải cũng vậy, có các tòa cao cho mười sáu tiểu vương A-tu-la, *như trên đã nói*... mềm mại, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia, lại thiết trí riêng một cung điện cho vua A-tu-la La-hầu-la. Nơi ấy ngang dọc đều như trước, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưỡi chuông... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu là xa cừ, mā nāo... tạo thành. Bốn mặt đều có các cửa. Các cửa đều có lầu đài canh phòng, gác cao vườn cảnh, ao nước, suối hồ các hoa, có các loại cây, cùng các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông. Lại có các loài chim lạ, cùng nhau ca hát âm thanh hòa nhã, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Tây, Nam, Bắc hội trường Thất đầu của vua A-tu-la có cung điện của các Tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc có chỗ tám trăm, hoặc có chỗ bảy trăm, cho đến sáu trăm, năm bốn ba hai trăm; chỗ nhỏ nhất là một trăm do-tuần, đều có bảy lớp bờ tường, lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Tây, Nam, Bắc hội trường của vua A-tu-la cũng có các cung điện riêng của các Tiểu a-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc có nơi tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm, bốn, ba, hai mươi, nơi nhỏ nhất ngang dọc cũng tới mươi hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường..., *cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của vua A-tu-la La-hầu-la có khu vườn tên là vườn Ta-la. Vườn ấy ngang dọc, trang trí, như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu là xa cừ, mā nāo... tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu đài... *cho đến* mā nāo... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thất đầu của vua A-tu-la có một thượng uyển của vua A-tu-la La-hầu-la gọi là Xà-ma-lê, ngang

dọc, trang nghiêm đều như trước đã nói; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu là xa cừ, mã não... tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Các cửa ấy có các lầu cao..., *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn của vua A-tu-la La-hầu-la tên là vườn Câu-tỳ-đa-la, ngang dọc đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy cũng có lầu gác, các loại trang trí, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não... các báu trang trí, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là vườn Nan-đà-na. Vườn ấy ngang dọc, như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy cũng có lầu gác, các thứ trang trí, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não... trang trí bằng các báu, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu vườn Xà-ma-lê và Ta-la, có một ao nước của vua A-tu-la La-hầu-la tên là Nan-đà. Ao ấy ngang dọc như trước đã nói. Nước ao mát lạnh, ngọt ngọt nhẹ nhàng, trong sạch không bẩn; dùng bảy loại gạch báu, bảy lớp bờ lũy, bảy lớp ván báu trang trí xen lấn; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưỡi chuông; cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não... bảy báu tạo thành. Lại ở bốn phía ao đều có bờ thềm rất khả ái, cũng do bảy báu tạo thành. Ao sanh các loại hoa; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Hoa ấy màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa... *như trên* đã nói, *cho đến* màu nước, hình nước, ánh sáng nước, chiếu khắp bốn phương, mùi hương ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi. Lại có ngô sen nhựa trắng, vị ngọt; ăn vào ngọt ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu vườn Câu-tỳ-đa-la và Nan-đà-na có một đại thọ của vua A-tu-la La-hầu-la tên là Tô-chất-đa-la-ba-tra-la. Cây ấy ngang dọc, các loại trang trí đều như trước đã nói... *cho đến* bảy lớp bờ tường, lan can, xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành, rất khả ái... và *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát, âm thanh hòa nhã, người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, sự trang trí hội trường Thất đầu của vua A-tu-la như trước đã nói, cũng có bảy đường đi, có đường tắt đi, về để vua A-tu-la La-hầu-la đi dạo cung điện. Lại cũng có đường đi cho các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la, qua lại thông thương, hướng đến vườn Xà-ma-lê và Câu-tỳ-đà-la; cũng có đường đi, hướng đến vườn Nan-đà-na và ao Nan-đà, cây Tô-chất-đa-ba-tra-la... Tất cả đều có đường đi thông thương qua lại du hý vui chơi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la khi muốn đến vườn Ta-la và vườn Nan-đà-na để tắm rửa du hý, ngoạn cảnh thì bấy giờ, vua nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta, muốn cùng ta du hý". Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế rồi, lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la. Bấy giờ các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la liền nghĩ: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đang nghĩ đến chúng ta. Chúng ta nên đi đến đó". Họ liền dùng các Anh lạc báu trang điểm thân thể. Trang điểm thân thể rồi, đều cưỡi xe đi đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến cửa cung điện của vua, tất cả đứng lại chỉnh tề. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã thấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ tập, liền tự trang điểm thân thể, mang các Anh lạc, cưỡi các loại xe cùng các Tiểu vương và chúng A-tu-la tả hữu vây quanh, sau trước lên đường, hướng đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la; đến nơi dừng lại.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi ấy hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng A-tu-la. Chúng ấy biết rồi liền cùng tụ tập lại trang điểm, rồi đi đến bên hai vị vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Đến nơi, tất cả đều trang điểm thân thể bằng Anh lạc, cưỡi xe, vây quanh cùng đến bên vua A-tu-la La-hầu-la. Đến nơi, mọi người đều đứng vào vị trí của mình.

Chúng ấy vẫn tập xong, vua liền nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và chúng A-tu-la của mình. Bọn họ biết rồi, cũng đều trang điểm, cưỡi xe ra đi, đến trước vua A-tu-la La-hầu-la, nghiêm nhiên dừng lại.

Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy xong, liền tự mang các thứ

Anh lạc trang điểm thân thể, cưỡi các loại xe, vây quanh sau trước, cùng vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và vua A-tu-la Dũng Được, Xà-bà-la, và các tiểu vương, các chúng A-tu-la vân tập tháp tùng hướng đến các khu lâm viên Ta-la, Xà-ma-lê, Câu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na. Sau khi đến nơi, đầu tiên, họ dừng lại nghỉ tại khu lâm viên Nan-đà.

Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na tự nhiên có ba ngọn gió. Những gì là ba? Đó là gió khai, gió tịnh và gió xuy. Ở trong đó, gió khai là luồng gió mở toang các cửa. Gió tịnh là luồng gió quét sạch mặt đất. Gió xuy là luồng gió thổi các bông hoa.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà-na, có loại hoa thượng hảo hạng rải đầy khắp mặt đất. Hương thơm của hoa ấy xông khắp khu lâm viên, trang trí đầy đủ, tất cả đều đẹp đẽ.

Ngay lúc đó vua A-tu-la La-hầu-la và vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Được, vua A-tu-la Xà-bà-la... cùng các tiểu vương, quần chúng quyến thuộc, bọn Tiểu a-tu-la vây quanh kéo vào khu lâm viên Nan-đà-na. Vào rồi, họ tắm rửa, du ngoạn, vui đùa tùy theo ý thích. Các chúng A-tu-la ở trong khu lâm viên đó trong một tháng, hai tháng, ba tháng, tắm rửa, du ngoạn, vui đùa, tùy ý mà đi, đứng, mỗi người tùy theo ý muốn của mình muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la cũng thường có năm A-tu-la luôn theo bên cạnh để phòng vệ việc chẳng lành. Năm vị ấy là những ai? Một tên là Tùy hỷ, hai tên là Hữu, ba tên là Túy, bốn tên là Mâu-chân-lân-đà, năm tên là Tỳ-ha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ấy có năm vị A-tu-la như thế luôn luôn theo vua để bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, phía trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la là một khối nước biển cao vạn do-tuần ở trên đó. Khối nước ấy tự nhiên được bốn loại gió giữ gìn. Bốn loại gió ấy là gì? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ. Đó là bốn loại gió giữ gìn, thường trụ, không động.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Nam của núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la Dũng Được. Cung điện ấy dài, rộng vạn do-tuần, bảy lớp tường vách... nói lược cũng như các loại sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Mỗi chi tiết trong cung ấy cũng như trên đã nói, các vị cần nêu biết.

Cho đến phía trên cung điện của vua ấy cũng có khói nước, có bốn loại gió giữ gìn gồm: Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Tây của núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la Xà-bà-la (Tùy dịch là Huyền hóa). Cung điện đó dài, rộng tám vạn do-tuần, bảy lớp tường vách... nói lược cũng như các loại sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Mỗi chi tiết trong cung ấy cũng như trên đã nói, các vị cần nên biết. Cho đến phía trên cung điện của vua ấy cũng có khói nước, cũng có bốn loại gió giữ gìn gồm: Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, về phía Bắc của núi chúa Tu-di-lưu, khoảng cách xa cũng như trên, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la. Cung điện ấy dài, rộng cũng như trên đã nói, cũng có các tường vách, lầu gác, đài canh, vườn, ao, các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp và cũng có các loại chim, mỗi loài đều tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, trong chỗ đó mà có tòa thành. Vua trụ trong tòa thành đó. Thành có tên là Ma-bà-đế (Tùy dịch là Tịch chủ), dài, rộng trang nghiêm cũng như nói ở trên, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy hàng cây Đa-la, bảy lớp lưới chuông bao bọc xung quanh, nhiều sắc màu khả ái do bảy báu: vàng,... cho đến xa cù, mã não tạo thành. Các tường vách ấy cao, thấp, dài, rộng cũng như trên đã nói. Các tường vách ấy cũng có các cửa. Các cửa đó, mỗi cửa cao, thấp, dài, rộng cũng như trên. Ở mỗi cửa cũng có lầu gác, đài canh, vườn, ao; trong ao cũng có các cây và các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp, cũng có nhiều giống loại chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, tòa thành Ma-bà-đế, nơi trụ của vua A-tu-la La-hầu-la có chỗ hội tụ cũng có tên là Thất đầu. Nơi ấy dài, rộng như đã nói ở trên, bảy lớp lan can, các màn lưới chuông, các hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp mắt, cũng được trang nghiêm bằng bảy báu... cho đến xa cù, mã não... Khắp bốn phương đều có cửa. Các cửa đó cũng có lầu gác nhiều màu đẹp mắt do bảy báu: vàng... cho đến xa cù, mã não tạo thành. Dưới đất cũng dùng xa cù cõi trời để rải khấp. Đất ấy mềm mịn, chạm vào như y Ca-

chiên-lân-đề. Trong chõ ấy có một cột báu cao thấp, dài rộng trang nghiêm, mỗi mỗi đều như ở trên đã nói, nhiều màu đẹp mắt, do bảy báu vàng..., xa cừ, mã não tạo thành, mềm mịn, trơn láng, chạm vào như y Ca-chiên-lân-đề. Bên phải của tòa ấy, (các A-tu-la) cũng vì mười sáu vị tiểu vương A-tu-la thiết trí riêng cho mỗi vị các tòa ngồi cao đẹp, nhiều màu, đẹp mắt, do bảy báu vàng..., xa cừ, mã não tạo thành. Bên trái cũng thế, có các tòa cao cho mười sáu vị tiểu vương A-tu-la cũng như trên đã nói, chạm vào mềm mịn như y Ca-chiên lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông nơi tụ hội Thất đàu của vua A-tu-la, tức trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la lại thiết trí riêng một cung điện. Cung điện ấy dài, rộng... tất cả đều giống như trên, bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông cho đến bảy hàng cây Đa-la, đều bao bọc chung quanh khắp bốn mặt, nhiều màu đẹp mắt, do bảy báu vàng... xa cừ, mã não tạo thành. Bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa ấy, mỗi cửa đều có lầu gác, dài canh phòng vệ, vườn, các ao, suối, các hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp; lại có các loài chim kỳ lạ đều tự kêu hót âm thanh hòa nhã, thật đáng yêu.

Chư Tỳ-kheo, nơi tụ hội Thất đàu, trú xứ của vua A-tu-la, bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc đều có trú xứ, cung điện của các vị tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy dài, rộng chín trăm do-tuần, hoặc có tòa tám trăm, hoặc có tòa bảy trăm cho đến sáu trăm, năm, bốn, ba, hai trăm do-tuần. Tòa cung điện nhỏ nhất cũng là một trăm do-tuần. Tất cả đều có bảy lớp tường vách, lan can... *nói lược cho đến* các loài chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, Đông, Tây, Nam, Bắc trú xứ của vua A-tu-la, nơi tụ hội Thất đàu, mỗi phương đều có cung điện để ở của các tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy dài, rộng chín mươi do-tuần, hoặc có cái tám mươi, bảy mươi cho đến sáu mươi, năm, bốn, ba, hai mươi do-tuần. Tòa cung điện nhỏ nhất cũng là một hai do-tuần, có bảy lớp tường vách,... *nói lược cho đến* các loài chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của nơi tụ hội Thất đàu, trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la đó, có khu lâm viên tên là Sa-la. Khu lâm viên ấy dài, rộng nhất nhất giống như trên, có bảy lớp tường vách, bảy lớp

lan can, cho đến do bảy báu vàng,... mā nāo tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa đó đều có lầu gác nhiều màu, đẹp mắt,... cho đến cũng dùng bảy báu... xa cừ, mā nāo làm thành, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam của nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la kia, có khu lâm viên tên là Xà-ma-lê dài, rộng trang nghiêm đều như trên đã nói, có bảy lớp tường vách, bảy hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp mắt, cũng do bảy báu vàng,... xa cừ, mā nāo đan xen tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa đó đều có lầu gác,... cho đến do mā nāo bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây của nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la ấy có khu lâm viên của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Câu-tỳ-dà-la, dài, rộng nhất nhì đều như trên đã nói, có bảy lớp tường vách... cho đến do mā nāo bảy báu tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa ấy cũng có lầu gác, các loại báu đan xen trang hoàng, nhiều màu đẹp mắt,... cho đến được dùng xa cừ, mā nāo bảy báu để trang nghiêm, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la ấy có khu lâm viên của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Nan-đà-na. Khu lâm viên ấy dài, rộng như trên đã nói, có bảy lớp tường vách... cho đến do mā nāo bảy báu tạo thành. Khắp bốn phương đều có các cửa. Các cửa đó cũng có lầu gác, các loại báu đan xen trang hoàng, nhiều màu đẹp mắt,... cho đến được dùng xa cừ, mā nāo bảy báu để trang nghiêm, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu lâm viên Xà-ma-lê và Sa-la, có một cái ao nước của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Nan-đà. Ao ấy dài, rộng như trên đã nói. Nước trong ao mát lạnh, êm ả, ngon ngọt, trong sạch không cáu bẩn, dùng bảy báu để làm bảy lớp gạch bao bọc, dùng bảy báu để lót ở giữa rất trang nghiêm, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, còn có bảy hàng cây Đa-la vây bọc chung quanh, nhiều màu đẹp mắt... *cho đến* do mā nāo bảy báu tạo thành. Lại nữa, bốn hướng của ao đều có các con đường bằng bậc thềm, thật đáng ưa thích; còn được dùng bảy báu đan xen tạo thành. Trong ao sanh các loại hoa: Ưu-bát-la, Bát-đà-ma, Cứu-mâu-đà, Bôn-trà-lợi-ca. Hoa màu lửa thì hình lửa, ánh sáng lửa,... *nói lược như trên, cho đến* hoa màu nước thì hình

nước, ánh sáng nước; ánh sáng chiếu khắp bốn phương, hương xông tỏa ngào ngạt nơi nơi. Lại nữa, ngó rẽ của hoa ấy cắt vào chảy ra nước màu trắng, vị ngọt như mật ong không sáp.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu lâm viên Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na, có một cội đại thụ của vua A-tu-la La-hầu-la, tên là Tô-chất-đa-la-ba-tra-la. Cội cây ấy dài, rộng, các loại trang nghiêm đều như trên đã nói, ... *cho đến* bảy lớp tường vách, lan can, do bảy báu... xa cù, mā nāo tạo thành, thật đàng ưa thích. *Nói lược cho đến* các loài chim đều tự kêu hót âm thanh hòa nhã khiến người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, nơi hội tụ Thất đầu của vị vua A-tu-la đó được trang hoàng như đã nói ở trên. Cũng có các con đường rẽ nhánh, đường đi qua lại tiện lợi để cho vua A-tu-la du ngoạn ngoài cung điện. Lại cũng có các con đường rẽ nhánh để cho các tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la qua lại thông thương. Xà-ma-lê và Câu-tỳ-đà-la cũng có đường rẽ. Nan-đà-na và ao Nan-đà, đại thọ Tô-chất-đa-la-ba-tra-la đều có đường rẽ qua lại thông thương để dạo chơi vui vẻ.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la muốn đến khu lâm viên Sa-la, khu lâm viên Nan-đà-na để tắm gội, dạo chơi, ngoạn cảnh thì khi ấy tâm vua nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: “Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta, muốn cùng ta dạo chơi”. Lúc đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ xong, lại tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la của mình. Khi đó các vị tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la lập tức khởi niệm nghĩ: “Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đang nghĩ đến chúng ta. Chúng ta phải đến đó”. Họ liền lấy các loại châu báu, Anh lạc trang điểm trên thân mình. Trang điểm xong, tất cả đều cưỡi xe đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đến trước cửa cung, họ đều đứng lại một cách nghiêm trang. Lúc bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vị tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ tập, liền tự trang nghiêm thân, đeo các ngọc Anh lạc, rồi cưỡi các loại xe cùng các tiểu vương và chúng A-tu-la vây quanh theo hầu hai bên phải trái và trước sau đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la; đến nơi liền dừng lại.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vị A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi đó hai vị A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la

cũng nghĩ thế này: “Vua A-tu-la La-hầu-la nay nghĩ đến chúng ta”. Họ biết như thế rồi mỗi người lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng A-tu-la của mình. Các vị ấy sau khi biết xong cũng đều tụ tập, trang điểm xong liền đi tới chỗ hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi hai vị đến nơi, hai vua cũng trang điểm ngọc Anh lạc trên thân, cưỡi xe cùng chúng A-tu-la vây quanh đi đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la. Đến nói, tất cả đều đứng theo chỗ của mình.

Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy các vị vua như Tỳ-ma-chất-đa-la... đều đã tụ tập, liền tự nghĩ đến các vị tiểu vương A-tu-la và chúng A-tu-la của mình. Các vị ấy biết xong, mỗi vị cũng tự trang điểm, cưỡi xe đến trước vua A-tu-la La-hầu-la, đứng trang nghiêm. Lúc đó vua A-tu-la La-hầu-la thấy thế, tự đeo các loại ngọc Anh lạc... trang điểm thân mình, ngự trên các loại xe cùng các vị vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Xà-bà-la và các vị tiểu vương A-tu-la, chúng A-tu-la tụ hội, vây quanh sau trước lên đường hướng đến khu rừng Sa-la, rừng Xà-ma-lê, rừng Câu-tỳ-đà-la, rừng Nan-đà-na. Sau khi đến nơi, họ dừng nghỉ một lát trước khu rừng Nan-đà-na.

Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na ấy tự nhiên có ba loại gió thổi lên. Ba loại gió ấy là gì? Đó là gió khai, gió tịnh và gió xuy. Trong đó, gió khai là loại gió mở toang các cửa; gió tịnh quét sạch mặt đất; gió xuy là loại gió thổi các hoa trên cây. Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na ấy, các loại hoa đẹp thương diệu rơi đầy ngập đất, hương của hoa tỏa khắp khu lâm viên, vô cùng trang nghiêm, đầy đủ các thứ đẹp mắt.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la cùng các vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Xà-bà-la, các vị tiểu vương, chúng quyến thuộc Tiểu a-tu-la đang vây quanh đi vào vườn Nan-đà-na. Sau khi vào rồi, họ tắm gội, dạo chơi, hưởng lạc, thưởng ngoạn; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tùy theo ước muốn, ý thích.

Chư Tỳ-kheo, vị vua A-tu-la La-hầu-la ấy luôn có năm vị A-tu-la theo hộ vệ, phòng các điều chẳng lành; tên của họ giống như trên. Phía trên cung có khói nước biển dài rộng, sâu cạn, có bốn loại gió giữ gìn khiến không để đổ xuống đều như trên đã nói.

Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Đông núi chúa Tu-di-lưu, cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Đề-đầu-lại-trá. Thành ấy tên là Hiền thượng, ngang dọc sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông. Lại có bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều dùng bảy báu là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mā nāo để trang trí. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu gác canh phòng, dài, vườn, ao; các vườn hoa có các thứ cây và các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông; có các loài chim cùng nhau ca hát, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Nam núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca. Thành ấy tên là Thiện hiện, ngang dọc, trang trí nhất nhì đều giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-trá ở trên... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Tây núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa. Tên thành là Thiện quán, ngang dọc, trang trí, nhất nhì giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-trá ở trên... *cho đến* các loài chim, cùng nhau ca hát, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có ba thành quách của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Ba thành ấy là gì? Một là Tỳ-xá-la-bà, hai là Già-bà-bát-đế, ba là A-trà-bàn-đa. Mỗi thành ngang dọc sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường bảy lớp lan can... *cho đến* các loài chim, cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, chỉ trừ cung điện Nguyệt thiên tử, bảy tòa cung điện lớn của Nhật thiên tử, ngoài ra trong đó, có các cung điện của Tứ thiên vương, chư Thiên quyền thuộc. Có cái ngang dọc bốn mươi do-tuần, hoặc có cái ba mươi, hai mươi, mươi hai do-tuần; cái nhỏ

nhất, ngang dọc cũng sáu do-tuần, cũng đều có bảy lớp bờ tường, lan can như trên,... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế, có một ao nước của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Ao ấy tên là Na-trī-ni, ngang dọc bốn mươi do-tuần. Nước ao điều hòa, trong mát nhẹ nhàng; vị nước ngọt thơm tho, tinh khiết không bẩn. Bốn bên bờ ao có bảy lớp thềm gạch, bảy lớp ván báu xen lẫn phân minh; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành, đó là xa cừ, mã não... Ở bốn phía đều có đường cấp cũng được trang trí bằng bảy báu. Ở trong ao, có các thứ hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng tự nhiên mọc lên. Hoa ấy màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa... *cho đến* màu nước, hình nước, ánh sáng nước. Hoa nở lớn như bánh xe; ánh sáng của hoa chiếu đến nửa do-tuần, hương thơm tỏa ngát một do-tuần; có các ngó sen lớn như trực bánh xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa ăn vào ngọt, mùi vị như mật.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Già-bà-bát-đế và A-trà-bàn-đa có vườn ngự uyển của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Vườn ấy tên là Ca-tỳ-diên-đa, ngang dọc bằng nhau bốn mươi do-tuần; có bảy lớp bờ tường; bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *như trên đã nói cho đến* đều do bảy báu tạo thành.

Trú xứ Hiền thượng của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra có hai con đường qua lại trong thành quách. Trú xứ Thiện hiện của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca cũng có hai con đường qua lại trong thành quách. Trú xứ Thiện quán của Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa cũng có hai con đường qua lại trong thành quách. Thành A-trà-bàn-đa của Thiên vương Tỳ-sa-môn có hai con đường. Thành Tỳ-xá-la-bà và Già-bát-đế... cũng đều có hai con đường. Cung điện của các chúng Tiểu thiên và quyến thuộc của Tứ thiên vương cũng có hai con đường qua lại. Ao Na-trī-ni và vườn Ca-tỳ-diên-đa cũng có hai con đường qua lại.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn khi muốn đến vườn Ca-tỳ-diên-đa du hý tắm rửa thì trong lòng liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Bấy giờ Thiên vương Đề-đầu-lại-tra cũng khởi sanh ý

nghĩ: “Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta”. Biết như vậy rồi, vì ấy liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và Thiên chúng quyến thuộc. Khi ấy các Thiên vương và Thiên chúng thân thuộc ở phương Đông đều nghĩ thế này: “Thiên vương Đề-đầu-lại-trà đã nghĩ đến chúng ta”. Biết như vậy rồi, họ đều trang điểm thân thể bằng các thứ Anh lạc, cưỡi các loại xe đi đến bên Thiên vương Đề-đầu-lại-trà. Đến trước mặt rồi, đứng sang một bên. Bấy giờ Thiên vương Đề-đầu-lại-trà liền tự trang điểm, mang các Anh lạc. Rồi lên xa giá cùng các chúng Tiểu thiên vương quyến thuộc vây quanh sau trước, dẫn nhau đến bên Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến rồi, họ đứng trước mặt Thiên vương Tỳ-sa-môn.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến hai vị Thiên vương là Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bát-xoa. Khi ấy hai vị Thiên vương kia nghĩ thế này: “Thiên vương Tỳ-sa-môn nghĩ đến chúng ta”. Biết như thế rồi, họ liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và các chúng Thiên vương do họ thống lãnh. Khi ấy các tiểu vương và chúng Thiên kia cũng nghĩ: “Đại vương chúng ta đang nghĩ đến chúng ta. Nay bấy giờ phải đi nhanh đến đó”. Nghĩ như vậy rồi, họ liền trang điểm Anh lạc trên thân, cùng kéo đến chỗ hai Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bát-xoa; đến rồi, dừng lại. Khi ấy hai vị Thiên vương biết các tiểu vương và chúng Thiên vương tụ tập đến rồi, liền tự trang điểm thân thể, mang các Anh lạc, rồi lên xe, có Thiên chúng vây quanh, cùng nhau đi đến cung Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn biết các chúng của hai vị Thiên vương vân tập rồi, lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương và quần chúng do mình lãnh đạo. Khi ấy các Tiểu thiên vương và Thiên chúng phương Bắc nghĩ thế này: “Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến chúng ta”. Biết như vậy rồi, ai nấy đều mang các thứ báu, Anh lạc trang điểm thân thể, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn, đứng lại.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn tự mang các thứ báu, anh lạc, trang điểm thân thể, rồi lên các thứ xe, cùng bốn Đại thiên vương Đề-đầu-lại-trà, Tỳ-lâu-lặc-ca, Tỳ-lâu-bát-xoa...; ai cũng cùng các chúng chư Thiên sở thuộc, vây quanh sau trước, cùng đi đến vườn Cát-tỳ-diên-đa. Đến rồi đứng lại trước vườn.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, tự nhiên có ba làn gió thổi đến: một là khai, hai là tịnh, ba là xuy. Khai là mở cửa vườn; tịnh là làm sạch đất vườn; xuy là thổi cây trong vườn, các hoa rơi rụng tung bay.

Chư Tỳ-kheo, các hoa trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, ngập tới đầu gối, các thứ mùi thơm phảng phất khắp nơi.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn, Thiên vương Đề-đầu-lại-trà, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa... với các Tiểu thiên vương và quyến thuộc vây quanh, cùng đi vào vườn Ca-tỳ-diên-đa, tắm rửa, du hý, hưởng thụ các thứ khoái lạc. Ở trong vườn ấy, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng, tắm rửa, du hý, hưởng lạc xong, muốn đi đâu tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng có năm thần vương Dạ-xoa luôn luôn theo hầu hai bên tả hữu để bảo vệ. Những ai là năm? Một tên là Ngũ trượng, hai tên Khoáng dã, ba tên Kim sơn, bốn tên Trường thân, năm tên Chân mao.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn qua lại du hý, thường được năm thần Dạ-xoa này hộ vệ.

**

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh núi Tu-di-lưu có trú xứ, cung điện của chư Thiên cõi Ba mươi ba. Nơi ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não... tạo thành. Bờ tường cao bốn trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Các bờ tường cách nhau năm trăm do-tuần, ở giữa có các cửa. Các cửa ấy cao ba mươi do-tuần, rộng mươi do-tuần. Hai bên cửa có các lầu canh phòng; dài gác và xe cộ... Lại có các ao và vườn hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các thứ hương xông tỏa, có các loài chim cùng nhau ca hát, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích. Lại nữa, ở các cửa ấy luôn luôn có năm trăm Dạ-xoa bảo vệ cho Tam thập tam thiên.

Chư Tỳ-kheo, trong bờ tường ấy có một thành quách tên là Thiện kiến của vua Tam thập tam thiên. Thành ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng trang trí bằng bảy báu là xa cừ, mã não... Tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, ở trên rộng năm mươi do-tuần. Bờ tường của thành cũng cách nhau năm trăm do-tuần. Ở khoảng giữa đều có các cửa. Mỗi cửa cao ba mươi do-tuần, rộng mươi do-tuần. Các cửa ấy cũng có lầu canh phòng; dài gác, các ao nước, vườn hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương thơm, các loài chim, cùng nhau ca hát. Ở các cửa ấy, mỗi cửa có năm trăm Dạ-xoa thủ hộ cho Tam thập tam thiên.

Chư Tỳ-kheo, gần bên thành Thiên cung Thiện kiến có cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bát-na. Cung điện ấy ngang dọc sáu trăm do-tuần, cũng có bảy lớp tường vách, lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, ở trong bờ tường lớn của thành Thiện kiến có hội trường của Tam thập tam thiên, tên là Thiện pháp đường. Nơi ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp

đẽ, do bảy báu là xa cừ, mā nāo... tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa, đều có lầu cao canh phòng, đài nhà, đủ loại màu sắc, do bảy báu tạo thành. Đất nơi ấy toàn là lưu ly xanh báu, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đè. Ngay ở giữa có một trụ báu, cao hai mươi do-tuần. Ở dưới trụ báu có đặt một tòa ngồi cho trời Đế-thích, cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mā nāo... bảy báu tạo thành, mềm mại mịn láng, chạm vào... *như trên*. Hai bên tòa đều có mười sáu tòa cho Tiểu thiên vương để thị vệ, bằng bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ, mịn láng, sờ vào... *như trên không khác*.

Chư Tỳ-kheo, nơi hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên lại lập một cung điện cho trời Đế-thích. Cung ấy rộng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Nam, Tây, Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, có cung điện của các tiểu vương, ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc có cái tám, hoặc bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất rộng một trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát. Phía Đông, Nam, Tây, Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên là cung điện của các Tiểu thiên ở cõi Tam thập tam thiên, ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất rộng mươi hai do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên có vườn thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Ba-lâu-sa, ngang dọc một ngàn do-tuần... *cho đến* bảy lớp bờ tường, do mā nāo... bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mā nāo... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn thượng uyển Ba-lâu-sa, có hai tảng đá lớn: Một tên là Hiền, hai tên là Thiện hiền, do mā nāo trời tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc đều năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đè.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên có một vườn thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên

tên là Tạp sắc xa, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến mā nāo tạo thành*. Khắp bốn phía đều có các cửa. Ở các cửa đều có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến mā nāo tạo thành*. Ở trong vườn ấy cũng có hai tảng đá: Một tên Tạp sắc, hai tên là Thiện tạp sắc, toàn dùng lưu ly xanh trời tạo thành. Mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đà.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên cũng có một thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Tạp loạn, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến do bảy báu tạo thành*. Bốn phía đều có cửa và có lầu gác canh phòng, đài gác đều do bảy báu tạo thành. Vườn Tạp loạn ấy cũng có hai tảng đá: Một tên Thiện hiện, hai tên Tiểu thiện hiện, do pha-trí-ca trời tạo thành, mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đà.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên lại có một thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Hoan hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến mā nāo... bảy báu tạo thành*. Bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu cao, đài gác canh phòng, cũng trang trí bằng bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Hoan hỷ cũng có hai tảng đá: Một tên Hoan hỷ, hai tên Thiện hoan hỷ, do bạc trời tạo thành. Mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu vườn Ba-lâu-sa và Tạp sắc xa, có một ao nước của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Hoan hỷ, ngang dọc năm trăm do-tuần. Nước ao mát lạnh, ngọt, nhẹ nhàng, thanh khiết không bẩn. Bốn mặt bờ bằng gạch bảy báu, có bảy lớp ván báu xen lỗ; có bảy lớp lan can... *cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la*, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Bốn phía ao đều có đường cấp, trang trí toàn bằng bảy báu. Trong ao có các loài hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng... Hoa màu lửa thì hình lửa, ánh sáng lửa, cho đến màu nước thì hình nước, ánh sáng nước, ngang dọc lớn nhỏ đều như bánh xe. Ánh sáng của hoa chiếu sáng một do-tuần. Gió thổi mùi hương lan tỏa một do-tuần; có các

ngó sen lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, mùi vị ngọt ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai vườn Tạp loạn và Hoan hỷ có một cội đại thọ của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la. Vòng gốc bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ bờ tường, ngang dọc năm trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng ca hát.

Chư Tỳ-kheo, dưới đại thọ Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la có một tảng đá tên là Bàn-trà-cam-bà-la, do bạc trời tạo thành, ngang dọc năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, ở đây, vì sao hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên gọi là Thiện pháp? Chư Tỳ-kheo, vì tại hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, khi Thiên vương Tam thập tam thiên tụ hội an tọa rồi, ở đó chỉ bàn luận các ý nghĩa vi diệu bí ẩn; thẩm xét, tư duy, cân nhắc, quán sát phần nhiều là sự việc quan trọng, chân thật chánh lý của thế gian. Vì vậy gọi là hội trường Thiện pháp đường.

Còn vì sao gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca? Chư Tỳ-kheo, khi Thiên vương Tam thập tam thiên vào trong vườn Thô sáp rồi, ngồi trên hai tảng đá Hiền, Thiện hiền, chỉ bàn luận ngôn ngữ thô ác bất thiện của thế gian. Vì vậy gọi là Ba-lâu-sa-ca.

Còn nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp sắc xa? Chư Tỳ-kheo, khi Thiên vương Tam thập tam thiên vào trong vườn Tạp sắc xa rồi, ngồi trên hai tảng đá Tạp sắc và Thiện tạp sắc bàn luận các loại hình thái ngôn ngữ đủ loại của thế gian. Vì vậy gọi là vườn Tạp sắc xa.

Còn nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp loạn? Chư Tỳ-kheo, ở vườn Tạp loạn, Thiên vương Tam thập tam thiên thường lấy ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm trong tháng, cho tất cả thể nữ ở trong cung vào vườn, để cùng với Thiên chúng Tam thập tam thiên qua lại vui chơi không gì ngăn cách, tự do vui hưởng năm thứ dục lạc cõi trời, một cách đầy đủ, và du hành hưởng lạc. Vì vậy chư Thiên ở chốn ấy cùng gọi vườn kia là vườn Tạp loạn.



KHỎI THẾ NHÂN BỐN

QUYỂN VII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIỀN 2

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà vườn ấy được gọi là vườn Hoan hỷ? Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tam thập tam thiền khi vào vườn ấy rồi, ngồi trên hai tảng đá, tâm cảm thấy vui mừng, ý nghĩ vui mừng; ý nghĩ này qua ý nghĩ khác, tâm cảm thấy an vui và niềm vui cứ tiếp nối liên tục. Vì vậy họ gọi vườn ấy là vườn Hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, còn cây ấy vì nhân duyên gì mà được gọi là cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la? Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la có vị Thiên tử tên là Mạt-đa trú ngũ, ngày đêm thường dùng đủ mọi thú vui ngũ dục cõi trời pha trộn du hý hưởng lạc. Vì vậy chư Thiên gọi cây ấy là cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la.

Chư Tỳ-kheo, Tam thập tam thiền dù khi có việc gấp cũng chưa từng rời tảng đá Bàn-trà-cam-bà kia, chỉ khi thiết lễ cúng dường tôn trọng cung kính rồi, tùy theo ý muốn đi đâu mới đi. Vì sao? Vì tảng đá này là trú xứ của Như Lai khi xưa, nên chư Thiên cho là chỗ tích tụ công đức. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều cúng dường.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam chỉ có mắt thấy được vườn Ba-lâu-sa-ca nhưng thân không vào được. Do thân không vào được nên không được hưởng đầy đủ các thú vui ngũ dục ở nơi ấy. Vì sao? Vì nơi ấy nghiệp quả tốt đẹp mà thiện căn đời trước của họ lại yếu kém nên không được vào. Cũng có hạng trời Tam thập tam được nhìn thấy vườn Ba-lâu-sa-ca, thân cũng được vào; đã được vào rồi thì

được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp cõi trời. Vì sao? Vì thiện căn của họ tăng trưởng tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam mắt chẳng thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng chẳng vào được, cũng chẳng được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp. Vì sao? Vì thiện căn của họ có sự sai biệt.

Lại có hạng trời Tam thập tam, mắt tuy thấy được vườn Tạp sắc xa nhưng thân không vào được, cũng không được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục kết hợp. Vì sao? Vì thiện căn họ có ưu, có liệt.

Lại có hạng trời Tam thập tam, mắt đã được thấy vườn Tạp sắc xa, thân cũng được vào. Đã được vào rồi, được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của các thú vui năm dục. Vì sao? Vì thiện căn họ tăng trưởng tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, tất cả trời Tam thập tam đều được thấy vườn Tạp loạn, cũng đều được vào; đã được vào rồi đều được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp trong khu vườn ấy. Vì sao? Vì nơi ấy không có sự phân biệt khác nhau về thiện căn tu hành.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam chẳng được thấy vườn Hoan hỷ, cũng chẳng được vào, cũng chẳng được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp trong khu vườn ấy. Vì sao? Vì nơi ấy, quả báo cho sự tạo nghiệp đời trước của họ có sự sai khác.

Lại có hạng trời Tam thập tam được thấy vườn Hoan hỷ, nhưng chẳng được vào, cũng chẳng được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp. Vì sao? Vì đối với nơi ấy, nghiệp của họ khác nhau.

Lại có hạng trời Tam thập tam được thấy vườn Hoan hỷ, thân họ cũng vào được; đã vào rồi, được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp. Vì sao? Vì đối với nơi ấy, khi họ huân tu và tạo các thiện nghiệp, không có sai biệt.

Chư Tỳ-kheo, Thiên pháp đường, hội trường của Tam thập tam thiên, có hai con đường; nơi cung điện của vua trời Đế-thích có hai con đường; nơi cung điện của các Tiểu thiên vương và quyến thuộc

Tam thập tam thiên cũng có hai con đường; nơi cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng có hai con đường; vườn Ba-lâu-saca cũng có hai con đường; vườn Tạp sắc xa, vườn Tạp loạn và vườn Hoan hỷ, ao... mỗi nơi đều có hai con đường; đại thọ Ba-lợi-dạ-đala-câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích khi muốn đến vườn Ba-lâu-saca và các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ... để tắm rửa vui chơi giải trí, bấy giờ vua nghĩ đến Đại long tượng vương Y-la-bà-na. Đại long tượng vương cũng nghĩ thế này: “Vua trời Đế-thích đã nghĩ đến ta”. Biết như thế rồi, vị ấy liền ra khỏi cung, tự biến hóa thành ba mươi ba cái đầu, trên mỗi đầu hóa ra sáu ngà; trên mỗi ngà hóa ra bảy cái ao; trong mỗi cái ao có bảy đóa hoa; trên mỗi đóa hoa đều có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có bảy nữ nhân hầu cận. Bấy giờ Đại long tượng vương hiện làm các loại thần biến như thế rồi liền đi đến chỗ vua trời Đế-thích. Đến nơi, vị ấy dừng lại trước Đế-thích.

Bấy giờ vua trời Đế-thích nghĩ đến các Tiểu thiên vương cõi Tam thập tam thiên và ba mươi hai chung chư Thiên... Khi ấy các tiểu vương và chư Thiên cũng nghĩ thế này: “Vua trời Đế-thích đang nghĩ đến chúng ta. Biết như vậy rồi, họ dùng các thứ Anh lạc tuyệt đẹp trang điểm thân thể, rồi đều cưỡi trên các thứ xe đi đến bên trời Đế-thích. Đến nơi rồi, họ đều dừng lại phía trước. Khi ấy trời Đế-thích thấy rồi, liền tự trang điểm thân thể, mang các loại Anh lạc, rồi cùng với chúng chư Thiên hai bên sau trước vây quanh cưỡi lên Long tượng vương Y-la-bà-na. Vua trời Đế-thích ngồi trên đầu ở chính giữa, hai bên tả hữu có mươi sáu Tiểu thiên vương đều cưỡi trên đầu biến hóa của Long tượng vương Y-la-bà-na. Tất cả ngồi yên rồi, khi ấy trời Đế-thích dẫn Thiên chúng đến các khu vườn Ba-lâu-saca, Tạp sắc xa, Tạp loạn và Hoan hỷ... đến rồi, dừng lại trong bốn khu vườn Hoan hỷ... đều có ba thứ gió giữ gìn, đó là khai, tịnh, xuy: khai mở cửa, tịnh làm sạch đất, và xuy thoổi hoa, *nói lược như trên...*

Chư Tỳ-kheo, trong các vườn ấy, gió thoổi hoa rơi khắp mặt đất, ngập tới đầu gối; mùi thơm của hoa lan tỏa khắp mọi nơi. Khi ấy, Đế-thích cùng với Tiểu thiên vương Tam thập tam thiên, quyến thuộc vây quanh, đi vào các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ... vui chơi hưởng lạc, tùy ý du hành, hoặc nằm, hoặc ngồi. Khi ấy vua trời Đế-thích muốn

được Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma. Thiên tử ấy liền biến hóa ra các Anh lạc báu dâng lên Thiên vương. Nếu chư Thiên Tam thập tam thiên và quyến thuộc..., ai cần Anh lạc, Tỳ-thủ-yết-ma đều biến hóa ra mà cung cấp. Ai muốn nghe âm thanh, kỹ nhạc thì có các loài chim phát ra đủ loại âm thanh, rất hòa nhã, khiến chư Thiên thích nghe. Bấy giờ chư Thiên hưởng lạc như thế một ngày cho đến bảy ngày, một tháng cho đến ba tháng; đủ các loại giải trí, tắm rửa vui đùa, đi đứng ngồi nằm, tự do thoả mái.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Đế-thích có mười vị Thiên tử luôn luôn hộ vệ: Một là Nhân-đà-la-ca, hai là Cù-ba-ca, ba là Tân-đầu-ca, bốn là Tân-đầu-bà-ca, năm là A-câu-trá-ca, sáu là Tra-đô-đa-ca, bảy là Thời-bà-ca, tám là Hồ-lô-kỳ-na, chín là Nan-trà-ca, mười là Hồ-lô-bà-ca. Chư Tỳ-kheo, trời Đế-thích luôn luôn được mười vị Thiên tử ấy theo hai bên tả hữu để hộ vệ, chưa từng rời xa.

Chư Tỳ-kheo, đất Diêm-phù-đê, vì mọi người, có loài hoa sanh trong nước cực kỳ tinh diệu, rất khả ái. Đó là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Mùi hương của các hoa ấy lan tỏa êm dịu. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-trá-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đê-ca, Tao-kiền-đê-ca, Du-đê-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Cù-đa-ni có các loài hoa sanh trong nước cực kỳ xinh đẹp, là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-trá-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đê-ca, Tao-kiền-đê-ca, Du-đê-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca,...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Phất-bà-đê có các loài hoa sanh trong nước vô cùng đẹp đẽ, đó là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, màu rất tươi thắm, mùi hương lan tỏa. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-trá-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đê-ca, Tao-kiền-đê-ca, Du-đê-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen

vàng, hoa sen trắng, mùi thơm êm dịu. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đè-ca, Tao-kiền-đè-ca, Du-đè-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca...

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng và Kim sí điểu cũng đều có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm lan tỏa, êm dịu tuyệt vời. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đè-ca, Tao-kiền-đè-ca, Du-đè-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca...

Chư Tỳ-kheo, loài A-tu-la cũng đều có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi hương lan khắp, rất dễ ưa thích. Trên đất sanh các loại hoa cực kỳ xinh đẹp, là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đè-ca, Tao-kiền-đè-ca, Du-đè-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sư-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-dàm, Ma-ha tần-lân-dàm, Mạn-đà-la-phạm, Ma-ha mạn-đà-la-phạm...

Chư Tỳ-kheo, Tứ thiên vương và chư Thiên có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp, vi diệu, khả ái sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi hương rất thơm, tính chất êm dịu. Trên đất sanh các loại hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đè-ca, Tao-kiền-đè-ca, Du-đè-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-dàm, Ma-ha tần-lân-dàm...

Chư Tỳ-kheo, Tam thập tam thiên có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp, vi diệu, khả ái sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi rất thơm, tính chất êm dịu. Trên đất sanh các loại hoa, vi diệu khả ái là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đè-ca, Tao-kiền-đè-ca, Du-đè-ca, Thủ-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-ni-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-dàm, Ma-ha tần-lân-dàm, Mạn-đà-la-phạm, Ma-ha mạn-đà-la-phạm...

Giống như các loại hoa mà trời Tam thập tam đā có, trời Dā-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Ma thân, theo thứ lớp, cũng có hoa như thế không khác. Nên biết tất cả.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có bảy màu. Những gì là bảy? Chư Tỳ-kheo, đó là màu lửa hình lửa, màu vàng hình vàng, màu xanh hình xanh, màu đỏ hình đỏ, màu trắng hình trắng, màu vàng hình vàng, màu đen hình đen. Giống như thường sắc của Ma, Phạm.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có bảy loại màu ấy, các A-tu-la cũng như thế, có bảy màu đó. Chúng chư Thiên cũng có bảy màu ấy, giống như thường sắc của Ma, Phạm.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên có mười pháp riêng biệt. Những gì là mươi? Chư Tỳ-kheo, một là chư Thiên đến đi, tới lui, không giới hạn; hai là chư Thiên đi, tới lui không chướng ngại; ba là chư Thiên đi, không có mau, chậm; bốn là chư Thiên đi, không có dấu chân; năm là thân chư Thiên không bệnh hoạn, mệt mỏi; sáu là thân chư Thiên có hình không bóng; bảy là chư Thiên không đại tiểu tiện; tám là chư Thiên không khạc nhổ; chín là thân chư Thiên thanh tịnh vi diệu, không có mỡ, tủy, da, thịt, và máu, gan, xương, mạch...; mươi là thân chư Thiên muốn hiện cao, thấp, xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn, nhỏ, thô, tế đều được như ý và đều đẹp đẽ tuyệt vời, dễ mến, khiến người ưa thích.

Thân của chư Thiên có mươi điều chẳng thể nghĩ bàn như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại thân chư Thiên có thật không hư, thấy đều đầy đặn; răng trắng mà khít, tóc xanh bằng thăng, mềm mại bóng mượt, thân tự nhiên sáng, có sức thần thông, bay đi trên không, mắt nhìn không nháy, anh lạc tự nhiên, y phục không bẩn.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Diêm-phù-đè thọ một trăm tuổi, trong đó có người chết yếu. Người ở châu Cù-đà-ni thọ hai trăm tuổi, trong đó cũng có người chết yếu. Người ở châu Phất-bà-đè thọ ba trăm tuổi, trong đó cũng có người chết yếu. Người ở châu Uất-đa-cứu-lưu thọ một ngàn tuổi, không có người chết yếu. Các chúng sanh cõi Diêm-ma-la thọ bảy vạn hai ngàn tuổi, trong đó cũng có loại chết yếu. Các Rồng và Kim sí điểu thọ một kiếp, trong đó cũng có con chết yếu. A-tu-la thọ một ngàn tuổi bằng trời, trong đó cũng có loại chết yếu. Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi, trong đó cũng có chết yếu. Tam thập tam thiên thọ một ngàn tuổi. Chư Thiên Dạ-ma thọ hai

ngàn tuổi. Trời Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn tuổi. Chư Thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Trời Tha hóa tự tại thọ mười sáu ngàn tuổi. Trời Ma thân thọ ba vạn hai ngàn tuổi. Trời Phạm thân thọ một kiếp. Trời Quang ức niệm thọ hai kiếp. Chư Thiên Biến tịnh thọ bốn kiếp, chư Thiên Quảng quả thọ tám kiếp, chư Thiên Vô tướng thọ mười sáu kiếp. Chư Thiên Bất nhiệt thọ ngàn kiếp. Chư Thiên Vô phiền thọ hai ngàn kiếp. Chư Thiên Thiện kiến thọ ba ngàn kiếp. Chư Thiên Thiện hiện thọ bốn ngàn kiếp. Trời Sắc cứu cánh thọ năm ngàn kiếp. Trời Hư không xứ thọ mười ngàn kiếp. Trời Thức xứ thọ hai vạn một ngàn kiếp. Trời Vô sở hữu xứ thọ bốn vạn hai ngàn kiếp. Trời Phi tướng phi phi tướng xứ thọ tám vạn bốn ngàn kiếp. Trong các hàng chư Thiên đó, đều có hạng chết yếu.

Chư Tỳ-kheo, thân người Diêm-phù-đề cao ba khuỷu rưỡi tay, áo rộng khoảng bảy khuỷu tay, trên dưới ba khuỷu rưỡi tay. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề, kích cỡ thân và áo bằng với người Diêm-phù. Thân người Uất-đa-la-cứu-lưu cao bảy khuỷu tay, áo rộng khoảng mười bốn khuỷu tay, trên dưới bảy khuỷu tay. Thân A-tu-la cao một do-tuần, áo rộng khoảng hai do-tuần, trên dưới một do-tuần, nặng nửa lạng. Thân Tứ thiên vương cao nửa do-tuần, áo rộng một do-tuần, trên dưới nửa do-tuần, nặng một lạng. Thân Tam thập tam thiên cao một do-tuần, áo rộng khoảng hai do-tuần, trên dưới một do-tuần, nặng nửa lạng. Thân Dạ-ma thiên cao hai do-tuần, áo rộng khoảng bốn do-tuần, trên dưới hai do-tuần, nặng một phần tư lạng. Thân Đâu-suất-đà thiên cao bốn do-tuần, áo rộng khoảng tám do-tuần, trên dưới bốn do-tuần, nặng một phần tám lạng. Thân Hóa lạc thiên cao tám do-tuần, áo rộng mười sáu do-tuần, trên dưới tám do-tuần, nặng một phần mười sáu lạng. Thân Tha hóa tự tại thiên cao mười sáu do-tuần, áo rộng ba mươi hai do-tuần, trên dưới mười sáu do-tuần, nặng một phần ba mươi hai lạng. Thân chư Thiên Ma thân cao ba mươi hai do-tuần, áo rộng sáu mươi tư do-tuần, trên dưới ba mươi hai do-tuần, nặng một phần sáu mươi tư lạng. Từ đây trở lên, thân chư Thiên, kích cỡ cao thấp và y phục bằng nhau không khác.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề có chợ búa buôn bán, hoặc dùng tiền của, hoặc dùng ngũ cốc, lúa là, hoặc dùng súc vật. Người Cù-đà-ni muốn mua bán, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng ngọc báu Ma-

ni. Người Phất-bà-đề, nếu họp chợ đổi chác, thì hoặc dùng cửa cải, tơ lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc ngọc báu Ma-ni. Người Uất-đa-la-cứu-lưu không có các chợ búa mua bán, theo nhu cầu tự nhiên có.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề, người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề đều có phép cưới gả giữa nam và nữ. Người Uất-đa-la-cứu-lưu không có ngã và ngã sở, nếu cành cây rũ xuống, nam nữ bèn giao hợp, không có việc hôn phối.

Chư Tỳ-kheo, Rồng, Kim sí điểu và A-tu-la, việc giá thú đều giống nhân gian. Trời Tứ thiêng vương, trời Tam thập tam, chư Thiên Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, chư Thiên Hóa lạc, chư Thiên Tha hóa tự tại, trời Phạm thân... đều có giá thú... *lược nói như trên*. Từ đây trở lên, về hôn thú giữa nam và nữ không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề khi hành dục, hai căn giao nhau, lưu xuất bất tịnh. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề và người Uất-đa-la-cứu-lưu, đều như người Diêm-phù-đề. Tất cả loài Rồng, Kim sí điểu... khi hành dục, hai căn cũng giao nhau nhưng chỉ phát ra hơi gió, liền được thỏa mãn, không xuất bất tịnh. Các A-tu-la, trời Tứ thiêng vương, trời Tam thập tam khi hành dâm, hai căn giao nhau, thỏa mãn phát ra hơi như các Long vương và Kim sí điểu vương, cùng loại không khác. Chư Thiên Dạ-ma cầm tay nhau thành dục. Trời Đâu-suất-đà nghĩ đến thành dục. Chư Thiên Hóa lạc nhìn kỹ thành dục. Trời Tha hóa tự tại nói chuyện với nhau thành dục. Chư Thiên Ma thân nhìn nhau thành dục. Tất cả đều thấy thỏa mãn là thành dục.

Chư Tỳ-kheo, ở nhân gian, ánh sáng đom đóm thì không bằng ánh sáng của đèn; ánh sáng của đèn lại không bằng ánh sáng của đuốc; ánh sáng của đuốc lại không bằng ánh sáng của đống lửa; ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng tinh tú; ánh sáng tinh tú lại không bằng ánh sáng mặt trăng; ánh sáng mặt trăng lại không bằng ánh sáng mặt trời; ánh sáng mặt trời chói lọi lại không bằng ánh sáng Anh lạc trên tường vách cung điện của trời Tứ thiêng vương; ánh sáng của trời Tứ thiêng vương lại không bằng ánh sáng của trời Tam thập tam; ánh sáng của trời Tam thập tam lại không bằng ánh sáng Anh lạc nơi tường vách cung điện của chư Thiên Dạ-ma; ánh sáng của chư Thiên Dạ-ma không bằng ánh sáng của trời Đâu-suất-đà; ánh sáng của trời Đâu-suất-đà lại không bằng ánh sáng trời Hóa lạc; ánh sáng của

trời Hóa lạc lại không bằng ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại; ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại lại không bằng ánh sáng trời Ma thân; ánh sáng Anh lạc nơi tường vách cung điện của trời Ma thân so với các cõi dưới, rất thắng diệu, thù đặc không gì vượt qua được.

Chư Tỳ-kheo, ánh sáng trời Ma thân so với ánh sáng trời Phạm thân thì lại không bằng; ánh sáng trời Phạm thân so với trời Quang ức niêm thì không bằng; ánh sáng trời Quang ức niêm so với trời Biển tịnh thì không bằng; ánh sáng trời Biển tịnh so với ánh sáng trời Quảng quả thì không bằng; ánh sáng trời Quảng quả kia... *cũng như thế cho đến* trời Vô não nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, A-ca-ni-tri..., chỉ trừ Anh lạc, ngoài ra, như trước đã nói, nên biết như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu ánh sáng chung của thế giới chư Thiên, chư Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và người đời trong thế gian có được đem so với hào quang của Như Lai, A-la-hán, Chánh Biến Tri... thì dù có gấp trăm ngàn vạn ức hằng hà số cũng không thể sánh bằng. Hào quang của Như Lai là tối thắng, tối diệu, thù đặc đệ nhất. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, vì thân của Như Lai giới hạnh vô lượng; thiền định, trí tuệ, giải thoát tri kiến, thần thông và thần thông hạnh, giáo hóa và giáo hóa luân, thuyết xứ và thuyết xứ luận... đều vô lượng vô biên.

Chư Tỳ-kheo, Như Lai có vô lượng công đức như thế, tất cả các pháp đều đầy đủ. Vì vậy nên hào quang của Như Lai tối thắng, vô thượng. Nên biết rõ như thế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh có bốn thức ăn để nuôi các đại được tồn tại, thành tựu các Hữu, nghiệp thọ lẫn nhau. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô và vi tế, hai là thức ăn xúc chạm, ba là thức ăn suy nghĩ, bốn là thức ăn thức. Chúng sanh nào phải ăn thức ăn thô và vi tế? Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề ăn lúa đậu, cá thịt... đó gọi là thức ăn thô. Còn che đậm, xoa sờ, tắm rửa, lau chùi, xoa phấn sáp..., gọi đó là thức ăn vi tế. Người Cù-dà-ni, người Phất-bà-đề cũng dùng thức ăn thô và vi tế như người Diêm-phù-đề. Người Uất-đa-la-cứu-lưu, thân không cày cấy, tự nhiên có loại lúa thơm chín sẵn dùng làm thức ăn thô. Còn che đậm, tắm rửa, và xoa sờ... làm thức ăn vi tế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các Rồng và Kim sí điểu dùng các loài cá, ba ba, giải, cá sấu, tôm, mọt, nòng nọc, rồng con, rắn, rái, tỳ-la vàng... làm thức ăn thô, còn các sự che đậm... làm thức ăn vi tế. Các

A-tu-la dùng mùi vị cam lô tuyệt ngon cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đây... làm thức ăn vi tế. Trời Tứ thiên vương và chư Thiên đều dùng mùi vị cam lô cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đây... làm thức ăn vi tế. Trời Tam thập tam dùng mùi vị cam lô làm thức ăn thô, còn các sự che đây... làm thức ăn vi tế... cũng giống như trời Tam thập tam. trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, chư Thiên Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại... đều dùng vị cam lô cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đây... làm thức ăn vi tế. Từ đây trở lên, chúng chư Thiên đều dùng Thiền duyệt và Pháp hỷ làm thức ăn, tam-ma-đề làm thức ăn, Tam-ma-bạt-đề làm thức ăn, không có thức ăn thô và tế.

Chư Tỳ-kheo, còn loại chúng sanh nào dùng xúc chạm làm thức ăn? Chư Tỳ-kheo, là các chúng sanh thọ sanh từ trứng như ngỗng, chim ưng, chim hồng, chim hạc, gà, vịt, khổng tước, anh võ, cù dục, tu hú, bồ câu, yến, se sẻ, trĩ, quạ... Ngoài ra, còn các loại chúng sanh khác sanh từ trứng, vì chúng do trứng mà có thân nên tất cả đều dùng xúc chạm làm thức ăn.

Còn loại chúng sanh nào dùng tư duy làm thức ăn? Có loại chúng sanh dùng ý tư duy nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng như là cá, ba ba, rùa, rắn, tôm, mọt, và già-la, cù-đà... Ngoài ra, còn các loại chúng sanh nào khác dùng ý tư duy, nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng thì những chúng sanh ấy đều dùng tư duy làm thức ăn.

Còn loại chúng sanh nào dùng thức làm thức ăn? Đó là các chúng sanh địa ngục và chư Thiên Thức vô biên. Những chúng sanh này đều dùng thức làm thức ăn.

Chư Tỳ-kheo, bốn loại thức ăn này duy trì các đại, giữ gìn sự sống cho các chúng sanh.

Ở đây, có bài kệ:

*Hoa, sắc và các pháp
Thọ mạng, y là năm
Chợ, buôn và cưới gả
Hai căn, thực là mười.*

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong thế gian đều có ba thứ hạnh ác. Những gì là ba? Đó là thân ác, miệng ác và ý ác.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, và ý nghĩ việc ác. Đã tạo tác như thế rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ đọa vào đường ác, sanh trong địa ngục. Họ ở trong đó, sau cùng thức diệt, thức ở trong địa ngục mới tương tục sanh. Khi thức ấy cùng sanh liền có danh sắc; do duyên danh sắc liền sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy khi thân hoại mạng chung, đọa vào đường ác, sanh trong súc sanh. Họ ở trong đó cuối cùng thức diệt, thức trong súc sanh mới tương tục sanh. Khi thức ấy cùng sanh liền có danh sắc; do duyên danh sắc nên sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, đọa vào đường ác, sanh vào cõi Diêm-ma. Họ ở trong cõi ấy, cuối cùng thức diệt, thức ở cõi Diêm-ma mới tương tục sanh. Khi thức ấy mới sanh liền cùng với danh sắc cùng lúc phát sanh; do duyên với danh sắc nên lục nhập sanh.

Chư Tỳ-kheo, những thứ này gọi là ba hạnh ác, phải nêu xa lìa.

Chư Tỳ-kheo, ở thế gian có ba thứ hạnh lành. Những gì là ba? Đó là thân làm việc lành, miệng nói việc lành và ý nghĩ việc lành.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Tu tập như thế rồi, do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài người. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt, thức ở cõi người mới tương tục sanh. Ngay khi thức này mới khởi liền cùng với danh sắc sanh, cùng lúc đồng sanh; do duyên danh sắc, lục nhập liền sanh.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng chúng sanh, thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời. Ở nơi này thức diệt, thức cõi trời mới tương tục sanh. Khi thức ấy sanh, liền cùng với danh sắc cùng lúc đồng sanh; do có danh sắc liền sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, họ ở cõi trời, hoặc nơi Thiên tử, hoặc nơi Thiên nữ ngồi kiết già mà sanh ra, hoặc sanh từ trong hai đầu gối, hoặc giữa hai đùi vế. Khi mới sanh ra, giống như em bé mười hai tuổi ở nhân gian. Nếu là Thiên nam, thì ngay nơi tư thế ngồi của Thiên tử, sanh ra

từ bên đầu gối; nếu là Thiên nữ, thì liền sanh từ trong đùi về của ngọc nữ. Sanh như thế rồi, vị trời ấy liền gọi là con gái của ta. Nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, tu thiện thì sanh thiên, có pháp như thế. Nếu khi vừa sanh ra là Thiên tử hoặc Thiên nữ thì vì do nghiệp nhân đã huân tập nén sanh ba loại nhớ nghĩ: Một là tự biết chết ở nơi nào; hai là tự biết nay sanh nơi nào; ba là tự biết việc thọ sanh này là do nghiệp quả gì, là phước báo gì mà ta ở nơi kia thân hoại mạng chung sanh đến chốn này. Lại nghĩ thế này: “Ta nhờ có ba loại nghiệp quả mà ba loại nghiệp quả ấy đã thành thực nên được sanh chốn này. Những gì là ba? Đó là thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Do quả báo của ba nghiệp này thành thực nên khi thân hoại mạng chung, sanh đến chốn này”. Lại nghĩ thế này: “Nay ta nguyện, ở nơi này sau khi chết, sẽ sanh vào nhân gian. Khi ta đã thọ sanh ở chốn ấy như thế rồi, lại tu hạnh lành về thân, khẩu, ý. Vì thân, khẩu, ý hành hạnh lành, nên khi thân hoại diệt rồi, sanh lại nơi đây”. Nghĩ như thế rồi, liền nghĩ đến thức ăn; khi nghĩ đến thức ăn, liền có các đồ đựng báu hiện ngay ở trước, tự nhiên đầy ắp vị cam lộ trời, đủ các chủng loại hiện ra. Trong các Thiên tử, vị nào có quả báo thù thắng thì màu sắc của vị cam lộ kia rất trắng, vị Thiên tử nào có quả báo bậc trung thì màu sắc của vị cam lộ kia đỏ, còn vị Thiên tử nào có phước đức bậc hạ thì màu sắc của vị cam lộ kia hiện đen. Khi ấy, Thiên tử liền dùng tay bốc vị cam lộ trời bỏ vào miệng. Vị cam lộ kia đã vào miệng rồi, dần dần tự tan biến. Giống như váng sữa hoặc sữa đen đặt trên lửa liền tự tan ra, không còn nguyên dạng. Cũng như thế, vị cam lộ trời, bỏ vào miệng, tự nhiên tiêu hóa. Ăn vị cam lộ rồi, nếu khát, liền có đồ đựng báu cõi trời đựng đầy Thiên tử hiện ra trước mặt tùy theo phước đức thượng, trung, hạ mà có màu trắng, đỏ hoặc đen *như trên đã nói...* bỏ vào miệng cũng tiêu hóa như thế. Khi vị Thiên tử kia ăn uống xong, thân thể cao thấp, lớn nhỏ, giống như các Thiên tử, Thiên nữ sanh trước.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên tử, các Thiên nữ khi thân thể đã sung mãn rồi, tùy ý mình đi đến bên ao; đến bên ao rồi, vào trong ao, tắm rửa sạch sẽ, vui vẻ hưởng lạc. Khi lên khỏi ao, họ đến bên cây Hương; khi ấy, cành cây tự nhiên cong xuống, từ trong cành cây tuôn ra các loại diệu hương, chảy vào trong tay, liền dùng thoa thân. Họ

lại đến cây y phục, đến nơi, cành cây cũng cong xuống như trước, từ trong cây tuôn ra các loại y phục đẹp đẽ; khi đến tay rồi, liền lấy mặc vào. Họ mặc y phục rồi đi đến cây Anh lạc, cành cây tự cong xuống như trước, tuôn (Anh lạc) vào tay, hoặc buộc hoặc mang để trang điểm thân thể. Kế đến cây Tràng hoa, cành cây cong xuống như trên, tuôn ra các loại tràng hoa đẹp đẽ, họ cầm lấy trang điểm trên đầu rồi liền hướng đến cây Đồ dùng, từ cây tuôn ra các loại đồ đựng bằng các loại báu, tùy ý cầm lấy, đi đến rừng quả, đầy các loại quả, hoặc nuốt ăn, hoặc lấy nước uống. Rồi tiếp đi đến bên cây Âm nhạc, cây cũng cong xuống, tự nhiên tuôn ra các loại nhạc khí, tùy ý mà lấy, hoặc đờn hoặc đánh, hoặc ca hoặc vũ, âm thanh vi diệu. Sau đó họ đi vào trong vườn cây; vào trong vườn rồi, liền thấy nơi ấy có vô lượng vô biên số trăm, số ngàn, số vô lượng trăm, ngàn vạn ức chư Thiên ngọc nữ. Khi chưa thấy ngọc nữ thì có tri kiến về nghiệp báo đời trước là mình từ nơi nào sinh tới đây, như thân này của ta nay thọ báo này là do nghiệp quả đã thành thực. Khi ấy phân biệt rõ ràng, nhớ nghĩ việc đời trước, giống như thấy ngón tay trên bàn tay. Khi thấy Thiên nữ vì mê đắm sắc đẹp, nên tâm trí tỉnh thức chánh niệm liền diệt, mất đi sự nhớ nghĩ đời trước mê dục hiện tại, miệng chỉ thốt lên: “Ôi! Ngọc nữ cõi trời. Ôi! Ngọc nữ cõi trời!” Như thế gọi là sự ràng buộc của ái dục.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là ba hạnh lành.

Chư Tỳ-kheo, trong một tháng có sáu ngày chay tịnh. Nửa tháng đầu có mười lăm ngày, nửa tháng sau cũng có mười lăm ngày. Như vậy, hai nửa tháng, mỗi nửa tháng có ba ngày chay tịnh. Ba ngày chay tịnh của nửa tháng đầu là ngày nào? Đó là ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mươi lăm trong tháng. Nửa tháng sau cũng có ba ngày chay tịnh như nửa tháng đầu. Vì sao trong mỗi nửa tháng đều có ba ngày thọ trì trai giới? Chư Tỳ-kheo, hai lần nửa tháng đều có tám ngày, vào những ngày ấy, Tứ đại thiên vương tập họp quyến thuộc và bảo hộ rằng, các người hãy đi xem khắp bốn phương xem có ai trong thế gian ăn ở hiếu thuận, cung dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Tôn trọng các bậc Tôn trưởng chăng? Tu hành bố thí, thọ trì cấm giới chăng? Giữ bát quan trai và sáu ngày chay chăng?

Khi ấy Tứ thiêng vương ra lệnh cho sứ giả như thế. Sứ giả liền y lệnh Thiên vương, phụng mạng ra đi, liền xuống xem xét khắp tất cả nhân gian, ai là người trong gia đình hiếu dưỡng cha mẹ, tên họ là gì? Ai thực hiện sáu ngày chay? Ai trì tám cấm giới? Ai giữ giới đức? Bấy giờ sứ giả quán sát khắp nhân gian thấy trong loài người, người hiếu thuận cung phụng cha mẹ thì ít, kẻ tôn trọng phụng sự Sa-môn cũng ít, cung kính Bà-la-môn kỳ cựu, kính trọng các người lớn cũng ít; bố thí thì nhỏ giọt, ăn chay thì lơ thơ, hộ giới thì không trọn vẹn, sự giữ gìn phần nhiều khiếm khuyết. Khi ấy Thiên sứ thấy như thế rồi, liền đến chỗ Tứ đại thiêng vương tâu rằng: “Thiêng vương tường tri! Tất cả mọi người ở thế gian không có nhiều người hiếu dưỡng phụng sự cha mẹ, không có nhiều người cung kính Sa-môn, Bà-la-môn; không có nhiều người kính trọng bậc Tôn trưởng kỳ cựu đạo đức, không có nhiều người tu hành bố thí, trì giới, lục trai, cũng không có nhiều người phụng trì cấm giới, giữ bát quan trai”.

Bấy giờ Tứ đại thiêng vương nghe các sứ giả tâu trình như thế rồi, trong lòng buồn bã không vui, bảo với sứ giả rằng: “Ở thế gian nếu quả thật có bọn người như thế thì quả là điều chẳng lành. Vì sao? Vì tuổi thọ của con người rất ngắn ngủi, chỉ sống một thời gian ngắn đáng lẽ phải tu các điều lành để đến đời sau có thể được an lạc, nhưng tại sao nay người thế gian kia, không có nhiều người hiếu dưỡng cha mẹ... *cho đến* không tu trì sáu ngày chay và tám cấm giới để giữ gìn thân khẩu. Điều này là sự tổn giảm lớn các Thiên chúng của ta; lần lượt tăng thêm dòng giống A-tu-la”.

Chư Tỳ-kheo, còn nếu thế gian nhiều người cung kính hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Kỳ túc; tu hành bố thí, ưa thọ trì sáu ngày chay, siêng năng bồi đắp phước nghiệp, thường giữ tám cấm giới, tương tục như thế, thì khi ấy Thiên sứ tuần tra xem thấy rồi, tâu lên Tứ thiêng vương rằng: “Đại vương tường tri! Người thế gian kia, có nhiều người hiếu thuận với cha mẹ, có nhiều người cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Tôn trưởng, ưa hành bố thí, siêng tu trai giới, phước nghiệp.”

Bấy giờ Tứ đại thiêng vương lời tâu trình này của các Thiên sứ xong, tâm rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, nói như thế này: “Rất tốt! Rất tốt! Người thế gian có thể tu hành như thế là điều lành

rất lớn. Vì sao? Vì thọ mạng của bọn người ấy ngắn ngủi, chẳng bao lâu sẽ chuyển đến thế giới khác. Nay đây, ngay tại chốn nhân gian ấy, họ luôn hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Kỳ cựu..., phần nhiều ưa bố thí, giữ gìn trai giới. Như thế thì sẽ làm tăng trưởng vô lượng quyền thuộc cho chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-la”.

Chư Tỳ-kheo, vì sao vào ngày mười bốn của hai lần nửa tháng là ngày chay tịnh?

Chư Tỳ-kheo, vào ngày mười bốn của hai lần nửa tháng ấy, Tứ đại thiên vương, cũng như trước, triệu bốn Thái tử sai xuống nhân gian xem xét việc thiện ác; ít hay nhiều, rồi hoan hỷ hay buồn rầu... đều giống như Thiên sứ đã nói ở trên, chỉ có khác là Thái tử đích thân xuống.

Chư Tỳ-kheo, vào kỳ chay tịnh ngày mười lăm của hai lần nửa tháng, Tứ đại thiên vương đích thân xuống thế gian quan sát việc thiện ác, biết nhiều hay ít rồi, liền đi đến Thiện pháp đường, hội trường của chư Thiên. Đến trước pháp đường rồi, chư vị mặt hướng về Đế-thích tâu trình các việc thiện ác, nhiều ít, thuận nghịch của nhân gian. Bấy giờ Đế-thích nghe ở nhân gian, người tu phước ít thì buồn rầu bức tức chẳng vui. Vì sao như vậy? Vì Thiên chúng tổn giảm, A-tu-la thêm nhiều. Còn nếu nghe nhân gian, người làm như pháp nhiều thì vô cùng hoan hỷ, phấn khởi, nói thế này: “Nay Thiên chúng của ta sẽ tăng lên dần”.

Vì lẽ ấy, sáu ngày của hai lần nửa tháng, chư Thiên xuống xem xét việc thiện ác của nhân gian nên gọi là ngày chay tịnh.



KHỎI THẾ NHÂN BỐN

QUYỀN VIII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3

Chư Tỳ-kheo, hoặc sē có lúc các ngoại đạo hay Ba-lợi-bà-la-xà-ca, đến chô các ông hỏi các ông: “Các Trưởng lão, do nhân duyên gì có một hạng người bị phi nhân khủng bố, có một hạng người không bị phi nhân khủng bố?” Nếu các ngoại đạo hỏi như thế, thì các ông nên trả lời thế này: “Các trưởng lão, việc này có nhân duyên. Vì sao? Trong thế gian có một hạng người làm việc phi pháp, có tà kiến, có dien đảo kiến. Họ đã làm mười điều bất thiện, nói điều bất thiện, nghĩ điều bất thiện, tà kiến dien đảo. Vì làm mười điều bất thiện này nên thần bảo hộ đời sống dần dần bỏ đi. Các vị thần như thế, hoặc trăm, hoặc ngàn, chỉ ở lại một vị để bảo vệ. Thí như bầy trâu, hoặc bầy dê cả trăm con, ngàn con mà chỉ có một người chăn. Ở đây cũng thế, vì thần bảo vệ ít nên thường bị phi nhân khủng bố. Lại có một hạng người, nói đúng như pháp, không hành tà kiến, dien đảo kiến. Họ đã hành mười việc thiện như thế, có chánh kiến, chánh ngữ, tu tập thiện nghiệp, thì những người ấy có vô lượng trăm ngàn thần đến hộ vệ. Vì nhân duyên đó, những người ấy không bị phi nhân khủng bố. Giống như vua hoặc đại thần của vua, người nào cũng có trăm hoặc ngàn người bảo vệ”.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có họ tên như thế nào thì ở cõi phi nhân cũng có các họ tên như thế.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các nơi chốn như núi rừng, sông hồ, quốc ấp, thành quách, thôn xóm, làng mạc thì trong cõi phi nhân cũng

có tên nhà cửa... như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chỗ của vua ngồi, tất cả ngã đường, ngã tư đường, nơi bờ ruộng quanh co, hoặc chỗ làm thịt, hoặc các hang trống, chắc chắn rằng đều có các thần và các phi nhân nương ở. Lại nữa, trong chỗ bỏ tử thi và con đường đi của các ác thú đều có phi nhân. Trên tất cả cây cao một tầm, to một thước đều có chư thần cư ngụ, coi như nhà ở.

Chư Tỳ-kheo, tất cả người thế gian, hoặc nam hay nữ, từ khi sanh ra đều có chư thần thường thường đi theo, chẳng hề rời xa, chỉ trừ khi làm việc ác và lúc mạng chung mới bỏ đi... *nói lược như trên...*

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề có năm việc hơn người Cù-đà-ni. Những gì là năm? Một là mạnh khỏe, hai là chánh niệm, ba là chỗ Phật xuất thế, bốn là nơi tu nghiệp, năm là chỗ hành phạm hạnh. Cù-đà-ni có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là nhiều trâu bò, hai là nhiều dê, ba là nhiều Ma-ni báu. Diêm-phù-đề có năm việc hơn Phất-bà-đề... *như trước đã nói*. Phất-bà-đề có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là châu ấy rất to lớn, hai là châu ấy gồm nhiều bãi sông, ba là châu ấy rất đẹp. Diêm-phù-đề có năm việc hơn Uất-đa-la-cứu-lưu... *giống như trên*. Uất-đa-la-cứu-lưu có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là người cõi ấy không có ngã và ngã sở, hai là thọ mạng vô cùng dài lâu, ba là người cõi ấy có hạnh thù thắng. Diêm-phù-đề có năm việc hơn các chúng sanh cõi Diêm-ma... *như trước đã nói*. Cõi Diêm-ma có ba việc hơn người Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là có y phục, thức ăn tự nhiên nuôi mạng. Người Diêm-phù-đề có năm việc hơn các Rồng và Kim sí điểu, *như trước đã nói*. Rồng và Kim sí điểu có ba việc hơn người Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là cung điện rộng rãi. Người Diêm-phù-đề có năm việc hơn A-tu-la *như trên đã nói*. A-tu-la có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là sống lâu, hai là sắc đẹp, ba là hưởng lạc nhiều. Ba việc như thế rất là thù thắng.

Chư Tỳ-kheo, trời Tứ thiên vương có ba việc thù thắng. Một là cung điện cao, hai là cung điện đẹp, ba là cung điện vô cùng sáng chóp. Trời Tam thập tam cũng có ba việc thù thắng. Những gì là ba? Một là sống lâu, hai là sắc đẹp, ba là nhiều lạc thú. Cũng như trời

Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân..., nên biết, đều có ba việc thù thắng như trời Đao-lợi hơn người Diêm-phù-đề. Diêm-phù-đề có năm việc hơn chư Thiên, *như trên đã nói*.

Các ngươi nên biết và trả lời như thế.

Chư Tỳ-kheo, trong ba cõi này có ba mươi tám loài chúng sanh. Ba mươi tám loài ấy là gì?

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Dục có mươi hai loài, trong cõi Sắc có hai mươi hai loài, trong cõi Vô sắc có bốn loài.

Chư Tỳ-kheo, mươi hai loài trong cõi Dục là gì? Đó là Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỉ, Người, A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa Tự tại, trời Ma thân. Đó là mươi hai loài.

Hai mươi hai loài trong cõi Sắc là gì? Đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiếu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô nāo, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-ni-trá. Đó là hai mươi hai loài thuộc cõi Sắc.

Còn bốn loài trong cõi Vô sắc là trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi tưởng phi tưởng. Bốn loài này thuộc cõi Vô sắc.

Chư Tỳ-kheo, trong thế gian có bốn loại mây. Đó là mây trắng, mây đen, mây đỏ, mây vàng.

Chư Tỳ-kheo, trong bốn loại mây này, mây sắc trắng thì có nhiều địa giới, mây sắc đen thì có nhiều thủy giới, mây sắc đỏ thì có nhiều hỏa giới, mây sắc vàng thì có nhiều phong giới. Các ông nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có bốn loại đại thiêng. Những gì là bốn? Đó là đại thiêng Địa đa, đại thiêng Thủy đa, đại thiêng Hỏa đa, đại thiêng Phong đa.

Chư Tỳ-kheo, đã từng có một thời, đại thần Địa đa khởi lên ác kiến, tâm tự nghĩ: “Ở trong địa giới, không có thủy, hỏa và phong giới.”

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ Ta đi đến bên đại thần Địa đa kia, bảo:

“Ngươi quả thật có ác kiến rằng trong địa giới không có ba đại giới thủy, hỏa, phong phải chăng?” Vị thần kia trả lời với Ta: “Đúng vậy! Bạch Thế Tôn”. Ta lại bảo: “Ngươi chớ khởi ác kiến như thế. Vì sao? Vì trong địa giới kia, thật có thủy, hỏa, phong giới, nhưng ở trong đó, địa giới nhiều hơn, vì vậy được gọi là địa giới”.

Chư Tỳ-kheo, Ta có thể biết đại thần Địa đa kia khởi ý nghĩ như thế nên dứt trừ ác kiến ấy, khiến vị thần ấy hoan hỷ, ngay trong các cầu, đắc pháp nhẫn thanh tịnh, chứng quả ngộ đạo, không còn kiết hoặc, vượt qua nghi ngờ, không còn phiền não, không theo pháp khác, tùy thuận pháp hành; rồi thưa với Ta rằng: “Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, Pháp, Thánh tăng. Bạch Đại Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con sẽ phụng trì giới Ưu-bà-di cho đến mạng chung, không sát sanh, không trộm cắp và không làm điều phi pháp... cúi xin Phật Pháp Tăng hộ trì cho con được thanh tịnh”.

Chư Tỳ-kheo, lại có một thời, thiên thần Thủy đại cũng nghĩ như thế, rồi sanh ác kiến: “Trong thủy giới, không có địa giới và hỏa, phong giới”. Ta biết được ý nghĩ ấy, đi đến bên vị thủy thần kia hỏi: “Ngươi thật có nghĩ như vậy chăng?” Đáp: “Thật có nghĩ như vậy”. Ta lại bảo: “Ngươi chớ khởi lên ác kiến như thế. Trong thủy giới kia, có cả địa, hỏa và phong giới...” cho đến thần hỏa, thần phong cũng vậy, đều có ác kiến này. Phật đã biết rồi, đều đến hỏi họ. Tất cả đều trả lời Phật: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy”. Phật khai mở ý tâm họ, tất cả đều được hiểu rõ, quy y Tam bảo; tùy thuận làm theo; giống như thiên thần Địa đa hết nghi ngờ, đến bên Ta... nói lược như trên...

Đó gọi là thiên thần bốn đại.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có mây, từ đất bay lên trên hư không, hoặc có đám bay đến một câu-lô-xá thì dừng lại, hoặc hai, hoặc ba câu-lô-xá thì dừng lại, cho đến sáu, bảy câu-lô-xá thì dừng lại.

Chư Tỳ-kheo hoặc có đám mây bay lên hư không một do-tuần, hoặc hai, ba, bốn đến năm, sáu, bảy do-tuần thì dừng lại.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có đám mây bay lên hư không một trăm do-tuần, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám trăm do-tuần thì dừng và đứng yên. Hoặc có đám mây từ đất bay lên không cả ngàn do-tuần, hại, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến khi kiếp tận.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đi đến bên các thầy hỏi như thế này: “Này các Trưởng lão, có nhân duyên gì mà mây trong hư không có tiếng động?”, thì này các Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời thế này: “Có ba nhân duyên cùng xúc chạm nhau nên trong đám mây trên không có tiếng phát ra. Những gì là ba? Các Trưởng lão, hoặc có lúc phong giới trong mây cùng địa giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng. Vì sao? Thí như hai cành cây cọ xát nhau phát lửa. Nay các Trưởng lão, cũng như vậy. Đây là nhân duyên thứ nhất phát ra tiếng. Lại nữa, nay Trưởng lão, hoặc lại có lúc phong giới trong mây cùng với thủy giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng, cũng như trên đã nói. Đây là nhân duyên thứ hai phát ra tiếng. Lại nữa, nay Trưởng lão, hoặc lại có lúc phong giới trong mây cùng với hỏa giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng, *nói lược cho đến* thí như hai cây cọ xát nhau phát lửa. Đây là nhân duyên thứ ba phát ra tiếng”. Chư Tỳ-kheo, nên trả lời như thế, và cũng nên phân biệt rõ ràng rõ để biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có khi ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đến bên các thầy hỏi thế này: “Này các Trưởng lão, do nhân duyên gì mà trong mây, trên hư không bỗng nhiên phát sanh ánh chớp?”, thì này chư Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời thế này: “Này các Trưởng lão, có hai nhân duyên trong mây từ trên hư không phát sanh ánh chớp. Những gì là hai? Một là luồng điện phương Đông tên là Vô hậu; phương Nam có luồng điện tên là Thuận lưu; phương Tây có luồng điện tên là Đọa quang minh; phương Bắc có luồng điện tên là Bách sanh thọ. Các Trưởng lão, lại có lúc, hoặc luồng điện Vô hậu ở phương Đông cùng luồng điện Đọa quang minh ở phương Tây, chạm nhau, dính nhau, cọ nhau, xát nhau, vì vậy nên từ trong đám mây trên hư không phát ra ánh sáng, gọi là ánh chớp. Đây là nhân duyên thứ nhất phát sanh ánh chớp. Lại nữa, các Trưởng lão, hoặc luồng điện thuận lưu ở phương Nam cùng với luồng điện Bách sanh thọ ở phương Bắc, chạm nhau, dính nhau, cọ nhau, xát nhau, vì vậy nên phát sanh ánh sáng. Giống như hai cây, gió thổi cọ nhau, tự nhiên phát lửa, rồi trở lại vị trí cũ. Đây là nhân duyên thứ hai phát sanh ánh chớp, từ trong đám mây có ánh sáng phát ra.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hư không, có năm nhân duyên có khả

nắng ngăn cản mưa, khiến cho thấy đoán thời tiết chẳng lường biết được, càng thêm mê hoặc, như đoán chắc là sẽ mưa nhưng trời không mưa. Những gì là năm?

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trên hư không mây ùn sấm động tạo ra tiếng ầm ầm vang rền, hoặc phát ra ánh chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến, tất cả như thế đều là hiện tượng của mưa. Các người đoán xem và các nhà thiên văn đều quyết chắc là lúc này nhất định sẽ mưa. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la từ trong cung đi ra, dùng hai tay hốt đám mây có mưa kia ném xuống biển.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa, mà các nhà đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho rằng chắc chắn trời mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trên hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ánh chớp, cũng có gió thổi không khí lạnh đến. Khi ấy nhà thiên văn và các người đoán thời tiết, thấy hiện tượng này cho rằng lúc ấy, trời chắc chắn sẽ mưa. Bấy giờ sức tăng trưởng của hỏa giới phát sanh. Ngay trong lúc đó mây có mưa bị đốt tiêu. Đây là nhân duyên thứ hai ngăn cản mưa mà các nhà thiên văn không thấy, không biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời nhất định mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trong hư không nổi mây, cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ra ánh chớp, lại cũng có gió thổi không khí lạnh đến. Khi ấy các nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng như thế đều cho là lúc ấy trời nhất định sẽ mưa. Nhưng vì sức tăng trưởng của phong giới phát sanh thổi mây kia trôi đến vùng sa mạc Ca-lăng-ca hoặc trôi đến vùng sa mạc Đà-n-trà-ca, hoặc trôi đến vùng sa mạc Ma-đăng-già, hoặc trôi đến vùng đồng trống, hoặc trôi đến vùng sa mạc Ma-liên-na. Đây là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa mà các nhà thiên văn không thấy không biết, tâm sanh mê hoặc vì cho rằng trời chắc chắn mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, lại có lúc trên hư không nổi mây, rồi trong mây ấy cũng phát ra tiếng ầm ầm vang rền, phát ra ánh chớp, thổi khí lạnh đến. Người đoán thời tiết cho là trời chắc chắn mưa. Nhưng các Thiên tử làm mưa có lúc chểnh mảng, do sự chểnh mảng ấy nên mây kia không mưa xuống đúng lúc; đã không đúng lúc nên mây tự tan. Đây

là nhân duyên thứ tư ngăn cản mưa. Do vậy mà các nhà thiên văn
tâm sanh mê hoặc, vì cho là chắc chắn mưa mà lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, lại có lúc trên không nổi mây, trời cũng phát ra
tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ra ánh chớp, gió lạnh thổi tới.
Những nhà thiên văn cho rằng chắc chắn sẽ mưa. Nhưng vì trong cõi
Diêm-phù-đê này, có nhiều người không hành như pháp, tham đắm
các dục, xan tham, tật đố, tà kiến trói buộc. Bởi họ vì làm ác, nên
tập theo điều phi pháp, vì mê đắm dục, tham lam, tật đố, cạnh tranh
nên trời không mưa.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ năm ngăn cản mưa mà
người xem thiên văn và người đoán thời tiết không thấy không biết,
tâm sanh mê hoặc, cho là trời chắc chắn mưa, nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, đó là năm nhân duyên ngăn cản trời mưa.

Trong ấy, có kệ rằng:

*Hoa, pháp, sắc, thọ mạng
Y phục và buôn bán
Cưới gả, Tam-ma-đê
Đủ bốn món ăn uống.
Thực hành hai kỳ chay
Tên ba cõi trên dưới
Sắc mây và chư Thiên
Câu-lô-xá, sấm vang.*

**
*

Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có hàng chư Thiên khi cùng với A-tu-la khởi sự đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo trời Tam thập tam: “Chư Nhân giả, chư Thiên các ông nếu khi đánh nhau với A-tu-la thì nên trang bị và giữ gìn tốt vũ khí. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại thì các ông phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiên pháp đường là hội trường của chư Thiên, để đó”. Trời Tam thập tam nghe Đế-thích ra lệnh, đều y lệnh phụng hành. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng bảo với các A-tu-la: “Nếu chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau mà chư Thiên thua, thì phải bắt sống vua trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến chỗ hội trường Thất đầu của A-tu-la, để đứng trước ta”. Khi ấy, các A-tu-la cũng nhận lệnh thi hành.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy, vì vua trời Đế-thích đánh thắng nên bắt sống A-tu-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến hội trường Thiên pháp đường của chư Thiên, để đứng trước Đế-thích. Ngay khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: “Cầu nguyện cho các A-tu-la đều được an lành. Ta nay chẳng dùng các A-tu-la nữa. Nay ta ở đây cùng ở một chỗ với chư Thiên Tam thập tam, đồng hưởng vui thú, rất là vừa ý”. Ngay khi vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khởi ý nghĩ này tức thì thấy thân mình, năm sợi dây đều mở. Các thú vui năm dục của chư Thiên đều hiện ra trước. Lại có lúc nghĩ như thế này: “Ta nay chẳng ở cùng trời Tam thập tam. Cầu cho chư Thiên đều được an lành. Ta sẽ trở về cung điện A-tu-la”. Khi khởi nghĩ như thế, thân thể của ông liền bị năm dây trói trở lại, thú vui năm dục bỗng nhiên tiêu mất.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có sự trói buộc vi tế như thế. Sự trói buộc của các ma lại càng vi tế hơn. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, khi tư duy tà vạy liền bị trói buộc, khi nhớ nghĩ chân chánh liền được giải thoát. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, tư duy có ngã là tư duy tà, tư duy vô ngã cũng là tư duy tà. Cho đến tư duy ngã thường còn, ngã không thường còn, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, và chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng... đều là tư duy tà.

Chư Tỳ-kheo, tư duy tà ấy là ung nhọt, là ghẻ lở, giống như tên

độc. Trong đó, nếu có bậc Thánh đa văn, người có trí tuệ thì biết đó là tư duy tà, như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như mũi tên. Nghĩ như thế rồi, buộc tâm vào việc nhớ nghĩ chân chánh, không theo tâm hành, khiến tâm không động, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, nếu nghĩ có ngã tức là nghĩ tà, tức là hữu vi, tức là hý luận; nếu nghĩ không có ngã, cũng là hý luận... *cho đến* có sắc không sắc, có tướng không tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng đều là hý luận.

Chư Tỳ-kheo, đã có hý luận, đều là bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, như tên độc. Trong đó, có bậc Thánh đa văn, người có trí tuệ biết hý luận này là tội lỗi rồi, ưa không hý luận, giữ tâm vắng lặng, tu hành nhiều hơn.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có các Thiên vương cùng A-tu-la khi muốn đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo với chư Thiên tam thập tam ở chung quanh như thế này: “Chư Nhân giả, các ông phải trang bị tốt cho tự thân bằng những vũ khí. Nay, các A-tu-la muốn đến đánh nhau. Nếu chư Thiên thắng thì nên bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng nǎm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi hội trường của chư Thiên, để gặp ta”. Trời Tam thập tam vâng nhận lệnh Đế-thích, theo đó mà làm. Còn A-tu-la cũng ra lệnh như thế.

Chư Tỳ-kheo, đến khi đánh nhau thì chư Thiên thắng, liền dùng nǎm sợi dây trói A-tu-la, dẫn đến trước Thiện pháp đường.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã bị nǎm sợi dây trói lại, ở trước Thiên chúng thấy vua Đế-thích đến, vào ngồi trong Thiện pháp đường, liền thốt ra lời ác, dùng đủ các lời hủy nhục mắng nhiếc Thiên chủ. Khi ấy có vị hộ vệ trời Đế-thích tên là Ma-đa-ly thấy A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ở trước sổ đông dùng lời ác mắng nhiếc Thiên chủ, liền dùng kệ, tâu với Đế-thích:

*Trời Đế-thích xấu hổ, sợ hãi
Vì không thể lực nên chịu nhịn
Nghe lời mắng nhiếc thô ác đó
Thấy đều nhận lãnh, không dám nói.*

Bấy giờ Đế-thích dùng kệ đáp lời Ma-đa-ly:

*Nhịn, không vì xấu hổ sợ hãi
Chẳng vì yếu thế trước Tu-la
Ai có mưu thần giống như ta
Sao lại hạ mình đồng vô trí.*

Ma-đa-ly lại dùng kệ tâu Thiên chủ:

*Nếu chẳng nghiêm khắc quở trách nặng
Kẻ ngu phán chí lại làm già
Phải nên bẽ dẹp kẻ vô trí
Giống như sợ roi, trâu bỏ chạy.
Như nay thả nó được bình yên
Trở về chốn cũ lại tự cao
Vì vậy người trí phải ra uy
Biểu hiện sức mạnh trừ si ám.*

Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

*Việc này từ lâu ta đã biết
Vì để chế phục bọn ngu si
Họ đem hiềm hận để chửi mắng
Ta nghe, chịu đựng tự chế tâm.*

Ma-đa-ly lại dùng kệ tâu Đế-thích:

*Thiên vương Đế-thích xin nghỉ kỹ
Nhẫn nhục như vậy là có hại
Kẻ ngu si kia mắng như thế
Tưởng khiếp sợ xấu hổ, không nói.*

Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

*Bọn ngu si tùy theo tâm ý
Cho ta sợ họ nên làm thinh
Nếu muốn lợi thân cầu an lạc
Đối với họ phải nên nhẫn nhục
Theo ý ta khi thấy họ mắng.
Chẳng nên dùng sân đối chơi sân
Với người sân đáp trả lại sân
Chiến đấu như vậy khó thắng được.
Nếu bị kẻ ác gây bức tức*

Có sức nhẫn được mới là khó
 Nên biết nhẫn này là sức mạnh
 Như vậy phải thời nên ngợi khen.
 Hoặc ta hoặc người hē khởi tâm
 Đều cầu cứu vót chõ đáng sợ
 Đã bị người sân mắng nhiếc ta
 Chẳng nên oán ghét đối với họ
 Đối với tự kỷ hoặc tha nhân
 Cả hai như vậy nên làm lợi
 Đã biết người sân mắng nhiếc ta
 Thì khiến sân kia tự tiêu tan
 Như thế hai bên, tâm lợi ích
 Hoặc mình, hoặc người đều phải làm
 Ý niệm người kia là ngu si
 Đó là do họ không biết pháp
 Nếu có các trượng phu đại lực
 Thường vì vô lực mà nhẫn chịu
 Nhẫn nhục như thế, người khen ngợi
 Với người vô lực, nhẫn chẳng sán
 Vì họ không có sức trí tuệ
 Chỉ dùng ngu si làm sức mạnh
 Vì ngu si nên xả bỏ pháp
 Bọn người như thế không chánh hạnh
 Tâm ngu si sanh, nghĩ thắng ta
 Sân si mắng nhiếc thốt lời thô
 Nhẫn được ác kia mới thường thắng
 Nhẫn ấy tăng trưởng khó nói đủ
 Cái thắng nói ra e chẳng hết
 Với họ sợ oán cho nên nhẫn
 Nghe người dưới chê mà nhẫn được
 Nhẫn này được người trí ngợi khen.

Chư Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Đế-thích khi ấy chính là Ta. Bấy giờ Ta làm vua cõi trời Tam thập tam, trị hóa tự tại, hưởng phước báo thù thắng, tự do hưởng lạc, luôn luôn nhẫn nhục, cũng khen ngợi

nhẫn, thích hạnh nhu thuận, không có sân nhuế, luôn luôn khen ngợi người không sân nhuế.

Chư Tỳ-kheo, nay các thầy tự nói là đối với sự tu hành có tâm tín giải, bỏ tục xuất gia siêng năng không lười. Các thầy nếu đối với chúng sanh khác có thể hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục, nhu thuận từ bi, thường hành an lạc, diệt trừ sân nhuế, khen người không sân. Chư Tỳ-kheo, các thầy nên học như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chúng chư Thiên và A-tu-la chuẩn bị binh trượng, muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với Thiên chúng: “Chư Nhân giả, nếu A-tu-la cùng chư Thiên chiến đấu mà chư Thiên đắc thắng thì các ngươi có thể dùng năm sợi dây trói họ lại, *như trên đã nói...*” Chư Thiên vâng lệnh. Vua A-tu-la cũng ra lệnh cho binh lính.

Chư Tỳ-kheo, khi đánh nhau, A-tu-la thắng. Vua trời Đế-thích địch không nổi, sợ hãi chạy về. Khi ấy xe vua cưỡi chạy về là chiếc xe ngàn cẩm dẽ điều khiển, muốn hướng thắng đến Thiên cung. Bấy giờ có một cây tên là Cư-trà Xà-ma-lê chấn ngang, trên cây có Kim sí điểu vương, trong ổ chim có các trứng. Đế-thích thấy vậy, bảo với người đánh xe Ma-đa-ly:

*Ma-đa-ly, trên cây có trứng
Hãy quay xe này lại cho ta
Thà bị Tu-la làm mất mạng
Chớ đừng phá hủy các tổ chim.*

Khi ấy Ma-đa-ly, người đánh xe giỏi, nghe vua trời Đế-thích ra lệnh như vậy rồi, liền cho chiếc xe ngàn cẩm dẽ điều khiển quay lại theo con đường hướng đến cung A-tu-la.

Chư Tỳ-kheo, các A-tu-la, lúc bấy giờ thấy xe Đế-thích bỗng nhiên quay lại, cho rằng Đế-thích có kế sách chiến đấu đặc biệt, nên trở lại muốn đánh nhau. A-tu-la bèn thối lui, ai vè cung nấy.

Lúc đó do Đế-thích dùng lòng từ, nên chư Thiên lại thắng, A-tu-la bại.

Chư Tỳ-kheo muốn biết trời Đế-thích bấy giờ chăng? Nay là thân Ta đó.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy Ta làm chủ cõi trời, lãnh đạo trời Tam

thập tam, trị hóa tự tại, hưởng phước báo tốt đẹp, vẫn thương yêu tất cả chúng sanh, vì thọ mạng của họ mà làm điều lợi ích, khởi tâm từ bi. Tỳ-kheo các thầy vì lòng tin mà bỏ nhà, nên làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, khi chư Thiên và A-tu-la sắp đánh nhau, bấy giờ, Đế-thích bảo với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la rằng: “Này Nhân giả, chúng ta hãy ngưng dùng các loại vũ khí. Trong chúng chư Thiên và A-tu-la đều có người có trí tuệ. Quý vị đều biết chúng tôi là thiện hay ác. Hãy nói về các nghĩa pháp. Ai dùng lời thiện dài hơn sẽ thắng.”

Khi ấy chư Thiên và A-tu-la nhường nhau nói trước. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền hướng đến trời Đế-thích nói trước với bài kệ:

*Kẻ ngu si quá mức
Quyết phải quở trách nặng
Bè, dẹp kẻ vô trí
Như trâu sợ roi, chạy
Ngu si không có ưa
Khó chế phục tại chỗ
Vì vậy dùng roi vợt
Mau dứt trừ蔓 si.*

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la hướng đến trời Đế-thích nói kệ ấy xong, A-tu-la quyến thuộc đều rất vui mừng, khen ngợi phấn khởi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: “Đại thiên vương, ngài hãy nói kệ đi” Bấy giờ Thiên chủ hướng đến A-tu-la nói kệ:

*Ta thấy rõ việc này
Không muốn đồng người si
Kẻ ngu tự khởi sân
Người trí ai tranh cùng!*

Bấy giờ vua trời Đế-thích thuyết kệ ấy xong, trời Tam thập tam và quyến thuộc đều rất khen ngợi, nhảy nhót vui mừng. Các A-tu-la quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy Đế-thích bảo vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: “Nhân giả, hãy nói lên lời lành”. A-tu-la liền hướng đến Thiên chủ nói kệ:

*Im lặng, ý nhẫn nhục
Đế-thích, Ta cũng biết
Người ngu si khi thắng
Nói ta sợ nên nhẫn.*

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ xong, các A-tu-la và quyến thuộc đều nhảy nhót, vui mừng, khen ngợi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy A-tu-la bảo Đế-thích: “Nhân giả, Thiên chủ hãy nói lời thiện pháp như thế”.

Bấy giờ vua trời Đế-thích hướng đến chúng A-tu-la nói kệ rằng:

*Người ngu theo ý mình
Bảo nhẫn là sợ sệt
Cho đây câu tu lợi
Người kia chẳng ích gì.
Ta cho kia làm ác
Chẳng nên sân đối sân
Với sân, nên làm thịnh
Dánh vậy mới thường thắng
Nếu bị người xúc não
Người có sức nhẫn được
Nên biết nhẫn như thế
Đứng trên các hạnh nhẫn
Không kể mình hay người
Câu lìa chõ sợ hãi
Nếu biết người giận mình
Đối họ, chẳng sanh ghét
Hai bên đều lợi ích
Cho mình và cả người
Người sân ghét mắng nhiếc
Mình sân tự tiêu diệt
Hai bên đều lợi ích
Cho mình và cả người
Ý người nghĩ ngu si
Là do chẳng biết pháp
Nếu người có sức mạnh*

*Nhân kẻ không có sức
 Nhân này là tối thắng
 Các nhân khác không bằng
 Kẻ kia không trí tuệ
 Chỉ có sức ngu si
 Vì ngu si bỏ pháp
 Tự nhiên mất chánh hạnh
 Ngu si tự khoe thắng
 Sân nhuế phát lời ác
 Nhân được nhục mà này
 Người ấy thường thắng lợi.
 Nghe trên áp đảo, nhân vì sợ
 Ngang nhau mà nhân, vì sợ oán
 Kẻ dưới mắng nhiếc mà nhân được
 Nhân này người trí đều khen ngợi.*

Bấy giờ vua trời Đế-thích nói kệ xong, trời Tam thập tam và quyến thuộc vui mừng khen ngợi, phấn khởi vô cùng. Còn chúng A-tu-la đều im lặng. Khi ấy, các trời trí tuệ trong hàng chư Thiên, và các A-tu-la trí tuệ trong hàng A-tu-la đều tập trung lại một chỗ, cùng bàn luận lượng định những bài kệ đó, suy tư tường tận, quán sát kỹ lưỡng và cùng khen ngợi, bèn nói thế này: “Thưa chư Nhân giả, nay trời Đế-thích khéo sử dụng ngôn từ, chỉ dùng chúng trị hóa, tất cả đều không có đao gậy, roi vọt, cũng không tranh cãi, đánh đấm, hủy nhục, oán thù, cũng không kiện cáo và mong cầu báo trả. Lại ở trong sinh tử, có họa hoạn đáng chán cầu xa lìa dục vì sự tịch diệt, vì sự tĩnh lặng, vì đắc thần thông, vì đắc Sa-môn, thành tựu Chánh giác, vì đắc Niết-bàn. Chư Nhân giả, kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói ra không có thứ ngôn ngữ vi diệu tốt đẹp như vậy mà những lời ấy tất cả chỉ có đao gậy, roi vọt, đánh đấm, cãi vã, hủy nhục, tranh tụng oán thù, cầu có sự báo trả, trưởng dưỡng sành tử, không chán họa hoạn, tham trước các dục, không cầu hạnh tĩnh lặng tịch diệt, chẳng mong thần thông và quả Sa-môn, chẳng mong Chánh giác và Niết-bàn. Chư Nhân giả, kệ mà vua trời Đế-thích đã nói gọi là khéo nói. Còn kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chẳng phải khéo nói. Chư Nhân giả, kệ mà Thiên

chủ Đế-thích đã nói là khéo nói, khéo nói. Còn kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói chẳng phải khéo nói, chẳng phải khéo nói”.

Chư Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Đế-thích khi đó tức là thân Ta.

Chư Tỳ-kheo, có khi Ta làm vua trời Đao-lợi, trị hóa tự tại, thọ hưởng phước lạc, vẫn nói lời tốt đẹp để làm vũ khí chiến đấu. Do lời nói tốt đẹp nên chiến đấu thắng lợi. Giống như Tỳ-kheo các thầy hôm nay, đối với giáo pháp mà Ta đã khéo nói, tịnh tâm lìa tục, bỏ nhà xuất gia, có hạnh tinh tấn. Các thầy nếu tìm cầu lời thiện lời ác trong chánh pháp, muốn nắm lấy ý nghĩa thì nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, khi chư Thiên và A-tu-la cùng đánh nhau. Vua trời Đế-thích đánh thắng, đuổi A-tu-la, rồi tạo lập một thắng điện, Đông – Tây ngang dọc năm trăm do-tuần, Nam – Bắc ngang dọc hai trăm năm chục do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, bên ngoài thắng điện ấy, có một trăm nơi phòng ngự; trong mỗi nơi phòng ngự ấy lại có bảy lầu gác, đều do bảy báu tạo thành. Trong mỗi lầu gác đều thiết trí bảy phòng; trong mỗi phòng đặt bảy cái giường; trên mỗi giường có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có bảy người hầu gái. Thiên vương Đế-thích và các ngọc nữ hầu cận chẳng làm gì. Đồ ăn uống, các thứ cần dùng như hương hoa, y phục, trang sức, tất cả nhạc cụ đều tùy theo quả báo của nghiệp đời trước mà thọ hưởng.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên cung trong cõi Tam thiền đại thiền thế giới không có cái nào sánh bằng thắng điện ấy của vua trời Đế-thích.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế này: “Ta có thần đức oai lực như thế, mặt trời, mặt trăng và trời Tam thập tam tuy vận hành ở trên ta, nhưng sức ta có thể nắm lấy, làm vòng đeo tai đi khắp các nơi”. Đã có một thời vua A-tu-la La-hầu-la trong lòng giận dữ, chưa đầy phiền não độc hại, tâm ý chẳng vui, liền nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: “Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta” và tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các quyền thuộc dưới sự thống lãnh của mình. Khi ấy các tiểu vương và các A-tu-la biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ đến mình, liền trang bị các loại binh khí, dẫn đến bên vua. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, mặc áo giáp cầm gậy lên xe cùng với các tiểu vương và

các quân binh vây quanh, kéo đến bên A-tu-la La-hầu-la; đến nơi dừng lại. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Được và Huyền Hóa. Khi ấy hai vị ấy biết vua kia nghĩ đến mình, lại nghĩ như vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ. Các tiểu vương và thuộc hạ biết rồi, ai cũng trang bị vũ khí, đi đến bên vua. Đến rồi, lại kéo đến bên vua A-tu-la La-hầu-la. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la tự trang bị các loại binh khí cùng với ba vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Được và Huyền Hóa, và các tiểu vương cùng quyền thuộc của ba vua, sau trước vây quanh, từ thành A-tu-la, dồn nhau ra đi, muốn cùng chư Thiên Đao-lợi đánh nhau.

Bấy giờ hai Đại long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà ra khỏi cung, dùng thân quấn quanh núi Tu-di-lưu bảy vòng, làm núi rung động; động rồi động nữa, động lớn, động khắp; rung rồi lại rung, rung lớn, rung khắp; phun rồi lại phun, phun lớn, phun khắp, dùng đuôi đập xuống biển, làm cho một khối nước vọt lên đến đỉnh núi Tu-di-lưu.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ rồi, bảo với Thiên chúng: “Các vị Nhân giả, có thấy đại địa này rung động chăng? Không trung mây đen kịt như mây có mưa, lại giống sương mù, biết chắc là A-tu-la muốn cùng chư Thiên đánh nhau”. Khi ấy, các Rồng ở trong biển đều cầm đủ loại binh khí ra khỏi cung, hướng đến trước A-tu-la, cùng A-tu-la đánh nhau. Nếu thắng thì đuổi chúng lui về cung. Còn chẳng thắng thì sợ hãi chạy lui đến bên Dạ-xoa Địa Cư. Đến nơi, nói rằng: “Quý vị nên biết, các A-tu-la muốn giao đấu với chư Thiên. Nay quý vị có thể cùng chúng tôi trợ lực đánh phá”. Dạ-xoa nghe rồi, chuẩn bị giáp trượng, hiệp lực rồng đi đánh. Giả sử thắng thì truy đuổi; còn không thắng thì lui, sợ hãi bỏ chạy đến chỗ Dạ-xoa Bát Túc. Đến nơi, nói rằng: “Dạ-xoa Bát Túc, quý vị có biết không? Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Quý vị nên đến cùng chúng tôi trợ lực để đánh chúng”. Bát Túc nghe xong, trang bị, cầm trượng, dồn nhau đi... *cho đến* thua chạy... đến nói với các Dạ-xoa Trì Man... *nhus trước...* không thắng nổi chạy lui, đến nơi với Dạ-xoa Thường Túy. Thường Túy nghe xong, lại trang bị gậy gộc cùng Trì Man... cùng hiệp lực chiến đấu. Nếu thắng được thì đuổi A-tu-la về cung; còn thất bại thì sợ hãi chạy lui, đi đến bên Tứ đại thiên vương. Đến nơi, tâu với Tứ đại thiên vương rằng: Tâu Tứ thiên vương, quý ngài nên biết! Các A-tu-la nay muốn